

A DI ĐÀ KINH SỚ SAO

QUYỂN 4

Liên Trì Đại Sư Soạn

Thuật Giả: Tổ Chu Hoàng

Việt Dịch: Hoà Thượng Hành Trụ

QUYỂN THỨ TƯ

QUYỂN 4A

Đất Cỏ Hàng chùa Vân Thê Sa Môn Chu Hoằng thuật lại.

Cảm Quả (phân ra làm hai phần)

1. Phật hiện ngã tiền (Phật hiện trước mặt ta)
2. Ngã vãng Phật xứ (Ta sanh qua xứ Phật)

PHẬT HIỆN NGÃ TIỀN

Người kia đến khi mạng chung, Phật A Di Đà cùng các vị Thánh chúng hiện ở trước mặt.

Sớ: “Người kia” là chỉ người tu pháp trì danh niệm Phật. Nương văn trên nói: Hễ được nhứt tâm bất loạn thời đến khi sanh mạng sắp cuối cùng, Phật ắt hiện trước mặt; do vì nhờ sức mình với sức Phật lẽ cảm ứng lẫn nhau như trong hai bộ Kinh và các Kinh nói.

Sao: “Sức mình” là: Phạm người khi mạng chung, lúc thân tiền hữu sắp mãn, thân hậu hữu chưa sanh thời cả đời bình sanh làm việc ác hay việc thiện, tự nhiên bây giờ nó hiện ra trước mặt, như: việc thập ác, việc ngũ nghịch thời tướng địa ngục hiện ra trước; xan tham tật đố thời tướng ngạ quỷ hiện ra trước. Nhẫn đến tu ngũ giới, thập thiện thời cảnh nhơn thiên hiện ra trước.

Nay người chuyên về niệm Phật, nhứt tâm bất loạn thời tịnh niệm thành tựu. Trong tâm thanh tịnh, lẽ nào Phật không hiện ra trước mặt ư? Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhớ Phật, niệm Phật hoặc hiện đời,

hoặc đời sau, quyết định thấy Phật”, chắc vậy.

“Sức Phật” là: Kinh Đại Bồn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta làm Phật, trong 10 phương vô ương số thế giới các vì chư Thiên, Nhơn dân, ai có phát tâm Bồ Đề tu các việc công đức, nguyện sanh về trong cõi của ta thời đến khi mạng chung, ta cùng đại chúng hiện ra trước mặt người đó để dẫn về nước”.

Trong bài văn Tam Bối Vãng Sanh, lại nói: “Người kia khi mạng sắp chết, Phật cùng các vị thánh chúng đều đến rước về”. Trong Quán Kinh, văn Cửu Phẩm, hoặc nói Phật A Di Đà đến trước người tu kia, hoặc nói đến chỗ người kia, đều là cái ý hiện ra trước mặt vậy.

Nói các Kinh là: Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức nói: “Nếu có người được nghe danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ Như Lai, nhứt tâm tin muốn, người đó khi mạng chung, Phật A Di Đà cùng các vị tỷ kheo hiện ở trước người đó; ma nó chẳng dám phá hoại cái tâm chánh giác người kia”.

Lại Kinh Cổ Âm Vương nói: “Trong tứ chúng (1), hoặc có người nào hay chon chánh thọ trì danh hiệu Phật kia. Đến khi mạng chung, Phật A Di Đà liền cùng với đại chúng hiện ra ở trước mặt người đó, khiến cho người đó được thấy”. Lại Kinh Hoa Nghiêm quyển 46 nói: “Đức Như Lai có 10 món Phật Sự: 1. Nếu có chúng sanh nào chuyên tâm nhớ niệm thời Phật hiện trước mặt người đó” v.v... Chính chỗ gọi rằng: chúng sanh niệm Phật, Phật rước cả không bỏ sót một ai. Nếu y theo Kinh Bát Nhã thời sức mình lại có hai nghĩa: 1. Sức mình niệm. 2. Sẵn có sức Phật tánh của mình và thêm nhờ sức của Phật nguyện rước, mới thành ba sức. “Sức sẵn có” là như chiếc thuyền. Sức niệm

Phật là như buồm chèo. Sức Phật nguyện rước là như gió xuôi. Ba việc đủ trọn, ắt chóng lên bờ kia.

Sớ: “Phật và các vị thánh chúng là: Phật gồm cả Báo thân và Hóa thân; thánh chúng gồm luôn các vị Bồ Tát, hàng Thanh Văn v.v...”

Sao: “Gồm Báo thân, Hóa thân” là: Trong Quán Kinh nói rõ về Phật hiện. Trước nói thân Phật cao 60 vạn ức; kế nói thân một trượng sáu; thứ nữa thì nói người sanh về phẩm hạ, vị Hóa Phật đến rước. Thế thời biết người sanh trong chín phẩm, chỗ thấy Phật chẳng đồng. Trong Nhiếp Luận cũng nói: “Bực Đẳng Địa mới thấy được ông Phật Báo thân lần hồi mỗi địa càng thấy thân Phật càng nhỏ nhiệm”. Kinh đây chỉ nói Phật hiện chớ không phân ông Phật Báo thân hay ông Phật Hóa thân, do vì nói một gồm nhiều.

“Gồm các vị Bồ Tát, Thanh Văn” là như trong Quán Kinh văn Thượng Phẩm Thượng Sanh, nói: “Phật cùng Quan Âm, Thế Chí, vô số Hóa Phật, trăm nghìn bí số, Thinh Văn đại chúng, vô lượng các đức chúa trời hiện ra trước mặt người đó”. Nhưng cũng có người niệm Phật mà Phật không đến rước để các vị Bồ Tát đến rước đây. Văn đây theo phần nhiều Phật rước.

Sớ: Hỏi: Con lâm chung Phật hiện ra trước, cũng có ma hiện chẳng? Đáp: Người xưa đã nói không ma; dầu hoặc có đó quý tại tự mình biện rành biết lấy.

Sao: “Không ma” là: Riêng tu một pháp thiền định ma ngũ âm nó nổi lên như trong Lăng Nghiêm, trong Chỉ Quán và các Kinh, luận phân biện việc ma rất rành. Kinh đây nói người niệm Phật nhờ sức oai thần của Phật, sức bản nguyện của Phật trong hào quang lớn của Phật

che phủ, quyết không có việc ma nó phá. Song cũng có người nghiệp chướng đời trước sâu dày, hoặc không khéo dụng tâm để cho có ma nổi lên, chưa chắc có thể quyết định được, phải phòng biện rành biết lấy.

Như trong Kinh, luận nói: “Người tu thấy Phật muốn biện bạch biết cho rành thời có hai phép như đây: 1. Thấy Phật hiện mà không hiệp với trong Kinh, luận thì đó là ma sự; 2. Không hiệp với chỗ tu của mình thì đó là ma sự. Sở dĩ vì sao? Do vì với người riêng tu pháp thiên định thời gốc chỗ tu hơn là duy nhận có tự tâm, chớ không nhận có nương nơi cảnh; cho nên ngoài tâm có Phật hiện, điều đó thôi không cần luận, do vì quả chẳng hiệp hơn. Kinh này nói người niệm Phật, một đời nhớ Phật, con lâm chung thấy Phật, Nhân quả phù hiệp, đâu đặng cho là ma sự ư?”

Nếu mà người chưa đặng rõ quyết Phật hay là ma được thì phải như hai phép trước kia để biện biệt xét biết mà thôi. Hỏi Đã nói rằng không ma thời ắt là thiệt Phật. Mà sao tôi nghe người xưa nói Phật không khứ không lai, nay vì lẽ gì có Phật hiện ở trước mặt người kia? Đáp: Với cái đạo lý cảm ứng nó liên lạc lẫn nhau, cũng chẳng ngại gì. Với lẽ không lai mà lai, không thấy mà thấy. Cho nên ngài Vĩnh Minh bảo rằng: “Như huyễn chẳng thật thời tâm và Phật đều quên; nhưng tướng huyễn chẳng không thời không hoại tâm và Phật”. Lại nói: “Ông chơn thật pháp thân vốn không sanh không diệt. Song từ nơi chơn Phật mà phát khởi ra ông Phật Hóa thân để dẫn dắt người si mê. Đây chính là công đức bản nguyện của Như Lai, khiến những chúng sanh nào có duyên kia, chuyên tâm tưởng niệm, hay ở trong tự tâm mình thấy Phật

đến rước; chẳng phải chư Phật thiết có sai vị Hóa thân đến rước”. Thế thời với thân Phật vẫn thường vắng lặng mà chúng sanh thấy có khí, có lai như hình trong gương, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, như việc trong mộng, chẳng có chẳng không.

Lại trong Kinh Pháp Hoa nói: “Do chúng sanh muốn cho được thân Phật hóa độ thời đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật ra để vì thuyết pháp cho nghe”, cũng ý đây vậy. Cho nên hễ có nước trong thời trăng tự đến, tâm thanh tịnh thời Phật tự hiện. Chỗ gọi rằng cảm ứng đạo giao, khó nghĩ, khó bàn.

Sớ: Nên biết khi lâm chung, thiết một tượng Phật và trợ niệm. Văn đây chép trong Kinh Phật, phép đây truyền ra từ bên nước Tây vức; không nên nghi ngại.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm quyển 15, lời tụng nói: “Hễ thấy có người lâm chung thì ta khuyên họ niệm Phật. Lại trưng tượng Phật cho họ xem kính; khiến người đó đối với Phật rất sanh tâm qui ngưỡng theo Phật cho nên dựng thành hào quang ấy”. Lời sớ nói: “Phép bên Tây Vức có người khi muốn bỏ sanh mạng, dạy họ trở mặt về hướng Tây; ở trước để một tượng Phật đứng, tượng kia cũng trở mặt về hướng Tây. Dùng đánh phan treo trên tay tượng, bảo người bệnh tay nắm đuôi phan, tưởng vãng sanh theo Phật, và bao nhiêu người cùng đốt hương, đánh chuông trợ niệm danh hiệu Phật. Chẳng những vong giả được sanh về trước Phật, mà cũng trọn thành thấy được Phật quang. Nếu với người xuất thần đạo đi các cõi, đi ở tự tại không ngăn ngại, đó là bực siêu phàm để ngoài lời luận. Còn hoặc người chưa được như vậy thời phải gắng gổ làm theo trên đó. Nghĩa là riêng vì

trương tượng Phật để trợ việc vãng sanh; huông chi người kia nhứt tâm bất loạn, cảm Phật hiện ra trước mặt; chớ lo là ma sự mà tự sanh tâm nghi ngại không nên!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh vọng cùng, chơn lộ là nghĩa “con lâm chung Phật hiện”.

Sao: Vọng tâm chưa hết thời mờ mờ mịt mịt; đó là cái nghĩa “mạng căn chưa đoạn”. Mê hoặc dứt, chấp trước không, tình lự tiêu, vọng kiến hết tỳ như người chết nhà hư, khói tắt tro bay là cái nghĩa “mạng chung” đấy. Các cái mê vọng hết rồi, không chơn còn đợi gì nữa? Bấy giờ dầu cầu Phật đừng hiện ra trước mặt cũng không thể được vậy. Song mà lòng từ của Phật vô hạn đâu đợi con lâm chung mới là hiện ra trước. Thế cho nên có câu: "Luôn luôn hiện trước kẻ thời nhơn mà kẻ thời nhơn tự chẳng biết" (2).

NGÃ VÃNG PHẬT XỨ

Người ấy khi chết tâm chẳng điên đảo liền đặng vãng sanh về nước Cực Lạc của Phật A Di Đà.

Sớ: Văn trên nói chữ "lâm" đấy là mạng gần muốn thác. Văn đây nói chữ "chung thời" chính là nói cái lúc hơi ấm (3) trong mình sắp hết, thần thức đi ra. Tâm chẳng điên đảo là do vì nhứt tâm bất loạn nên chẳng điên đảo. Do vì không điên đảo nên chẳng sanh về chỗ khác. “Liên đặng” là nói sự vãng sanh rất mau chóng.

Sao: Điên đảo là do người kia khi bình nhứt thuận theo thói vọng tưởng, không tu chánh niệm, tâm nhiều tán loạn. Như văn trước đã nói: Lúc sắp bỏ hơi ấm thời một đời chỗ làm lành hay dữ; bấy giờ đều hiện ra trước mặt; tâm thần lo sợ trăn trở mò mẫm co cúm. Người đáng vào

trong địa ngục thời tự thấy đối với núi đao, rừng kiếm, lại xem là vườn huê kiểng (vui thích). Người đáng đọa trong loài súc sanh thời với bụng ngựa thai lừa lại nhận là nhà cửa. Dầu cho người làm lành, được sanh cõi người hay cõi trời đi nữa, nhưng cũng chưa khỏi cái khổ: ghét, thương, cha, mẹ (4); nhẩn đến bực Tiểu Thánh sơ tâm (5) còn chưa chính biết được chỗ xuất nhập (6) nên chi gọi rằng điên đảo (7). Nhơn điên đảo đây nên phải tùy nghiệp thọ sanh trong 3 cõi, 7 thú (8).

Nay Kinh này nói: Đã nhứt tâm bất loạn thời trong sẵn chánh niệm, ngoài cảm Phật rước; bỏ báo thân này liền sanh về nước kia như lời Phật dạy: "Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh". Lại nói tất cả quốc độ duy có tâm tưởng kèm giữ. Trọn thành tâm tưởng thanh tịnh thời ắt đặng vắng sanh, hẳn không nghi ngờ gì nữa (không sợ sanh về chỗ khác).

“Sanh về chỗ khác” là có ba chỗ: 1. Thế giới Ta Bà đây; 2. Cõi nước Phật khác; 3. Chỗ biên địa nước kia; nay đều lựa bỏ ra đó. Chữ “tốc” nghĩa là Mau, là không trải qua thân trung ấm, không cách ngày giờ, nên trong Quán Kinh nói: “Như trong khi đờn chỉ đã sanh về nước Cự Lạc kia rồi”.

Lại ngài Trí Giả nói: “Cơn lâm chung mà tâm vẫn ở trong định, tức là cõi tịnh độ. Khi tâm nó động niệm tức là liền sanh về cõi tịnh độ”. Chỗ nói “tâm ở trong định” là: Kinh này nói “tâm chẳng điên đảo” vậy. Chỗ nói “tâm nó động niệm” là sau đó nguyện được sanh về nước kia.

Sớ: Kinh Đại Bản nói: “Thân thể của người ở bên nước Tịnh Độ, chẳng phải như thân thể của người ở cõi đời này và cũng chẳng phải

như thân thể của chúng ở trên cõi trời, mà là thân thể ấy đều là những đức chứa các việc lành nên tự nhiên cảm đặng cái thân thể nhẹ nhàng, bởi hóa sanh trong hoa sen, cũng không có người nhũ dưỡng”.

Sao: “Chứa các việc lành” ấy tức là các thân thành tựu bằng đa thiện căn, đa phước đức, chẳng phải như do tâm ái dục làm nhờn, cảm quả thân bằng tứ đại làm thể; cho nên chẳng do thai ngục mà là gá chất nơi ao sen thất bảo vậy. “Cũng không có người nhũ dưỡng” ấy nghĩa là tự nhiên khôn lớn, không phải như bên đất Bắc Cu Lô Châu còn đợi để đầu ngón tay ra sữa mà làm sự nuôi nấng.

Sớ: Do chỗ "nhứt tâm bất loạn" trên thì với những người được vãng sanh kia phân ra làm cái nhờn tam bôi cửu phẩm. Lại chín chắn phân tách ra cũng là vô lượng.

Sao: “Tam cửu” là Kinh Đại Bản nói tam bôi, Kinh Thập Lục Quán nói cửu phẩm, do nhứt tâm phân ra có sự và lý. Sự lý cũng lại phân mỗi cái có Thắng và Liệt. Sau khi được vãng sanh đúng như chỗ căn bản là cái nhờn tu đó mà chia làm phẩm vị.

“Tam bôi” là như Kinh Đại Bản nói: Bực thượng bôi là do những người phát tâm Bồ Đề chuyên niệm Phật A Di Đà tu các việc công đức và nguyện sanh về nước kia. Đến khi mạng gần thác, Phật và các hàng thánh chúng hiện trước mặt người đó; người đó liền ở trong ao thất bảo, hoa sen hóa sanh, trụ bực bất thối chuyển, trí huệ đồng mãn, thần thông tự tại. Chỗ ở thì là các cung điện bằng bảy báu ở giữa hư không, cách Phật rất gần”. Thế gọi là: người sanh bực thượng bôi; phối hợp với văn trước thời bực này đặng cả sự và lý nhứt tâm.

Bực trung bôi là những người không thể tu các công đức lớn mà

cũng phát tâm Bồ Đề, chuyên niệm hồi hướng. Khi mạng chung sanh về cõi kia, công đức trí huệ sút hơn bậc thượng bối; thế gọi là người sanh bậc trung bối. Phối hợp với văn trước thời bậc này vừa đặng sự nhứt tâm có dư, nhưng với lý nhứt tâm thời chưa đủ.

Sanh bậc hạ bối là những người không thể làm các việc công đức, nhưng cũng phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm nhứt đến mười niệm, được sanh về cõi kia; nhưng cung điện thì chỉ ở trên đất, lại sút hơn bậc trung bối; thế gọi là người sanh bậc hạ bối. Phối sánh với văn trước thời bậc này chỉ đặng sự nhứt tâm, chớ chưa đặng lý nhứt tâm.

“Cửu phẩm” là trong Quán Kinh có nói: Với trong ba phẩm thượng, có người sanh về cõi kia liền đặng trăm nghìn pháp Đà La Ni; có người sanh về cõi kia phải trải một tiểu kiếp mới đặng bậc vô sanh nhẫn, có người sanh về cõi kia, còn phải trải ba tiểu kiếp mới đặng bách pháp minh môn, trụ nơi bậc Hoan Hỷ địa. So sánh với văn trước thời phẩm này được cả sự và lý nhứt tâm; nhưng có cao và thấp cho nên thành ba phẩm; đây đồng như bậc thượng bối.

Với trong ba phẩm trung, có người sanh về nước kia liền đặng quả A La Hán; có người sanh về nước kia đến nửa kiếp mới đặng A La Hán; có người sanh về nước kia, trải một kiếp mới đặng quả A La Hán. Phối với văn trước thời ba phẩm này với sự nhứt tâm đầy đủ, Lý nhứt tâm còn kém thiếu, cũng có cao và thấp, nên thành ra ba phẩm. Lệ này đồng như bậc trung bối.

Với trong ba phẩm hạ, có người sanh về nước kia, phải trải 10 tiểu kiếp mới đặng vào bậc Sơ địa; có người sanh về nước kia trải đến sáu kiếp hoa sen mới nở, phát tâm vô thượng đạo; có người sanh về

nước kia, 12 đại kiếp mới phát tâm bồ đề; phối với văn trước thời 3 phẩm này chỉ có sự mà không có lý; cũng do cao thấp nên thành ra 3 phẩm; lệ như bực hạ bối.

“Chín chắn phân ra” là như trong văn trước nói: Trong bối phẩm phân ra lại phân ra thời có trăm nghìn vạn ức vô cùng Bối và Phẩm, đều là do sự nhứt tâm và lý nhứt tâm chỗ đặng có cao và thấp mà làm ra có thứ lớp nhiều thế.

Sớ: Như trong Quán Kinh nói: “Bực thượng phẩm thượng sanh là bực người đã đặng quả vô sanh nhẫn”. Ngài Thiên Thai phán ra cho thuộc về bực Sơ Địa, mà Kinh Hoa Nghiêm nói: “Với quả vô sanh nhẫn tự có bực thấp và cao”. Thời trong phẩm thượng thượng thật có nhiều phẩm; huống nữa là các phẩm trung và hạ kia!

Sao: “Thấp cao” là Kinh Hoa Nghiêm nói bực Bát Địa trong phần Tịnh Nhẫn, lời Sớ nói: “Bực Vô Sanh Nhẫn lược có hai nghĩa: 1. Ước về pháp; 2. Ước về hạnh. Ước pháp thời những cái lý vô khởi tác đều gọi là Vô Sanh; tâm huệ an trụ trong lý đó nên gọi là nhẫn. Ước hạnh thời Báo thân giới hạnh thuần thực, trí hiệp với lý, không trụ nơi vô tướng, không chấp nơi vô công, rộng rãi như hư không, lặng trang như biển đứng; tâm thức vọng hoặc, bật hết không khởi, mới gọi là Vô Sanh”. Thuyết trước còn chung các địa, thuyết sau chỉ riêng về Bát Địa; còn bao nhiêu như trong lời tự quyền trước đã có biện.

Cho nên biết bực Vô Sanh Nhẫn tự có thấp và cao, thời trong phẩm thượng thượng từ bực Nhứt Địa nhẫn đến bực Bát Địa đã trùm nhiều phẩm. Với các phẩm kia khá biết vậy nên chín chắn phân ra cũng đến vô lượng.

Sớ: Lại tam bối cửu phẩm, hai Kinh phối nhau thời mỗi thuyết có chút khác. Như ngài Phụ Chánh chỗ giải dung thông.

Sao: Trong Quán Kinh lời Sớ nói: “Kinh đây nói cửu phẩm vì khiến cho biết phẩm vị có cao và có thấp, tức Kinh Đại Bản nói tam bối”.

Ngài Cô Sơn nói: “Tam bối trong Đại Bản chỉ ngang với sáu phẩm về trước trong Quán Kinh. Vì tam bối thuần nói người hành thiện, không nói đến người ác vậy”. Ngài Linh Chi phân tam bối chỉ đối với ba ngành phẩm thượng; cho nên nói: “Các thuyết có khác nhau chút đỉnh”.

Ngài Thảo Am Phụ Chánh giải rằng: “Ngài Thiên Thai nói chín phẩm đồng với tam bối là so về ngôi thứ đồng nhau, chứ không phải nói bằng cách so về hạnh hơn (cái hơn tu). Thời ngài Cô Sơn, ngài Linh Chi đều không trái với ngài Thiên Thai. Sở dĩ vì sao? Do ngài Thiên Thai chỉ ước về ngôi thứ thời bối phẩm ngang đồng. Còn hai ngài kia chỉ ước về hạnh hơn thời chỉ bằng ngang với phẩm trung, phẩm thượng. Ngài nào cũng đều có chỗ chứng cứ, nhưng dùng nghĩa chẳng đồng; cho nên chẳng trái vậy”. Song chắc thật mà luận thời tâm phiền não chẳng khác tâm Bồ đề, trước ác nào ngại gì sau thiện, người ác đã trở thành người thiện, đâu chẳng phải đồng bậc với thánh hiền? Tam bối cửu phẩm phối hiệp ngang nhau, không chi phải nghi hết.

Sớ: Lại Kinh Hoa Nghiêm nói: “Người niệm Phật ‘số’ cùng ‘tâm’ bằng nhau” v.v... tức là nghĩa tam bối, cửu phẩm tùy gốc tu hơn chẳng đồng.

Sao: “Số, tâm bằng nhau” là: Kinh Hoa Nghiêm quyển 23, ngài

Ly Cấu Tràng Bồ Tát nói lời kệ rằng: “Nhu người tu pháp trì danh, lấy Phật làm cảnh giới, chuyên niệm mãi không thôi, thời người đó được thấy Phật. Số, cùng tâm kia bằng nhau” v.v... Giải rằng: Số cùng đồng bực với tâm nghĩa là tùy niệm tùy hiện. Tùy niệm có hai nghĩa: 1. Tùy niệm nhiều ít, Phật hiện cũng in như đó. Như niệm Phật một tiếng, có một vị hóa Phật từ trong miệng bay ra v.v... 2. Tùy niệm cạn, sâu thời Phật hiện cũng xứng đó, như cơn lâm chung thấy Phật, có thắng, có liệt v.v... Nhiều, ít, cạn, sâu, tức bối, phẩm phân biệt. “Người ấy được thấy Phật” tức là đức Phật A Di Đà hiện ở trước mặt người đó. “Chuyên niệm” là gì? Tức là nhứt tâm bất loạn.

Sớ: Lại ngài Chí Nhân nói hai món tịnh nghiệp cũng là nghĩa tam bối, cửu phẩm.

Sao: Ngài Chí Nhân pháp sư nói: “Một môn vãng sanh đây có hai pháp tịnh nghiệp: 1. Pháp chánh quán thâm soi trong bản tâm của mình. 2. Pháp trợ hành: làm đủ muôn việc lành. Hai việc đều đặn thời rõ thấu bốn cõi tịnh độ.

Nhu người chỉ làm đặng sự thiện, gần thời sanh về cõi Đồng Cư, còn xa thì làm cái nhơn cho ba cõi kia. Cho nên biết cõi Tịnh Độ chính là cảnh giới của ông Cứu Lý Bồ Tát đi lên; mà cũng là gồm chứa chúng sanh ngơ ngơ nữa (Cứu Lý: Đắc pháp niệm Phật bằng lý nhứt tâm. Ngơ ngơ: Cái nhơn còn xa).

Lại nói rằng: Bực viên cơ thể đạo (rõ đạo) là phép tịnh nghiệp tối thượng. Nếu thêm lời nguyện để dắt đường thời liền được dự hàng ưu phẩm (phẩm thượng). Còn những chúng tối đốt, chỉ niệm Phật phát nguyện thì cũng được sanh về. Xem một môn Tịnh Độ thời vị thánh

nhơn không bỏ một ai cả.

Xét câu nói: “Pháp chánh quán” thời thông cả phẩm thượng, phẩm trung. Câu nói: “Pháp trợ hành” thời đồng cả phẩm trung phẩm hạ. Lại ngài pháp sư làm lời luận đây rất đúng; kẻ xem đến chớ nên khinh thường.

Sớ: Có người hỏi: Với chín phẩm mà tám phẩm dưới từ trong hoa sen hóa sanh ra do vì phẩm thứ nhứt nói kim cang đài. Nay tham hiệp theo các Kinh luận thời Kinh luận nào cũng vẫn nói cả chín phẩm đều thuộc về hoa sen sanh ra.

Sao: Chấp rằng tám phẩm dưới đều từ hoa sen sanh là họ căn cứ trong Quán Kinh văn thượng phẩm thượng sanh nói: “Người kia tự thấy thân mình ngồi trên đài kim cang”, bởi trong đó không có hai chữ “liên hoa”, đó là phẩm thứ nhứt. Cho nên họ nói tám phẩm sau mới là từ trong hoa sen sanh ra. Song trong Kinh luận đã nói đành rành, đều nói rằng người sanh Tây phương, cả chín phẩm đều từ hoa sen mà sanh ra kia mà; kêu bằng "cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu..."

Kinh Đại Bồn ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Vô ương số thế giới chư thiên nhơn dân nhữ đến loài quyền phi xuân động, hễ sanh về trong cõi của ta thì đều ở giữa ao thất bảo, trong hoa sen hóa sanh”. Nói chữ Giai (đều) thời gồm cả chín phẩm nốt.

Lại nói các bực đại Bồ Tát phương khác, muốn thấy Phật A Di Đà thì ở nước kia trong ao thất bảo, hoa sen hóa sanh; nói bực Đại Bồ Tát thời ắt không phải phẩm trung, phẩm hạ.

Lại nói người đặng sanh bực thượng bồi kia, khi mạng muốn thác, Phật cùng các vị Thánh Chúng đều đến rước về. Người kia liền ở

trong ao thất bảo, hoa sen hóa sanh. Nói bực thượng bối tức là đối ngang với bực thượng phẩm, đều không có cái ý rằng bực tối thượng chẳng có hoa sen? Lại Kinh Pháp Hoa nói: “Người nghe Kinh điển này, y như lời nói trên đây mà tu hành, khi mạng chung liền sanh về Cực Lạc thế giới. Phật A Di Đà có các vị Bồ Tát vây doanh chỗ ở; người ấy trong hoa sen sanh ra đặng bực Bồ Tát có thần thông, vô sanh pháp nhẫn”.

Xét rằng: Đặng bực vô sanh nhẫn chẳng phải bực thượng thượng phẩm chớ gì?

Lại phẩm hạnh nguyện, đức Phổ Hiền Bồ Tát dùng 10 lời đại nguyện vương để dặt về nước Cực Lạc, mà nói rằng: “Cõi Phật kia chúng hội đều thanh tịnh; ta bây giờ ở trong liên hoa tốt nhứt sanh ra”. Xét rằng: Đức Phổ Hiền vãng sanh chẳng phải bực thượng thượng phẩm hay sao?

Lại Kinh Bảo Tích nói các vị Bồ Tát ở bực thập tâm Hồi Hướng, sau đặng vào trong hoa sen hóa sanh. Xét rằng bực thập tâm Bồ Tát chẳng phải bực thượng thượng phẩm hay sao? Lấy đây nghiệm xét ắt chứng rành.

Hỏi: Quả vậy thời trong văn thượng thượng phẩm, sao lại nói kim cang đài mà chẳng nói hoa sen? Đáp: Vì rằng lối hành văn lẫn nhau có và không, chớ nên chấp nhứt. Do đâu biết thế? Bởi văn thượng phẩm trung sanh cũng nói ngòi trên cái tử kim đài đó rồi; lại cũng cho rằng từ bảy phẩm dưới mới có hoa sen sanh hay sao? Huống chi phẩm trung sắp xuống cũng chỉ nói rằng: “Người ngày khi mạng chung, ví như anh tráng sĩ trong lúc co duỗi cánh tay đã sanh về Tây

phương Cực Lạc thế giới”, trong văn đều thiếu hai chữ hoa sen, rồi lại cũng cho rằng: 6 phẩm dưới mới là từ trong hoa sen sanh hay sao? Xét rằng: Đã nói không hoa sen là hơn thời phẩm trung, phẩm hạ là phẩm thua kém, sao cũng chẳng có hoa sen?

Lại với cái ngành thượng của trung phẩm sắp lên riêng có nói liên hoa đài, thời cái đài đó nó đồng một loại với kim cang đài và tử kim đài chẳng? Hay là nó đồng một loại với liên hoa u? Lộn xộn không thứ lớp, tấn thối không căn cứ; thế rõ biết văn thiếu lẫn mà nghĩa ắt lẫn đủ vậy.

Theo ý hiểu của tôi (ngài Vân Thê) phẩm nào cũng đều có hoa sen tất cả, hoa nào cũng đều có đài tất cả. Nhưng mỗi đài đều chẳng đồng nhau vì có tốt, có xấu, mà cái đài bằng ngọc kim cang thì là cái đài tốt hơn hết đấy thôi.

Như ông Trần Hoài Ngọc ngân đài vừa qua, kim đài nổi đến, khá chứng nghiệm vậy. Vả chẳng chữ Đài có hai nghĩa: 1. Chữ đài thuộc nghĩa cơ đài, là cái đài nó ở phía dưới hoa vì nó làm cái nền; như ở đời, người ta chạm tượng Phật, dưới có làm cái bửu đài, trên đài để những cánh hoa, trên hoa để vị Phật, phải vậy. 2. Chữ đài thuộc nghĩa phòng đài; là cái đài nó ở trong hoa, vì hoa bao bọc bốn phía nên gọi là phòng. Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa lấy hoa sen nêu 10 nghĩa Như. Đến văn “như thị báo” nói: “Ví như hột sen đều ở quanh giữa cái phòng đài”. Lại nói: “Hột nương ở trong cái đài” thì người đời thường nói tức là cái gương sen, phải vậy (Liên phòng: buồng sen, vì nhót chứa hột sen).

Lại Kinh Hoa Nghiêm văn Thập Địa Liên Hoa nói: “Hoa sen kia

dùng ngọc lưu ly làm cọng, gỗ chiên đàn làm đài gương, ngọc mã não làm nhụy, tua vàng Diêm Phù Đàn làm lá cánh”. Thế thì đều có nói cọng sen, gương sen, nhụy sen và cánh sen. Mà Kinh Niết Bàn cũng nói: "Ví như cọng, cánh, nhụy, gương hiệp làm hoa sen”; đây chỗ gọi rằng: Phòng đài đều là cái gương sen, tức là ý nghĩa rằng: ngọc báu chân thúc ca làm đài gương sen của Kinh Pháp Hoa. Xem đây, thời biết trong Quán Kinh về pháp quán hoa tòa, trước dạy: Phải tưởng hoa sen; kế nói lấy ngọc Thích Ca Tỳ Lăng Già làm cái đài sen. Thế là cái đài này nó ở trong hoa.

Lại nói mỗi mỗi sắc vàng, mỗi mỗi chỗ biến hóa; hoặc biến làm đài kim cang; hoặc biến làm lưới báu v.v... Thế thời cái đài này lại ở dưới hoa. Cho nên văn thượng phẩm trung sanh trước nói tử kim đài; kế nói dưới chơn cũng có hoa sen bằng thất bảo. Thế thời cái tử kim đài này ở dưới hoa đã rõ ràng.

Phàm hoa sen thời ắt có đài (gương), đài ắt có hoa. Nói Kim Cang đài không nói hoa, hay nói hoa không nói đài; văn trước, sau lẫn nhau bày rõ không nên chấp. Nhưng những người đặng sanh lên phẩm thượng thượng, một phen vừa gá vào hoa sen, tức thời hoa nở tức thời thấy Phật, tức thời chứng đạo. Còn các phẩm sau đó thời hoa nở lần lần muộn, thấy Phật lần lần chậm, chứng đạo lần lần cách xa. Lấy đây mà phân biệt thời biết chỉ có phẩm thượng thượng là đặc biệt riêng hơn, nhưng chẳng phải là không hoa sen, vì hễ nói đài thì đã có gồm cả hoa sen rồi.

Nếu chấp rằng: Không hoa sen là hơn, có hoa sen là thua, thế là khi dễ sen vậy! Mà với hoa sen đã là khinh dễ thì sao còn cầu về nước

Liên Bang? Mà trong pháp quán hoa tòa cũng nói Phật ngồi trên hoa sen thời vị Phật đó cũng là thua hèn ư? Lý đó sẽ nói làm sao cho thông?

Hỏi: Sao ngài Tứ Minh có nói rằng: “Chín phẩm nước Cực Lạc, tám phẩm từ hoa sen sanh ra” ư? Đáp: Ngài Tứ Minh chỉ nói rằng: “Tám phẩm từ hoa sen sanh, chớ ngài chưa nói không hoa sen thiệt là phẩm nào?” Do vì với phẩm trung, phẩm hạ, ngài cũng không nói hoa sen. Nếu quả phẩm thượng thượng không hoa sen thời chắc ngài cũng ắt có nói rành, chớ lẽ nào ngài chỉ mở mỗi đầu mà rốt cuộc rồi ngài không nói gì hết là sao vậy?

Hay là chữ Bát đó là người ta viết lầm cũng chưa biết chừng! Đâu biết chẳng phải ngài Tứ Minh nói: “Nước Cực Lạc chín phẩm từ hoa sen sanh ra” ư? Đợi bực cao minh biện lại đó.

Sớ: Hỏi: Ngoài phẩm hạ, lại có thai sanh, là thiệt có hay không? Đáp: Đó là vì nêu lên cho biết rằng: Người niệm Phật mà sức tin không kiên cố; chớ thiệt không có thai sanh.

Sao: “Không có thai sanh” đó, Kinh Đại Bản nói rằng: “Đức Phật Thích Ca bảo đức Di Lặc: ‘Nếu có chúng sanh tu các công đức, nguyện sanh về cõi kia mà không rõ trí Phật, chí ý dụ dục; đến khi mạng chung mới ăn năn lỗi mình. Vì vậy, sanh về cõi kia mới vào đến chỗ biên địa, thấy thành thất bảo, liền ở đó, trong hoa sen sanh ra, cũng có tự nhiên khoái lạc như cõi trời Đao Lợi nhưng ở trong thành đó trải qua trăm năm không đặng thấy Phật, không nghe Kinh pháp, khổ là vậy đó! Nên gọi là thai sanh, chớ không phải thật có thai sanh như cõi nhơn gian này vậy đâu. Lại dụ như nhà vua (Sát Đế Lợi), thái tử của

ngài phạm phép bị cầm trong nội cung, ở nhà bằng hoa ngọc, lầu cao điện âm, đồ ngọc báu trang sức quý tốt rất đẹp, màn báu giường vàng, thức ăn mặc, vật xài dùng thầy đều dư giả, mà lấy dây vàng Diêm Phù buộc xiềng hai chơn, chẳng đặng thông thả; tức dụ như thai sanh vậy.

Lại nói như người đó biết gốc tội của mình, biết tự hồi trách, cầu khỏi chỗ đó, tức đặng về đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ.

Lại trong Kinh Bồ Tát Xử Thai nói: “Bên Tây phương cách cõi Diêm Phù Đề đây 12 ức na do tha, có một cõi tên là Giải Mạn. Quốc độ đó toàn bằng thất bảo, sự vui cõi đó không chi bằng. Bởi móng ý muốn sanh cõi nước của Phật A Di Đà, nhưng còn bị nhiễm đắm nơi cõi đó, không thể đi tới trước đặng”, cũng là đồng loại với nghi thành và biên địa vậy.

Thế là người niệm Phật mà lòng nguyện vãng sanh không tha thiết nên mới ra nông nổi!

Sớ: Hỏi: Đã nói rằng niệm Phật trong 7 ngày nhưng mà với người khi lâm chung chỉ có 10 tiếng niệm Phật thì trong giây phút ít quá, như thế làm sao được vãng sanh?

Đáp: Chính do vì nhứt tâm bất loạn như trong luận Trí Độ nói. Lại nhờ sức mình và sức Phật như trong Kinh Na Tiên nói.

Sao: “Luận Trí Độ nói”: Chép rằng: “Khi người sắp chết, cái tâm trong giờ phút rất ít đó niệm Phật, sao cho hơn đặng trọn một đời gắng sức tu hành? Đáp: Tuy trong thời gian chốc lát, nhưng tâm lực nó mạnh mẽ, tâm rớt sau đó gọi là đại tâm”. Phải biết tâm ấy tức là nhứt tâm bất loạn.

Kinh Na Tiên nói: “Có ông vua hỏi ngài Na Tiên rằng: „Với người cả đời tạo ác khi lâm chung mới niệm Phật đặng sanh về nước Phật, ta chẳng tin lời đó?” Ngài Na Tiên đáp rằng: „Như người rinh một viên đá lớn để ở trên chiếc thuyền; nhờ thuyền đá đặng khỏi chìm. Người tuy trước ác, sau nhờ niệm Phật khỏi đọa địa ngục mà đặng vãng sanh, cũng lại như vậy”. Thế là tỏ rằng nhờ tâm lực của mình và nguyện lực Đức Phật, cả hai giúp lẫn nhau mới thành được việc.

Sớ: Hỏi: Đã nói rằng vãng sanh, người xưa lại nói: “Sanh thời quyết định sanh, đi thời thiệt không đi”, đó là có sanh không đi qua. Còn nay đây có đi qua để hóa sanh, thành ra hai nghĩa trái nhau?

Đáp: Do sanh trong tâm mình, cho nên qua bằng cách không phải như chơn bước đi qua nên gọi là “vãng sanh”. Như trong Kinh Hoa Nghiêm lời của ngài Giải Thoát Trưởng giả đã nói.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm: “Cõi pháp giới trùng trùng, nhưng cũng không ngoài cái tâm”. Kinh Lăng Nghiêm Phật bảo A Nan rằng: “Mười phương cõi hư không đều ở trong cái tâm của người”. Thế nên biết sanh về nước Cực Lạc tức sanh nơi tự tâm của mình; vì tâm nó không giới hạn thì không Đông, không Tây, thế thì đi đến chỗ nào? Nghĩa là hình dung ra cái lý: Đổi ướ, làm tịnh, đổi cái cũ thành cái mới, bỏ một đặng một, tuồng như có chỗ qua, kêu đó là “vãng”, đâu phải rằng từ đây đến kia, như cái tướng đi qua của trong thế gian khỏi thành này qua áp nọ ư?

Câu “Giải Thoát” là: Kinh Hoa Nghiêm phẩm Nhập Pháp Giới, ông Giải Thoát trưởng giả nói: “Các đức Như Lai kia, chẳng đi đến cõi

này, ta cũng chẳng đi đến cõi kia, nhưng hễ muốn nguyện thấy thế giới An Lạc Phật A Di Đà, tùy ý liền thấy”.

Đó đã nói rằng: tùy ý thời không vượt ngoài một niệm, mà đã được sanh sang nước kia. Cho nên biết rằng: Hình dung cái lý đặng sanh kia nên gọi đó là “vãng sanh”, mà thiệt ra không chỗ để qua. Với lẽ “không qua mà qua” cũng không ngại gì nói “có qua”. Xét tột mà luận: Chẳng những không qua, lại cũng không sanh. Với lẽ “không sanh mà sanh” cũng không ngại gì nói “có sanh”.

Sớ: Hỏi: Với trong Nội Viện Đâu Suất, người xưa cũng nguyện sanh về, nay sao riêng chỉ nước Cực Lạc? Đáp: Vì với nhơn tu có khó, có dễ, cảnh chúng có thắng, có liệt, và chủ có thầy có trò.

Lại hỏi: Thế giới Thắng Liên Hoa rất hơn nước Cực Lạc, sao lại không nguyện về? Đáp: Vì nước Lạc Bang ở gần không nên tìm xa.

Sao: Ý người hỏi là cho rằng: Đức Di Lạc cũng hiện tại thuyết pháp, chốn Nội Viện cũng thanh tịnh trang nghiêm, mà không cầu vãng sanh về đó là có làm sao? Đáp: Có ba nghĩa:

1. Vì cái nhơn tu khó dễ là: Phạm sanh nội viện phải đủ trí đức, đoạn đức (10), có hai công đức đó mới kham dự hàng thánh lưu. Ấy là khó, không bằng nước Cực Lạc: hễ người cầu vãng sanh tịnh niệm thành tựu liền đặng như nguyện, không luận còn hoặc nghiệp, phải có trí, có đoạn gì vì được đời nghiệp vãng sanh; ấy là dễ.

Xưa ngài Huyền Tráng Pháp sư nói: “Với chốn Nội Viện dễ sanh bởi cõi Đâu Suất cách cõi nhơn gian số dặm đường có thể tính được; cõi Cực Lạc cách cõi Ta Bà trải qua nhiều cõi Phật!” Ngài Tráng sư kia chỉ luận về dặm cõi, chớ không luận về cái nhơn tu; nay Kinh này

luận nhơn tu, không luận dậm cõi. Mỗi nghĩa đều có chỗ dùng riêng, song luận cho tốt lẽ thì lời ngài Tráng sư là vì căn cơ một loại đương thời; còn lời của Kinh này là cái đạo để muôn đời thường làm.

2. Cảnh có thắng và liệt là: Chốn Nội Viện không khỏi ở trong tam giới, còn nước Cực Lạc ra khỏi ngoài tam giới. Chỗ nghỉ thành của nước Cực Lạc còn không có nữ nhơn, còn sanh về chốn Nội Viện rủ sanh trật ở ngoài thời bị đấm việc vui ngũ dục. Cho nên nói sanh nhằm phảm hạ hạ là một bực chót của nước Cực Lạc còn hơn trăm lần ở chốn thiên cung.

3. Chủ, thầy trò là: Phật Di Đà là bực quả tròn muôn đức đã chứng Như Lai; đức Di Lạc là ông Bồ Tát bồ xứ còn ở bực Đẳng Giác. Kinh nói trong nước Cực Lạc kia có nhiều vị Bồ Tát nhứt sanh bồ xứ thời biết rằng đức Di Lạc sánh ngang với đức Quán Âm, Thế Chí đồng hầu bên vị Đạo Sư (Di Đà) cũng như thầy trò vậy. Cho nên đặng thấy Phật Di Đà rồi tức thấy đức Di Lạc, thấy đức Di Lạc vị tất là thấy Phật Di Đà vậy. Lại bực cổ đức có nói: “Trước sanh Tây phương, sau sanh Long Hoa” cũng có lý lắm. Riêng câu về Cực Lạc, đâu chẳng phải ư?

Với thế giới Thắng Liên Hoa đã rõ thấy trong văn Thọ Mạng trước. Nay nói Kinh Hoa Nghiêm so luận các quốc độ thời kế sau cõi Ta Bà, tức gọi là nước Cực Lạc; còn xa đó lại càng xa đến trăm vạn vô số thế giới mới nói đến cõi Thắng Liên.

Thế thời cõi Cực Lạc là nước ở gần, cõi Thắng Liên là nước ở xa lắm. Dụ như nước Việt mát mùa, nước Ngô đặng mùa; cất bước là tới ngay nước Ngô, thế nhưng bỏ nước Ngô không tới mà đi mên nước quá xa cách như nước Yên, nước Tần (11) thì cũng lắm lắm đó.

Sớ: Hỏi: Tôi thấy có người một đời niệm Phật khi lâm chung chưa ắt vãng sanh, là sao vậy?

Đáp: Bởi họ chỉ một đời niệm Phật mà chưa phải là nhứt tâm niệm Phật vậy.

Sao: Những bọn lơ lơ một đời niệm Phật đó mặc dầu là không giải đãi nhưng cũng không tinh tấn nên chưa đặng nhứt tâm; thành thử không đặng sanh về. Nếu quả chơn thật dụng tâm mà chưa được thuần nhứt, tuy đời nay chưa đặng vãng sanh nhưng cũng đã trông cái nhọn vãng sanh, sẽ qua đời sau ắt thành tựu pháp niệm Phật tam muội mà đặng vãng sanh.

Như trong Kinh Phạm Võng nói: “Nay tuy chưa đắc giới mà cũng đặng thêm phần lợi ích cho sự thọ giới đời sau”. Trong Tông môn bảo rằng: “Đời sau vừa ló đầu ra chỉ nghe một phần mà biết được một nghìn phần” là nghĩa đây vậy. Dè chớ đổ rằng: Tôi thấy người kia niệm Phật luống nhọc vô ích, rồi chê lời Phật dạy cho là không đủ tin!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh vô hình là nghĩa “bất diên đảo”; tự tánh vô cấu là nghĩa “sanh Cực Lạc Tịnh Độ”.

Sao: Đức Lục Tổ nói: “Ta có một vật không đầu, không đuôi, không bề lưng, không phía mặt”; thế thì dù tìm cái tướng ngay của nó còn không thể được, toan lấy cái gì là xiên là lộn ngược mà hòng kêu là “diên đảo” ư?

Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Đây là cái tướng chơn không của các pháp vì nó bất cấu, bất tịnh”, thế thì tìm cái tướng tịnh của nó còn không thể được, toan chỉ chỗ nào để gọi là cõi Ta Bà ư?

Vậy nay nói chỗ “không diên đảo” đó là toàn thân đã ngồi liên

đài nước Cự Lạc. Còn nếu một niệm điên đảo vừa sanh tức thời đã ở ngay quốc độ Ta Bà! Rõ là tâm tịnh độ tịnh; vì tức tâm tức độ, tức độ tức tâm thì Tây phương cách đây chẳng xa.

KẾT KHUYÊN

Này Xá Lợi Phát! Ta thấy điều lợi ích ấy nên nói lời khuyên bảo này. Nếu có chúng sanh nghe lời đây rồi nên phải phát nguyện sanh về cõi nước kia.

Sớ: “Ích lợi ấy” là chỉ văn trước “thấy Phật đặng vãng sanh”. “Lời đây” là: Thấy lợi lớn này nên nói lời nhứt tâm trì danh đây vậy. Người không nguyện sanh về thời riêng phụ lời Phật. Đây là lớp khuyên thứ hai.

Sao: Lời mà không lợi ích, Phật Ngài không nói. Nay pháp trì danh liền đặng vãng sanh đối với chúng sanh có lợi ích lớn nên Phật ngài nói vậy. Bởi vì đã đặng vãng sanh đó gọi là tự lợi. Sanh về nước kia rồi, nghe pháp đặc đạo, trở lại cõi Ta Bà có thể rộng ra độ nhiều chúng sanh; đó gọi là lợi tha.

Đủ hai việc lợi trên, cho nên nói là “lợi lớn”. Lớp khuyên thứ hai là: ban đầu nói chúng sanh nghe ấy chỉ là đặng nghe nước kia trang nghiêm tốt đẹp nên khởi tâm nguyện muốn, mà chưa biết làm như thế nào để đặng sanh đó (là lớp khuyên thứ nhứt).

Nay Phật mới chỉ ra cái nguyên do rằng nhứt tâm trì danh thời được Phật đến tiếp dẫn, liền đặng sanh nước kia thời nguyện lại càng thâm, chí lại càng thiết; cho nên nói lớp khuyên thứ hai.

Sớ: Lại nữa nói việc lợi là: rõ lại với việc hại bởi không nguyện

vãng sanh là

chỉ chỗ để ưa và nhàm vậy.

Sao: Cõi này tu hành trải nhiều kiếp thăng trầm mà chưa chắc đặng giải thoát, nay dùng pháp xưng danh niệm Phật chắc được vãng sanh liền lên bực bất thối; so chỗ lợi chỗ hại rõ như xem chỉ bàn tay. Lợi tức là các việc vui, hại tức là các việc khổ, nên phải có ưa và nhàm.

Sớ: Lại chữ "ngã thuyết" (ta nói) chính là rõ về phần giáo có nói rằng không ai hỏi Phật mà ngài tự nói vậy, nên gọi bằng "vô vấn tự thuyết".

Sao: Phật thấy lợi ích lớn ấy kíp vì chỉ bày; thế mà còn e các chúng sanh chậm chạp, mất nhờ chỗ lợi; cho nên ngài không đợi ai thỉnh vấn vậy.

Sớ: Xưng lý thời tự tánh cụ túc là nghĩa "lợi ích".

Sao: Thử xem tự tánh thiếu thôn sự gì? Trên thể Linh Tri (Phật tánh) Phật Di Đà cùng các thánh chúng cả ngày hiện trước; trong cõi thường Tịch Quang (pháp giới tánh), nước Cực Lạc, cõi Tịnh bang không giờ phút nào chẳng vãng sanh.

Ngặt vì Phật thấy lợi ấy, chúng sanh như đui. Phật nói lợi ấy, chúng sanh như điếc. Tuy đã nhọc nNgài mỗi miệng cạn lời, nhưng cần phải chính ta một phen tự thấy mới được.

GIAO DẪN PHẬT NGÔN LINH ĐOẠN NGHI HOẶC

(Phân làm 2 phần)

1. Minh Phật Đồng Tán: Dẫn các đức Phật đồng khen.
2. Thích Kinh Ứng Tán: Giải Kinh này nên khen ngợi.

Minh Phật Đồng Tán (phân ra làm hai phần)

1. Bôn Phật Tán: Phật Thích Ca khen.
2. Tha Phật Tán: Các Phật đồng khen.

BÔN PHẬT TÁN

Này Xá Lợi Phát! Như ta nay đây tán thán cái lợi ích là công đức bằng số bất khả tư nghì của Phật A Di Đà.

Sớ: Nói văn trên chẳng những chỉ mình ta thấy lợi ấy và nói lời này, mà cả đến 10 phương các đức Phật cũng đồng thấy lợi ấy và nói lời này nữa.

Chữ TÁN là ngợi khen tốt bực; chữ THÁN là quá cảm động phải thán phục!

Câu “bất khả tư nghì” là trước kia nói ta thấy lợi ấy, nay đây lại cực lực nói cái lợi ấy nữa là không phải nói cái lợi tầm thường đâu. Văn nghĩa gấp ba lần chuyển lên: 1. Chang phải vô ích nên nói là lợi. 2. Chang những cái lợi về phước, về sự; cho nên nói cái lợi công đức. 3. Chẳng những cái lợi chỉ là công đức mà thôi, cho nên nói cái lợi công đức mà bất khả tư nghì nữa.

Do vì thế nên đức Phật Ngài phải cực lực tán thán, chứ không phải một sự ngẫu nhiên.

Sao: “Xưng tán” là tỏ bày khen ngợi công đức quảng đại của Phật kia để cho người ta biết mà qui tín; hầuặng phần tiếp độ.

Cảm Thán là quá cảm kích phải than thở, vì nói pháp này cõi Nhơn Thiên ít có nên nhiều kiếp khó gặp, là để khiến người vừa thương lẫn mừng. Hỷ là mừng rằng nay mình đặng nghe. Bi là tủi rằng mình nghe đây rất muộn vậy!

Câu “bất khả tư nghì” là nguyên tên Kinh này, nghĩa nó đã thấy trong lời tựa văn trước. Kinh tên “bất khả tư nghì” là chính rằng đức Phật A Di Đà có đại công đức chẳng khá nghĩ bàn đó vậy.

“Văn có ba lần chuyển” là: Trong việc lợi gồm nhiều bậc dần dần sâu rộng: 1. Cái lợi phước sự là: Tu về phước sự tướng, là vì cái nhơn trong thế gian nên kêu là lợi nhỏ. 2. Cái lợi công đức là vì cái nhơn xuất thế gian nên kêu là lợi lớn. 3. Công đức chẳng nghĩ bàn là vì cái nhơn bậc thượng thượng xuất thế gian nên kêu là công đức lớn hơn trong các công đức lớn.

Sớ là công đức tuy hơn phước đức và sự tướng, nhưng ở trong đây lại còn phân ra có hơn có kém: Có thứ công đức còn khá nghĩ bàn, có thứ công đức chẳng khá nghĩ bàn. Nay pháp trì danh đây là công đức chẳng khá nghĩ bàn vậy, cho nên trong lợi lớn lại nói là lợi lớn hơn!

Sớ: Với câu “bất khả tư nghì” như trong Kinh Thanh Vương nói: “Thế giới nước An Dưỡng kia, phàm những gì của Phật pháp đều chẳng khá nghĩ bàn, với pháp thần thông hiển hiện biến hóa chẳng khá nghĩ bàn. Nếu ai có thể tin nhận được sự như vậy thì người ấy chẳng khá nghĩ bàn; với chỗ đặng nghiệp báo tốt cũng chẳng khá nghĩ bàn”.

Lại nữa với tất cả bốn món y báo, chánh báo, nhơn và quả cũng đều chẳng khá nghĩ bàn: Không thể lấy trí thức để suy nghĩ và không thể dùng lời lẽ để bàn nói cho tường tất được!!!

Sao: Với công đức ấy phân làm bốn món: 1. Công đức thí pháp rộng lớn, nghĩa là đối với thọ mạng vô lượng, quang minh vô lượng, ngôi Tam Bảo vô lượng, 37 phẩm và các pháp môn khác nữa đều bất khả tư nghĩ. 2. Công đức thần thông biến hóa khắp cùng, nghĩa là đối với nước, chim, cây, rừng đều nói pháp nhiệm mầu; món ăn, thức mặc, đến cả việc thọ dụng đều tự nhiên sẵn có, chúng sanh đều đủ tướng hảo, đều đủ thần thông biến hóa, cũng đều bất khả tư nghĩ. 3. Công đức tín thọ do căn lành đời trước, nghĩa là đối với pháp "nan tín" đây, những người mà hay tín thọ được là người đó đời trước đã có tu căn lành nhân đến vô lượng, với người cũng bất khả tư nghĩ. 4. Công đức quả báo khó hơn nghĩa là đối với hễ niệm Phật được nhưt tâm liền đặng vãng sanh, liền đặng vào ngay hội Thượng Thiên, chúng liền bực bất thối chuyển, rớt ráo thành quả Phật, đều vượt khỏi thường tình; cho nên đều nói công đức chẳng khá nghĩ bàn. Như Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Nghĩa Kinh này chẳng khá nghĩ bàn, đặng quả báo cũng chẳng khá nghĩ bàn”, thật thế.

Câu "Y, Chánh, Nhơn, Quả": Chữ Y nghĩa là cõi Đồng Cư tức là cõi Tịch Quang; chữ Chánh là Ứng thân tức là Pháp thân; chữ Nhơn là bảy ngày niệm Phật thành công; chữ Quả là một phen sanh về, đặng bực bất thối chuyển, lại cũng vượt khỏi thường tình; cho nên đều nói “chẳng khá nghĩ bàn”.

Thuở xưa ngài Anh Pháp sư ở đất Đông Độ giảng Kinh Hoa

Nghiêm đã 40 lượt, hơn khi vào trong Tịnh Nghiệp Đạo Tràng của ngài Xước thiền sư, thâm nhập được pháp môn tam muội; sư than rằng: “Giận mình nhiều năm luống tìm văn sớ nhọc thân tâm vậy, nào dè pháp niệm Phật này nhiệm mầu chẳng khá nghĩ bàn!”

Sớ: Xứng lý thời tự tánh nó lia hẳn hai cái tướng: tâm và ngôn, là nghĩa "công đức chẳng khá nghĩ bàn".

Sao: Luận Khởi Tín nói tâm (tánh) này từ xưa đến nay mãi đến bao giờ cũng vẫn ly tướng tâm duyên, ly tướng ngôn thuyết. Thế cho nên hễ vừa manh tâm niệm là lầm, móng ý tưởng là sai, chấp câu văn là mê, theo lời nói là mất; thế thì phải như thế nào? Mà dù cho ngoài ngậm miệng, trong tắt máy suy nghĩ cũng là y nhiên bị lạc về tánh vô ký: Là không nhớ không quên. Do đây mới biết công đức kia là chẳng khá nghĩ bàn.

THA PHẬT TÁN (phân ra làm sáu phần)

1. Đông Phương
2. Nam Phương
3. Tây Phương
4. Bắc Phương
5. Hạ Phương
6. Thượng Phương

ĐÔNG PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. Liệt danh hiển quảng: Ke tên rõ rộng nhiều.
2. Hiện tướng biểu chơn: Bày tướng lười chắc thật.

3. Phát ngôn khuyến tín: Thốt lời đề Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỆN QUẢNG

Phương Đông cũng có các đức: A Sơ Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật v.v... như vậy các vị Phật nhiều bằng số hằng sa.

Sớ: Dẫn lời khen của các đức Phật thời người ta thấy rằng: Đối với pháp môn Tịnh Độ đây chính là một thành pháp rất hiệu lực vì được hàng nghìn vị Phật, vô lượng các vị Phật khác đều riêng miệng, chung lời cùng nhau đề khen ngợi nên người ta phải tin chắc chớ không còn nghi gì nữa. Bản dịch của nhà Đường có đủ 10 phương, nay thiếu bốn góc là bớt vắn.

Trước dẫn phương Đông đó là theo phương phép thông thường, mà cũng là lấy phương Đông để nêu trí huệ.

Sao: “Mười phương” là: ngài Tráng Sư dịch có bốn góc, thời thành 10 phương. Nay chỉ nói 6 phương là do phương chánh nó gồm phương góc (phụ) nên nói “bớt vắn”.

Nói “theo phương pháp thông thường” là: Trong các Kinh phàm chỗ nói 10 phương thường trước nói phương Đông làm đầu vì phương Đông theo bốn mùa thì nó thuộc về mùa Xuân, vạn vật sanh trưởng nên có nghĩa như trí huệ tiến triển. Bởi trí là như đứng tiên đạo (ông dắt đường) sáng suốt, pháp sanh ra vạn pháp thật dụng; cho nên bắt đầu nói phương Đông, tức như ý nghĩa rằng: ông Xá Lợi Phất, đức Văn Thù làm bực dẫn đạo trong chúng (làm đầu trong chúng).

Sớ: Nói lên 6 phương đó là vì đức Phật Thích Ca ở phương giữa

(trung ương).

Sao: Đã nói có 6 phương là: trên, dưới và bốn phía mà sao lại không nói đến trung ương? Số là đức Thích Ca ở thế giới Ta Bà, lấy chỗ bản sở ngài ở làm trung ương. Đối với chính giữa thì phía trước, phía sau, bên tả, bên hữu, cõi trên, cõi dưới thành 6 phương.

Sớ: Phật A Sơ Bệ dịch là Bất Động vì pháp thân Phật bất động; có một thuyết khác nói: “Vì chẳng bị hai bên nó làm lay động nên nói bất động”.

Sao: Nghĩa Pháp thân là bất sanh, bất diệt, vô khứ vô lai; với bực Diệu Giác (quả Phật) cũng không thêm; với kẻ vô minh (chúng sanh) cũng chẳng giảm vì lạng lẽ thường còn, như như bất động.

“Hai bên” là bên có, bên không vậy. Với có, nó không thể làm cho ta đắm mắc vào các cái tướng có; với không, nó chẳng thể làm cho ta phải dính vướng cái không. Nghĩa là không chấp đoạn, không chấp thường vì hai bên đều bất động, bởi lẽ tuyệt đối.

Hỏi: Phương Đông thuộc mùa Xuân sanh trưởng muôn vật. Đối với quẻ là quẻ Chấn mà quẻ Chấn là động vậy. Chớ sao nói đức Phật kia hiệu là Bất Động?

Đáp: Do lẽ tức động mà tức tịnh đó mới có được cái diệu dụng sanh trưởng vạn vật bằng cách biến hóa vô cùng, nhưng mà cái bản thể vẫn thường vắng lặng. Vì vắng lặng nên nói là Bất Động. Kinh Hoa Nghiêm lấy phương Đông tiêu biểu cho trí bất động cũng là chính ý đây vậy.

Sớ: Phật Tu Di Tướng là vì tướng của Phật tốt đẹp vô cùng như

núi Tu Di.

Sao: Tu Di dịch Diệu Cao. Núi này do các ngọc báu dựng thành nên gọi là Diệu, là tốt quý nhất. Vượt khỏi các núi nên nói là Cao, là trên cả.

Tướng hảo của Phật do tu được trăm phước kết thành, không phước nào chẳng cụ túc; thế gọi đó là Diệu (sang đẹp nhất). Tướng hảo của người, của trời và bực nhị thừa, với các vị Bồ Tát cũng đều không bì kịp; thế gọi là Cao.

Sớ: Thế nào gọi là Phật Đại Tu Di? Vì đức của Phật cao rộng, du như núi Tu Di lớn. Có một thuyết khác nói: Danh của Phật lớn hơn núi Tu Di, vì tinh thần cao cả như trong Kinh Duy Ma đã nói.

Sao: Núi Tu Di cao rộng vượt khỏi 7 lớp núi vàng (núi thất kim). Do đối núi thất kim, gọi đó là lớn. Đức của Phật cao rộng, không chi sánh bằng, dụ như núi Tu Di lớn vậy. “Danh Phật” là: Kinh Duy Ma nói: “Danh của Phật đồn khắp cao xa, vượt khỏi núi Tu Di”, nghĩa là lớn hơn núi Tu Di kia vậy. Bởi núi kia dù quý báu nhưng chỉ bằng vật chất vô tri vô giác.

Sớ: Phật Tu Di Quang là hào quang của Phật rộng phóng ra chiếu khắp hơn hết, cũng như núi Tu Di vì ánh sáng phủ hết các núi vậy.

Sao: “Hào quang sáng” có hai nghĩa: 1. Núi Tu Di do các ngọc báu kết tinh làm thành. Thể chất của ngọc báu nó chói ra ánh sáng, cũng như thân Phật tâm rất thanh tịnh thời trí giác sáng suốt phóng ra. 2. Núi Tu Di thể nó lớn thì tia sáng nó cũng lớn; cũng như Phật có trí lớn thì hào quang sáng vô lượng vậy.

Sớ: Phât Diệu Âm là tiếng pháp tròn trịa nhiệm màu vì Ngài thuyết pháp thích hợp cả các căn cơ.

Sao: “Tiếng pháp tròn màu” là như Kinh Duy Ma nói: “Đức Phật dùng một tiếng diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại, mỗi trình độ đều nghe hiểu được cả”. Lại nói: “Đối với tiếng của chúng nhơn, tiếng của Phật là nhiệm màu đệ nhất, vì là có cái tướng hảo phạm âm”.

Sớ: “Nhu vậy hết thảy” là: Nhiều quá không thể nói kể cho hết nên chỉ kể nói năm vị Phât, còn thì dùng nghĩa chữ “đẳng” là tất cả hay “vân vân..” để bao gồm đó. Với Hằng hà cũng nói Căng Già hà. Chữ “sa” là hột cát; để du số nhiều Phât kia.

Sao: Hằng hà là một con sông tại bên nước Tây Vực (Ấn Độ) bên ao Vô Nhiệt. Trên đỉnh núi Hương Sơn có ao Vô Nhiệt Nảo, phát nguyên chạy ra bốn con sông. Sông Hằng này ở về phía Nam, rộng bốn mươi dặm; cát trôi theo dòng nước rất là nhỏ. Phật thuyết pháp ở gần con sông kia nên phàm nói số nhiều thường lấy số cát kia để ví dụ.

Nay nói bên phương đông có rất nhiều vị Phât như số cát rất nhiều trong sông Hằng kia. Nếu cứ theo Kinh Pháp Hoa về lời dụ một mảy bụi làm một kiếp thì số cát sông Hằng ấy cũng là rất ít. Nay ví số cát sông Hằng để tỏ ý thật là vô tận, cho nên Kinh Đại Bản nói: “Vô lượng vô số, bất khả tư nghì, vô hữu đẳng đẳng, cả vô biên thế giới sở hữu chư Phât Như Lai đều đồng khâm khen Phât A Di Đà sở hữu công đức” thời số cát sông Hằng kia chưa đủ dùng để dụ cho hết đó vậy.

Sớ: Với các danh Phât trên đó, ngài Linh Chi nói: “Giữa các nhà Tổ xưa nay, có vị truyền nhau không giải; cũng có ngài thích nghĩa

như thế này; hoặc vì lấy cái nhọn hoặc vì lấy cái quả, hoặc dùng về Tánh, hoặc dùng về Tướng, hoặc thủ theo tâm từ, bi, trí, đức, hạnh và nguyện v.v... của chư Phật để giải thích ra mỗi danh nghĩa thì cũng không ngại gì”.

Sao: “Không giải” là vì bởi Phật đủ muôn đức tánh, không thể lấy một cái danh đức mà giải nói cho rõ hết những đức tánh ấy, còn dịch giải thì cái tên Phật quá dài vì nhiều chữ. “Cũng có giải” là vì bởi Phật đức dung thông vô tận nên cũng có thể lấy một đức mà gồm thông muôn đức; thế thì riêng kể một đức tức đủ các đức rồi.

Cho nên hễ nói nguồn nhọn thì đã gồm biển quả; nói quả thời suốt thấu đến nhọn; vì không lẽ có trí mà chẳng có bi; có bi mà chẳng có trí. Không có hạnh nào chẳng do nguyện khởi; không có nguyện nào phi hạnh mà thành. Như vua Nghiêu có nhọn, vua Thuấn có hiểu, vua Võ có kiệm, vua Thang có khoan, nghĩa là cũng có lẫn nhau đều đủ hết cả.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh có trí huệ chang khá cùng tận là nghĩa phương Đông có Hằng sa Phật.

Sao: Với phương Đông nghĩa thấy giải văn trước. Vật có hình tướng thời có cùng tận, chớ trí huệ thời không tột hết vì bản thể nó là vô tướng. Tìm trí huệ bên ngoài có thể hết, tìm trí huệ trong tự tánh không thể hết được.

Nói “cát sông Hằng” đó cũng chỉ là dụ được phần ít đáy thôi. Sở dĩ chúng nhọn đem hết cả tâm lực tư duy, cùng nhau để so lường cũng chẳng xét lường được trí của Phật.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Mỗi vị Phật đều ở nước mình hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp trùm cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Sớ: Chữ “kỳ quốc” là nước bản sở của mỗi Phật tự ở. “Các ư kỳ quốc” là thấy mỗi vị Phật, Phật nào cũng đều vậy cả. Bên tả, bên hữu là bề rộng. Tiền hậu là bề dài. Cõi Tam Thiên Đại Thiên rõ như trong luận Cu Xá nói. “Khắp trùm cõi Tam Thiên” là cực lực nói bề rộng dài của tướng lưỡi của chư Phật.

Do vì đức Phật đã nhiều kiếp tu khẩu nghiệp được thanh tịnh. Nếu muốn rõ nguyên do đây, thì xem trong Kinh Hoa Nghiêm đã có nói.

Nói đoạn văn đây là để rõ rằng với lời Phật là ắt đáng tin, khiến đoạn hết tâm nghi.

Sao: Luận Cu Xá bài tụng nói: “Kể từ bốn đại châu, mặt nhật, mặt nguyệt, núi Tô Mê Lô, cõi trời Lục Dục tột đến cõi trời Phạm thiên cộng là một thế giới. Lại đủ một nghìn lần như vậy gọi là một cõi Tiểu Thiên. Lại đủ một nghìn lần cõi Tiểu Thiên như vậy mới gọi là một cõi Trung Thiên. Lại một nghìn lần cõi Trung Thiên như vậy mới gọi là một cõi Đại Thiên”. Cả cõi Đại Thiên ấy đều chung một số kiếp thành, trụ, hoại, không.

Nay giải nghĩa bốn châu lớn, hai vùng nhật luân, nguyệt luân, một núi Tu di, từ dưới Địa ngục, đến cõi trời Lục dục; từ cõi trời Lục dục đến cõi trời Phạm thiên, ngang từ trời Sắc giới đây, gọi là một thế giới. Như thế; đếm làm một, đếm đến một ngàn gọi là một cõi Tiểu Thiên. Lại lấy cõi Tiểu Thiên làm con số một, cũng như đếm là một, như thế đếm đến số nghìn kêu là một cõi Trung Thiên.

Lại lấy cõi Trung Thiên đếm làm con số một, cứ như thế mỗi mỗi đếm chồng chất cho đến số nghìn, kêu là một cõi Đại Thiên. Do gấp ba lần nói số nghìn, cho nên nói Tam Thiên Đại Thiên; kỳ thật một Đại Thiên mà thôi. Một thế giới Đại Thiên, tức trong Kinh nói một cõi của một vị Phật giáo hóa chúng sanh.

Phật A Súc Bệ nhấn đến hằng sa các đức Phật kia, mỗi vị làm chủ trong một cõi đại thiên thế giới ấy.

Nay nói các vị Phật, mỗi ngài đều ở trong cõi nước của mình phát ra tướng lưỡi rộng dài phủ trùm trong cõi ấy không chỗ nào mà chẳng khắp.

“Khẩu nghiệp nhiều kiếp thanh tịnh” là: Với điều nói năng thì không dùng lời nói vọng ngữ, lời nói thêu dệt, lời nói hung dữ, và lời nói hai lưỡi, thường dùng lời chơn thật, lời ngay thẳng, lời nhu nhuyễn và lời hòa hiệp. Mà nói nhiều kiếp đây là: Trong Kinh nói lưỡi của phàm phu có dài quá lắm là chỉ tới chót mũi, là nêu cái tướng ba đời không nói vọng; còn Phật là vô lượng kiếp lại đây từng không nói vọng, đã từ lâu đời chứa nhiều công đức của lời chơn thật nên mới cảm được cái tướng lưỡi dài tốt như vậy.

Muốn rõ nguyên do đây thì Kinh Hoa Nghiêm phẩm Ly Thế Gian nói: Vị Bồ Tát có 10 thứ lưỡi, chỗ gọi rằng: Lưỡi mở bày diễn nói cả hạnh nghiệp của vô tận chúng sanh; lưỡi mở bày diễn nói cả pháp môn nhiều đến vô cùng tận; lưỡi khen ngợi các đức Phật đều có công đức nhiều đến số vô tận nhấn đến lưỡi nói pháp để ngăn dẹp tất cả các loại ma, chúng ngoại đạo, dứt hết sanh tử, phiền não khiến chúng sanh đến cõi Niết Bàn; ấy là 10 thứ lưỡi. Vị Bồ Tát thành tựu 10 pháp này mới

được tướng lưỡi vô thượng của Như Lai, phủ khắp các cõi nước. Cho nên nói rõ nguyên do Phật được tướng lưỡi như thế thì chẳng những chỉ một nhơn.

Câu “át đặng tin” ấy là tướng lưỡi của phàm phu không hơn ba tấc. Người xưa nói: “Khua ba tấc lưỡi thời chê, khen, yểm, khoe theo ý riêng của mình, chưa đáng tin nổi”. Còn Phật đủ tướng lưỡi rộng dài như thế đâu có dối ư? Nay đây với lời của 6 phương Phật khen ngợi Phật A Di Đà còn nghi không tin thời không có lẽ đó. Nếu không tin là người không có duyên với Phật!

Sớ: Lại nữa Bồ Tát trong ngôi Thập Hạnh còn có tướng lưỡi rộng dài đã hơn với lượng trùm đại thiên thế giới đây; nay cũng sơ lược mà nói thế thôi.

Sao: Tướng lưỡi của Bồ Tát là: Kinh Hoa Nghiêm nói bực Thập Hạnh Bồ Tát thành tựu 10 món vô tận tạng nên khi Bồ Tát thuyết pháp dùng tướng lưỡi rộng dài nói ra tiếng tăm nhiệm mầu khắp đầy 10 phương tất cả thế giới.

Nói “10 phương tất cả” thời chẳng những một thế giới đại thiên mà thôi. Bồ Tát còn thế hưởng chi đức Như Lai!

Văn đây chỉ nói “đều ở trong bốn quốc của mỗi đức Phật” cho nên nói rằng là sơ lược. Thật ra thì Phật khen cõi tịnh độ mà khắp cả 10 phương tất cả thế giới không vị nào mà chẳng khen.

Sớ: Ngài Từ Ân nói: “Tướng lưỡi của Phật chứng việc nhỏ thời lưỡi nó phủ cả cái mặt cho đến mé tóc”; nay nói phủ cả đại thiên thế giới là chứng sự lớn, tức là “đại sự nhơn duyên”.

Lại nói: “Bồ Tát đặng tướng lưỡi phủ cả mặt, cho nên Bồ Tát chỉ nói một lời không hai vì đều là lời chơn thật” thời biết tướng lưỡi phủ mặt đã không nói vọng, huống lưỡi phủ khắp cõi Đại Thiên ư?

Sao: Tướng lưỡi lớn nhỏ là do Phật chứng đặng cái pháp sắc thân tam muội, sáu căn đều được tự tại, giải thoát giữa cảnh sắc 6 trần nên chứng việc nhỏ, chứng việc lớn, đều theo ý ngài biểu hiện ra. Nói “việc lớn” ấy là Kinh Pháp Hoa nói: “Phật vì một việc nhơn duyên lớn nên mới xuất hiện ra đời, dạy bảo chúng sanh đều được vào bực Phật”.

Nay sáu phương chư Phật khen cõi Tịnh Độ bằng cách hiện tướng lưỡi như thế đây thời biết pháp môn Tịnh Độ việc lớn đồng với Kinh Pháp Hoa. Nếu không phải việc lớn thì theo lối thường người ta nói: “Cắt cổ gà đâu phải dùng đến con dao giết trâu” (12).

Lại câu “Bồ Tát lưỡi phủ cả mặt” đây là nói bực thua, sánh đó để biết bực hơn, là một biện chứng pháp triệt để để khuyên người tin chắc.

Sớ: Lại với 10 phương đây là nói theo bề ngang; bằng luận theo bề dọc thì thông đồng đến 3 đời, không vị Phật nào mà chẳng khen ngợi.

Sao: Lấy 10 phương để so 3 đời, thời trước từ Phật Ca Diếp nhẫn đến quá khứ không lường các vị Phật; với sau, từ Phật Di Lặc nhẫn đến đời vị lai không lường các vị Phật, ắt cũng vẫn hiện ra tướng lưỡi rộng dài phủ khắp 3 đời vậy. Các vị Phật tướng đã đồng thời tâm cũng đồng, trí cũng đồng và nguyện cũng đồng. Đã sáu phương Phật đều khen ngợi Kinh này thời biết ba đời các vị Phật cũng ắt khen ngợi Kinh này như sáu phương Phật kia vậy.

Chính chỗ gọi rằng nói và khen không hờ dút đối với Kinh này phải vậy.

Sớ: Xưng lý thời tự tánh khắp pháp giới là nghĩa “tướng lưới rộng dài”.

Sao: Bực cổ đức nói: “Tiếng nước suối tức là tướng lưới rộng dài”. Thế thời với tướng lưới rộng dài ấy, chẳng những chỉ các vị Phật có thôi mà tất cả chúng sanh cũng đều có, tức là muôn hình vạn tướng cũng đều có cả; cho nên nói loài hữu tình cùng vô tình cũng chung thành một cái lưới. Lưới tức là cả pháp giới; cả pháp giới tức là một cái lưới. Nếu nói “phủ khắp” đã thành hai cái!

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật: “Các ông và chúng sanh phải tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.

Sớ: “Nói lời thành thật” là cái lời đáng tin, do nơi đầu của tướng lưới rộng dài ấy nói ra lời thành thật. Nghĩa là đối với Kinh Xưng Tán Bất khả Tư Nghì Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này, các ông nên tin chắc, chớ đem lòng nghi ngờ. Nghĩa chữ “tin” giải rõ ở văn sau.

Sao: “Lời đáng nên tin” là: Do lời thành thời chắc thiết không dối thiết thời chín xét không sai; chỗ gọi rằng như con sư tử hồng, lời nói vô úy, nghìn vị thánh ra đời không thể đối, muôn đời giữ đó làm khuôn mẫu.

Câu Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức, luôn sau 16 chữ là

nguyên tên Kinh này vậy. Bản dịch nhà Đường chỉ nói: Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh là muốn bớt văn cho dễ. Do vì câu Bất Khả Tư Nghì Công Đức nó bị gồm trong hai chữ Tịnh Độ. Bốn chữ "Bất Khả Tư Nghì" đây, với văn trên kia là nghĩa khen Phật, với văn đây lại là nghĩa khen Kinh; nghĩa kia với đây như một nên không giải lại nữa.

Thế nào là “hộ niệm”? Vì những người niệm Phật, nhờ sức Phật bảo hộ khiến kia được an ổn, không các việc chướng nạn. Tâm Phật nhớ tưởng khiến người kia tinh tấn mãi, không hề lui sụt vậy.

Trong Quán Kinh nói với chúng sanh niệm Phật, ngài thâu rước không bỏ. Kinh lại nói: “Những người niệm Phật được Phật A Di Đà thường ở trước đầu người kia”. Lại trong 10 món lợi ích nói: “Những người niệm Phật, Phật A Di Đà thường phóng hào quang sáng để tiếp rước người đó”.

Đây thì đức Bốn Su hộ niệm mà mười phương các đức Phật kia cũng đồng hộ niệm người đấy; phải biết người xưa niệm Phật thời được Phật hộ niệm cho; cảm ứng tự nhiên chẳng khá dối vậy.

Sớ: Lai bực Bát Địa Bồ Tát mới nhờ Phật hộ niệm; cho nên biết người vãng sanh địa vị chẳng phải thấp hèn.

Sao: “Bực Bát Địa được Phật hộ” là: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bực Bát Địa Bồ Tát thường được đức Như Lai ngài hộ niệm”; nay Kinh này nói: “Người niệm Phật được Phật hộ niệm”. Thế là chóng lên Bực Bát Địa, cho nên nói “chẳng phải hèn thấp”.

Sớ: Các đức Phật dạy bảo chúng sanh, xưa có hai thuyết: 1. Chuyển dẫn; 2. Đồng thời. Nay gồm dùng cả hai thuyết.

Sao: “Chuyển dẫn” là: Ông Từ Ân nói: Với lời nói của chư Phật ở 6 phương rao bảo trong các nước của các Phật, đức Thích Ca lại đem lời ấy về thuật lại để chứng lời nói của ngài.

Ông Linh Chi nói: “Khi đức Thích Ca nói Kinh này, sáu phương các đức Phật cũng đồng thời khen ngợi”.

“Nay gồm dùng đó” là: Pháp môn quảng đại rất thiết yếu này các đức Phật khi bình thời ắt đã thường khen, mà chính khi đức Phật Thích Ca đang nói Kinh này thì đồng thời 10 phương các đức Phật đều khen, cũng không ngại gì?

Càng rõ Kinh này chính là pháp môn Phổ Nhãn (khấp soi)! Cùng cả pháp giới; một đức Phật nói, tức tất cả các đức Phật đồng nói.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh không biến đổi là nghĩa “thành thật”; tự tánh không ly là nghĩa “hộ niệm”.

Sao: Lời nói thuần là chơn, tuyệt hẳn vọng, dù muôn kiếp vẫn như vậy.

Nói rằng thành thật chi nữa chẳng hơn nơi đây; tức nay đây một phen ngó, một phen nghe, một khi nói, một khi làm, không một cái nào mà không thành thật. Suốt xưa, suốt nay thường hộ, thường niệm, đi đứng, ngồi, nằm chẳng lìa cái ấy (tự tánh), đâu đặt với lời thành thật của Phật mà không tin. Với Phật hộ ta mà ta riêng bỏ? Ôi! Tại sao mình gạt mình, mình dối mình, mình tự trốn, mình tự đi!?

QUYỂN 4C

NAM PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. Liệt danh hiển quang.
2. Hiện tướng biểu chơn.
3. Pháp ngôn khuyến tín.

LIỆT DANH HIỂN QUẢNG

Này Xá Lợi Phát! Thế giới phương Nam có các đức Nhựt Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật. Như vậy cả thầy các vị Phật nhiều bằng số Hằng hà sa.

Sớ: Phật Nhựt Nguyệt Đăng là vị trí lớn vô cùng tận.

Sao: “Trí lớn vô cùng tận” là kia như ánh của mặt nhựt chiếu ban ngày, mặt nguyệt chiếu ban đêm, ánh của đèn chiếu vào những chỗ mà nhựt nguyệt chiếu không tới, kể truyền sáng khắp, đều vô cùng tận. Trí lớn của Phật: ngang thời suốt 10 phương, dọc thấu ba đời, cũng như ánh sáng của nhựt nguyệt thế đấy.

Lại ánh sáng mặt nhựt phá chỗ tối tăm có nghĩa Bát Nhã, gọi là Nhứt Thế Trí. Mặt nguyệt do ánh mát mẻ chiếu ban đêm có nghĩa giải thoát, gọi là Đạo Chung Trí. Ánh đèn tiếp nối để bổ khuyết cho nhựt nguyệt, chiếu suốt cả ngày đêm không mất hai bên như ngày và đêm chẳng hạn. Đây là nghĩa đế Trung Đạo đệ nhứt, có nghĩa Pháp thân gọi là Nhứt Thế Chung Trí. Vì ánh huệ sáng suốt.

Sớ: Phật Danh Văn Quang là được tiếng khen khắp đôn, như ánh sáng chiếu xa.

Sao: Đức Phật lớn, tiếng rất to, cho nên có danh khen đôn khắp cả 10 phương vô lượng thế giới như ánh sáng mặt nhựt chiếu không chỗ

nào chẳng khắp.

Sớ: Phật Đại Diệm Kiên là: Chữ Kiên nghĩa hai vai, tiêu biểu hai trí; chữ Diệm là hực hờ dụ hai trí chiếu sáng.

Sao: “Hai trí” là: Quyền trí để chiếu về sự tướng; Thật trí chiếu tâm. Lý, sự lý rõ ràng, đều chiếu phá không mê muội, dụ như hai cái vai phát ra ánh sáng. Lại hai trí này, gánh vác tất cả Phật pháp; cho nên có nghĩa là hai vai.

Sớ: Phật Tu Di Đấng là dùng núi Tu Di làm đèn để chiếu cả 4 châu thiên hạ; hào quang của Phật rộng lớn cao chiếu cũng như thế.

Sao: “Núi Tu Di làm đèn” là như nói: “Dùng núi Tu Di làm bút, dùng núi Tu di làm dùi” v.v... là để nói cái lượng của đèn rất rộng và rất lớn.

Núi Tu Di ở giữa, hào quang chiếu khắp bốn châu; Phật dùng trí lớn trung đạo mà chiếu các chúng sanh như ánh đèn khổng lồ là đèn Tu Di (Tu Di là núi chúa vì lớn nhất thế giới vậy). Song Kinh Duy Ma nói: “Có đức Tu Di Đấng Vương Phật, thân cao tám vạn bốn nghìn do tuần”; nhưng xét cõi nước của Ngài là ở về phương Đông cách đây ngoài 36 hằng hà sa thế giới. Mà nay Phật Tu Di Đấng này ở về phương Nam là do vì các Phật trùng tên với nhau rất nhiều vậy.

Sớ: Phật Vô Lượng Tinh Tấn là: chữ “tinh tấn” giải thấy trong khoa tự phân trước, nhưng khoa kia nói: “Thường tinh tấn”, còn văn đây nói: “Vô lượng tinh tấn”.

Sao: “Vô lượng” có hai nghĩa: 1. Thời vô lượng: tức là nghĩa thường; 2. Sự vô lượng là: Tự lợi lợi tha; vì trí và hạnh vô biên cố vậy.

Sớ: Xưng lý thời tự tánh sáng suốt bất khả tận là nghĩa “nam phương có Hằng sa Phật”.

Sao: Nam phương thuộc cung Ly, mà Ly là Bính Đinh hỏa. Hỏa thời trong tối ngoài sáng;, ấy là tịch mà thường chiếu. Tánh chơn tri bất muội, sự sáng suốt nào cùng. Kinh Hoa Nghiêm phẩm Quang Minh Giác nói: “Hào quang đức Như Lai soi sáng vượt khỏi một thế giới, 10 phương thế giới nhãn đến bất khả thuyết thế giới”. Đây là hào quang trong tâm của mình giác chiếu tất cả, chẳng do tự ngoài mà đặng. Cho nên nói: “Ta thấy đức Đấng Minh Phật, hào quang tốt của ngài xưa cũng như thế”.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, vị nào ở nước này đều phóng ra tướng lưỡi rộng dài phủ khắp cả cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật rằng: “Các ông và chúng sanh phải tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhưt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này.

TÂY PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. Liệt Danh Hiền Quảng.
2. Hiện Tướng Biểu Chơn.
3. Phát Ngôn Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá Lợi Phát! Thế giới phương Tây có các đức: Vô Lượng

Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như vậy cả thầy Hằng hà sa số các vị Phật.

Sớ: Phật Vô Lượng Thọ đây hơn đồng một danh hiệu với đức Bổn Phật (Di Đà), xưa có hai thuyết cũng đều có lý.

Sao: “Hai thuyết” là: Ông Linh Chi nói: “Các vị Phật đồng danh nhiều lắm, quyết chẳng phải một vị Phật do ngài Pháp Tạng tu thành. Bởi vì đức Bổn Phật đây không lẽ tự khen mình”. Ông Từ Ân nói: “Dù cho tự khen mình, lý cũng không hại, là do vì dẫn dắt chúng sanh khiến cho nó sanh tâm thích đẹp”. Nay dùng cả hai thuyết nghĩa là: Cứ trong Kinh Đại Bổn qua khỏi vô biên cõi Phật, có nhiều vị Phật đồng một danh với đức Phật Thích Ca Mâu Ni không thể kể xiết.

Lại thầy đức Quan Thế Âm cũng là Quan Âm Như Lai v.v...

Thế thời biết danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ đâu những một vị Phật A Di Đà mà thôi, mà còn có cả trăm cả nghìn hằng vạn hằng ức không thể cùng tột các vị Phật đồng danh hiệu nữa kia kia.

Nếu cứ bên phần sự của Phật; đâu đặng lấy việc phạm thường so sánh đó thì chi cho khỏi khen mình chê người, phạm 10 tội trọng trong Bồ Tát giới ư? Kinh Pháp Hoa Phật nói: “Ta là vị Pháp vương... đối trong các pháp đều được rảnh rang, dọc ngang, cho, lấy, quyền, thiệt đều bày. Nếu có lợi ích cho chúng sanh thì làm sao lại chẳng được!” Như câu "trên trời dưới trời, duy một mình ta độc tôn"; khá đặng nói rằng: ngài tự khen mình chẳng?!

Một thuyết trước vì e người không biết các vị Phật số nhiều như bụi trần mà câu chấp một bên như lối thành kiến!

Một thuyết sau vì sợ người chấp chỗ không nên khen mình mà mờ ám pháp thân thông diệu dụng của Phật nên hai thuyết đều phải lý, vốn không ngại.

Sớ: Phật Vô Lượng Tướng là vì tướng hảo vô cùng tận.

Sao: “Tướng hảo” là: Hoặc 32 tướng hoặc tám vạn bốn ngàn tướng (84000), hoặc vi trần tướng. Phước đức vô lượng thời tướng hảo cũng vô lượng vậy. Xưa ngài Chí Công hiện tướng Quan Âm có 11 mặt, ông Tăng Do là một nhà họa sĩ khéo nhưt đương thời còn không thể giở ngòi bút vẽ đặng, huống là tướng hảo của Phật ư?

Sớ: Phật Vô Lượng Tràng là vì công đức cao vợi, dụ đó như cây tràng phan tốt chỗ cao vợi kia, nên gọi là “vô lượng”. Lại nghĩa vô lượng là rộng nhiều.

Sao: Chữ “tràng” là cây phướn thuộc về cái phan, lại nói: thuộc về cây cờ. Sách San Định Ký nói tràng có bảy nghĩa, tóm lại còn năm: 1. Nghĩa cao vợi: Ví dụ vị Phật là ngôi rất tôn trọng. 2. Nghĩa kiến lập: Ví dụ đức Phật dùng lòng bi, trí, kiến lập cho chúng sanh với quả Bồ Đề. 3. Nghĩa qui hướng: Ví dụ đức Phật là chỗ tôn ngưỡng của tất cả chúng sanh. 4. Nghĩa bề đẹp: Vì hàng phục tất cả ma quân. 5. Nghĩa hết sợ: Như trời Đế Thích bảo các vị Thiên chúng rằng: “Các người lúc đánh nhau cùng Tu La, nếu có hãi sợ thì nên niệm tràng thất bảo của ta thời cái điều sợ kia liền diệt”; dụ đức Phật được pháp vô sở úy: Nếu chúng sanh niệm Phật liền khỏi sự sợ sệt. Với trong năm nghĩa, nay chỉ lấy một nghĩa “cao vợi” tức gồm hết các nghĩa kia vậy.

“Rộng nhiều” là: Cái tràng kia nhiều đến vô lượng. Như Kinh nói “tràng phan, bảo cái khắp đầy chốn hư không”, Phật lập vô lượng

nghĩa màu chỉ bày cho chúng sanh, cũng lại như vậy.

Sớ: Phật Đại Quang là vì hào quang sáng chói rộng khắp.

Sao: Hào quang là chỗ diệu dụng của đức Phật biến hóa dạy người. Các người trời thân cũng có hào quang, không cần ánh sáng của mặt nhật, mặt nguyệt. Nhị thừa là bực quả nhỏ và nhơn địa của Bồ Tát cũng đều có hào quang sáng, nhưng sánh với hào quang của Phật thì nhỏ hơn vì hào quang của Phật ánh sáng che phủ tất cả nên nói là “đại quang” vậy.

Sớ: Phật Đại Minh là vì nói đức Phật dùng đại trí phá hết những phiền não mê hoặc.

Sao: “Phá hết những phiền não mê hoặc” là Phật dùng Như Thế Trí phá hết kiến hoặc, tư hoặc. Dùng đạo chủng trí phá hết trần sa hoặc; dùng như thế chủng trí phá hết vô minh hoặc, cũng như mặt trời sáng giữa hư không, không chỗ nào chẳng chiếu; rứa là đại minh vậy.

Tuy Phật trước tựa hồ như giác tha, còn đức Phật đây in tuồng chỉ tự giác; nhưng với mỗi ngài chỉ nói một đức, chứ nói nghĩa thật lẫn đũ như trong lời tổng thuyết văn trước đã biên rành.

Sớ: Phật Bảo Tướng là vì tướng tốt lạ lùng như ngọc báu quý trọng.

Sao: “Tướng tốt như ngọc báu” là vì Phật có vô lượng tướng tốt, nay chỉ nói một hai tướng mà thôi. Với tướng con mắt như trong Kinh nói: “Phật có tám vạn bốn nghìn con mắt báu thanh tịnh”. Với tướng bạch hào như trong Kinh nói: “Lông tướng bạch hào như ống lưu ly”. Với tướng trước ngực như trong Kinh nói: “Sắc vàng tử kim”. Tướng

nhục kế như trong Kinh nói “ngọc Chân thúc Ca”; đó là chỗ gọi rằng: bảo tướng vậy.

Sớ: Phật Tịnh Quang là vì đức Phật thanh tịnh phát ra hào quang sáng, lại vì hào quang kia thanh tịnh nên gọi là Tịnh Quang.

Sao: “Thanh tịnh phát ra hào quang” là: Nếu trí có nhiễm thời không thể phát ra hào quang nhiệm mầu.

Nay nói đức của Phật thanh tịnh nên mới phóng ra hào quang sáng lớn. Ví như cái thể gương thanh tịnh, nó hay soi các hình tượng.

Hào quang thanh tịnh kia. Vì như lửa đốt ngoài đồng nội cũng có hào quang sáng, nhưng sánh với mặt trời, mặt trăng chẳng gọi là tịnh vậy.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh thanh tịnh bất khả tận là nghĩa Tây phương có Hằng sa Phật.

Sao: Nghĩa Tây phương đã thấy giải văn trước. Bởi do tự thể của chơn như nó lặng như hư không, tuyệt điểm thuận thanh, đâu từng có bờ mé, nhưng mấy niệm trần thoát khỏi, Phật diệt độ đã nhiều đời. Tâm trần vừa dứt, cổ Phật liền hiện (Phật tánh bày ra).

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật vị nào ở trước ấy đồng hiện ra tướng lưỡi rộng dài phủ khắp cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật: “Các ông và chúng sanh phải tin Kinh Xung Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhứt Thế Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.

BẮC PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. Liệt Danh Hiền Quảng
2. Hiện Tướng Biểu Chơn
3. Phát Ngôn Khuyên Tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá Lợi Phất! Thế giới Bắc phương có các đức: Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhứt Sanh Phật, Vãng Minh Phật, như vậy hết thấy hằng hà sa số các vị Phật.

Sớ: Phật Diệm Kiên đã thấy giải ở văn trước.

Sao: Văn trước có chữ Đại, nhưng nghĩa không hơn kém.

Sớ: Phật Tối Thắng Âm là vì tiếng đức Phật rất lớn tất cả các tiếng tăm, không tiếng nào bì kịp.

Sao: Phật có tám thứ tiếng: 1. Tiếng cực hảo. 2. Tiếng nhu nhuyễn; nhấn đến tiếng thứ 8. Tiếng không dứt. Nay cứ theo tiếng cực hảo để giải cái nghĩa tối thắng cũng có thể gồm đủ 8 thứ tiếng, cho nên kêu là Tối Thắng Âm. Thế là tất cả tiếng cõi nhơn thiên, tiếng Thanh Văn, tiếng Bồ Tát, không tiếng nào có thể bì kịp vậy.

Sớ: Phật Nan Trở là vì đức của Phật bền chắc không thể phá hoại.

Sao: Chữ Trở là tên con sông và một nghĩa nữa là hoại. Vì Phật chứng pháp thân, đã đặng thể kim cương bất hoại, không còn các cái dư hoặc là trần sa hoặc, vô minh hoặc nên dù phiền não nhảy trần, cũng không thể phá hoại; cho nên gọi Nan Trở. Người xưa nói: “Nước Ngô thành ao kia ư?” Cũng như nói không thể thành ao vậy. Lại nghĩa chữ

Trở thông dụng với chữ Trở là ngăn dứt.

Sớ: Phật Nhựt Sanh là hào quang khi hiện ra, cũng như mặt trời mới vừa mọc, là nói gồm hai việc lợi.

Sao: “Hai việc lợi” là: 1. Tự lợi: Nghĩa là tánh bản giác Phật của chúng sanh vùi lấp trong tánh vô minh, cũng như giữa đêm khuya, ánh sáng mặt trời không hiện. Chừng phá vọng hoặc bày trí chơn thời tánh Thi Giác Phật mới tỏ chiếu, ví như mặt trời mọc phương Đông vậy.

2. Lợi tha: Kinh Hoa Nghiêm quyển 23 nói: Ví như ông Nhựt Thiên Tử (cũng là mặt trời mà nói bằng tên khác) chẳng vì có thừng mù không thấy mà ẩn không hiện (mọc); chẳng vì có thành Càn Thát Bà áng, tay thần A Tu La che, cây Diêm Phù Đề che khuất, cùng là gộp cao, hang thẳm, bụi mù, khói mây v.v... các vật phủ che ẩn mà không hiện; chẳng vì có thời tiết đời ẩn mà không hiện”.

Dụ như Phật mới thành ngôi chánh giác thuyết pháp lợi đời, hào quang trí tuệ khắp soi cũng như mặt trời mọc phương Đông vậy.

Sớ: Phật Vãng Minh là vì trí như lưới báu khắp soi tất cả chúng sanh.

Sao: Chữ Vãng tức là cái lưới nghìn hột châu của trời Phạm Thiên. Ánh tia của ngàn hột châu đều chiếu nhau, sáng lạng rỗng suốt như trí của Phật phủ khắp cả chúng sanh, không chỗ nào mà chẳng chiếu. Lại mỗi pháp môn lẫn nhau dung suốt vì giác ngộ cho kẻ quần mê.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh hàm nhiếp bất khả tận, là nghĩa: “Bắc phương có hằng sa các vị Phật”.

Sao: Bắc phương (Nhâm Quý thủy) thuộc về mùa Đông. Đông là chủ về việc thu chứa, Đông là mùa rớt sau của vạn vật trưởng thành mà cũng là đầu tiên của vạn vật sanh thành vậy. Thế nay trăm nghìn pháp môn cũng đồng về trong vương tắc (tự tánh); không ngăn đức dụng đều ở trong nguồn tâm.

Tìm đó thời không tướng không hình, bông đó cũng vô cùng vô tận. Xưa nay sẵn đủ, chẳng cần tìm đâu. Thế cho nên trong tâm của chúng sanh, tức là Như Lai tạng tánh.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, ngài nào tự ở nước này, hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật: “Các ông và chúng sanh, phải tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhưt Thế Chư Phật Sở Hộ Niệm này.

HẠ PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. Liệt Danh Hiện Quảng
2. Hiện Tướng Biểu Chơn
3. Phát Ngôn khuyến Tín.

LIỆT DANH HIỆN QUẢNG

Này Xá Lợi Phất! Thế giới Hạ phương có các đức: Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như vậy hết thấy Hằng hà sa số các vị Phật.

Sớ: Sư Tử Phật là dụ như con sư tử dẹp các thú vậy.

Sao: Sư tử có hai nghĩa: 1. Sư tử là chúa trong các loài thú dạo đi không sợ; dụ như đức Phật là bậc độc tôn trong 6 cõi phàm, 4 cõi Thánh, ra vào trong ba cõi tự tại không ngăn ngại. 2. Sư tử rống lên một tiếng thời trăm thú đều ghê sợ; dụ như Phật thuyết pháp thời chúng thiên ma, bọn ngoại đạo thấy đều tín phục.

Lại Phật không có năm món sợ và đủ bốn món vô úy đều là nghĩa “sư tử”.

Sớ: Danh Văn Phật giải nghĩa đồng như trước.

Sao: Văn trước Danh Văn Quang, văn đây thiếu chữ Quang. Bởi do Danh Văn là Đức, Quang là dụ. Tuy Phật đây không dụ như kia, nhưng mà không khác với đức của Phật kia.

Sớ: Danh Quang Phật là cái danh của Phật như mặt nhật sáng, không chỗ nào mà chẳng khắp, cũng có thể xung luôn; do vì cái danh tỏ rạng thời ánh sáng chói xa.

Sao: Nghĩa chữ Quang đồng như văn trước. “Danh tỏ rạng” là như Phật A Di Đà cái danh khen đồn khắp 10 phương 3 đời, không đời nào chẳng chiêm bái và tưởng niệm.

“Ánh sáng chói xa” là như Phật A Di Đà hào quang khắp soi 10 phương 3 đời, không chỗ nào ngăn che được.

Sớ: Đạt Ma dịch là Pháp, cũng gồm hai lợi.

Sao: Chữ Pháp là nghĩa phép tắc, giữ gìn. Dùng phép tắc giữ gìn đức của mình; dùng phép tắc giữ gìn thân chúng sanh, đều chứng đặng pháp thân.

Sớ: Pháp Tràng là vì chữ Pháp là phép tắc, dụ như cái tràng (cây

cờ nêu cao).

Sao: “Phép tắc như tràng” là: Phật pháp cao vợi, người trời thấy đó tôn trọng; tà ngoại trông đó kính phục, thời rõ như văn trước nghĩa Vô Lượng Tràng.

Sớ: Trì Pháp là có hai nghĩa. 1. Giữ nghĩa trung đạo gọi là trì. 2. Giữ gìn pháp niệm cũng gọi là trì.

Sao: “Giữ trung đạo” là không sa về bên có, chẳng mắc về bên không, vì khéo giữ pháp mâu của trung đạo.

“Giữ gìn” là vì giữ phép mâu đây, khắp truyền ba đời không cho dứt mất.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh lượng đó càng sâu không thể tột; ấy là nghĩa “Hạ phương có hằng hà sa các vị Phật”.

Sao: Với việc lấy bình bát, đức Văn Thù thông cánh tay bên hữu đưa xa xuống khỏi cõi Hạ phương bốn mươi hai hằng hà sa thế giới; nay Kinh này lại nói: “Khỏi cõi Hạ phương bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới”. Mà tìm trong tự tánh ví như cầm sào thọc biển, muốn tột đáy kia rốt cuộc không thể được.

HIỆN TƯỢNG BIỂU CHON

Các vị Phật, ngài nào ở nước này hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp trùm cả cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật: “Các ông và chúng sanh phải tin Kinh Xung Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhứt Thế Chư Phật Sở Hộ Niệm này.

THƯỢNG PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. Liệt Danh Hiền Quảng.
2. Hiện Tướng Biểu Chơn.
3. Pháp Ngôn Khuyến Tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá Lợi Phất! Thế giới Thượng phương có đức Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật; Kiến Nhứt Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, như vậy hết thảy Hằng hà sa số chư Phật.

Sớ: Phạm Âm Phật là vì tiếng của Phật thanh tịnh không tạp nhiễm.

Sao: “Không tạp nhiễm” là: Như Phật Ngài thuyết pháp cho các thừa kia (tam thừa) đều còn là tạp nhiễm vì pháp chưa được cứu cánh thanh tịnh. Nay Phật chỉ dùng một pháp Nhứt Thừa dạy bảo các chúng sanh, gọi bằng thuần nhứt bất tạp, hoàn toàn cái thể thật tướng thanh bạch phạm hạnh; cho nên nói là Phạm Âm Phật (Phạm Âm: tiếng trong sạch).

Sớ: Tú Vương Phật là: Một nghĩa rằng: mặt trăng là Tú Vương (sao chúa), một nghĩa nữa chính là ngôi sao lớn nhứt giữa các ngôi sao; ví như ngôi sao Bắc đẩu; hai nghĩa đều đặng.

Sao: Mặt trăng là ngôi sao chúa, chỗ gọi rằng: Muôn ngôi sao chung sáng, chẳng bằng một ánh chiếu của mặt trăng mà trăng thời phi đồng loại với sao. Dụ rằng Phật là bậc đại giác mà giác thời chẳng

phải đồng loại với mê vì hơn tất cả các loài bởi mọi loài còn mê, cho đến các thánh, Bồ Tát cũng chưa cứu cánh giác!

“Chính là ngôi sao chúa giữa các ngôi sao” là sách Luận Ngữ nói: “Ví như ngôi sao Bắc thần ở tại chỗ nào thời các ngôi sao kia đến châu theo đó”. Rằng dù Bắc Thần cũng loài sao nhưng siêu hơn đồng loại để dụ rằng: Phật tức cũng chúng sanh mà sáng suốt cao thâm hơn chúng sanh, lại làm chỗ để cho chúng sanh qui y vì lẽ được giác ngộ giải thoát.

“Hai nghĩa đều đặn” là: 1. Do ngôi sao với mặt trăng đối nhau, vì ánh sáng hơn nên xưng là vương (chúa). 2. Chính trong các ngôi sao, riêng một ngôi sao này (Bắc Thần) là hơn hết nên xưng là Vương (sao chúa).

Nay nói: Phật ở trong dị loại thì tự tại hơn cũng như làm chúa trong dị loại vì đã giác ngộ hơn mọi loài; Phật ở trong đồng loại và các Thánh đã giác ngộ cũng làm pháp vương như chúa trong đồng loại vì vô thượng cứu cánh giác. Cho nên hai nghĩa đều dùng đặn là như thế.

Sớ: Hương Thượng Phật: Vì Phật là bực thánh sư giữa các hàng thánh như thứ hương thơm nhứt giữa các loại hương thơm, vì trên hết cả không bực nào sánh

^{ki}p.

Sao: “Hương bực nhứt trong các loại hương” là như hương chiên đàn; hương này nặng chừng sáu thù (14) giá đáng bằng ba nghìn đại thiên thế giới.

Lại nói: Hương này một phen đốt lên, ngoài 40 dặm không người

nào chẳng nghe mùi thơm của nó; ấy là hương rất trên hết vậy.

Đức Phật chứng đặng hương ngũ phần Pháp thân. Hương này khắp xông tới vô lượng thế giới; tất cả hương của trời, người, thần A Tu La, kẻ ngoại đạo, bực nhị thừa không thể bì kịp nên nói là Hương Thượng Phật.

Sớ: Hương Quang Phật là: Hương kia phát ánh sáng như đoạn và trí hai đức vậy.

Sao: Đoạn Đức là: Mùi hương thơm có thể trừ được mùi hôi hám, có nghĩa diệt uế; các mùi hôi sạch hết, gọi đó là “hương”. Trí Đức là ánh sáng hay phá được các tối, có nghĩa trí huệ; tỏ sáng rộng soi, gọi đó là “quang”.

Lại mùi hương thường chỉ thơm nội lỗ mũi thôi: trong hương phát ra ánh sáng thơm tới con mắt nữa. Dụ như hàng Thanh Văn chỉ hay diệt được điều ác; có thể mà không dụng; Phật diệt được tất cả ác nên hay đủ tất cả việc lành. Đoạn và Trí đều cụ túc như hương đã thơm mà lại phát ra ánh sáng nữa vậy.

Sớ: Đại Diệm Kiên Phật là giải nghĩa đồng như văn trước.

Sao: Tên Diệm Kiên Phật thường có nêu ra. Chính do vì đức Phật này đồng danh trùng hiệu tới vô lượng vô biên.

Sớ: Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật là vì nhơn tu đủ nhiều hạnh tốt như hoa đẹp để kết quả làm trang nghiêm Pháp thân thanh tịnh.

Sao: “Muôn hạnh trang nghiêm” là: bực nhị thừa tuy chứng đặng pháp thân, nhưng nếu không tu muôn hạnh, gọi là pháp thân suông

(15); còn Phật xưng là bực nhứt thể chủng trí là đã cần tu pháp Tứ Đẳng, pháp Lục Độ, món món hạnh môn, không môn nào chẳng nhóm đủ; chứa công dồn đức để giúp rõ pháp thân như muôn món quý báu để trang nghiêm sắc thân. Do vì pháp thân sẵn đủ hăng sa tánh lành đức tốt.

Sớ: Ta La Thọ Vương Phật là: Ta La dịch là Kiên Cố, cũng dịch Tối Thắng. Vì đức của Phật không dời đổi, là bực độc tôn giữa ba cõi dụ như cây thọ vương (16) vậy.

Sao: “Kiên cố” là cây này gặp năm lạnh không úa tàn, búa rìu không hại nổi, có nghĩa “kiên cố”. Như Phật chứng Pháp thân: tâm mê hoặc không thể lay, hoàn cảnh không thể động.

Tối Thắng là cây này cao lớn, tất cả rừng cây không thể sánh kịp. Như Phật vượt khỏi ngoài 3 cõi, là bực độc tôn giữa các thánh. Đủ hai đức này (tối thắng và kiên cố) gọi là cây thọ vương vậy.

Sớ: Bảo Hoa Đức Phật là vì đức của Phật như hoa báu.

Sao: Văn trước nói Nghiêm Thân Phật vì chữ Nghiêm có nghĩa của Nhon hoa. Văn đây nói Bảo Hoa Phật, ý lấy hoa đẹp dụ đức tốt, nghĩa là: Phật đủ muôn đức, quý trọng xinh tốt, cũng như hoa đẹp rất quý báu vậy.

Một thuyết khác nói: Phật có bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đức chơn Thường như hoa bằng chất báu vì không tàn rụng.

Đức chơn Lạc như hoa rất quý báu vì đẹp ý người

Đức chơn Ngã như hoa báu vì không đối đãi với hoa ngoài

Đức chơn Tịnh như hoa báu vì thể nó ngời sạch, giàu có muôn

đức, quý trọng xinh tốt. Khá so đó để biết vậy.

Sớ: Kiến Nhứt Thiết Nghĩa Phật là vì đối tất cả nghĩa của các pháp, không nghĩa nào mà Phật chẳng biết.

Sao: “Tất cả” là pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Các pháp vô lượng thời nghĩa cũng vô lượng. Có người biết nghĩa gần mà không biết nghĩa xa; có người biết nghĩa lệch mà không biết nghĩa tròn; có người biết nghĩa chung mà không biết nghĩa riêng; có người biết nghĩa thiết mà không biết nghĩa quyền. Còn Phật thì không có nghĩa nào mà ngài chẳng thấy, chẳng biết.

Như ông thái tử Tất Đạt Đa tên là Nhứt Thế Nghĩa Thành (17), tức là ý đây vậy.

Sớ: Như Tu Di Sơn Phật là vì núi Tu Di là chúa các núi. Đức của Phật vượt hẳn lên trên các thánh tam thừa như núi Tu Di kia.

Sao: Văn trước nói: Phật Tu Di Tướng, quyết chỉ về tướng hảo; văn đây không chỉ tướng là vì chuyên theo đức mà nói. Hiệp lại cả muôn đức để tổ thành như núi Tu Di kết tinh bằng các thứ báu hiệp thành nên gọi là "Diệu". Phật ở trong thiên hạ mà tự tại độc lập như núi Tu Di cao lên trên hết, gọi là "Cao". Núi Tu Di là chúa trong các núi, cũng như đức Như Lai là pháp vương trong ba cõi; nghĩa ấy cũng đồng như một.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh ngược đó càng cao, chẳng khá tốt, là nghĩa “Thượng phương có hằng sa các vị Phật”.

Sao: Đối với cái đạo của Khổng Phu Tử, thầy Nhan Uyên tán thán rằng: “Ngược đó càng cao”, nay muốn dùng để dụ: Cái tâm linh

vượt khỏi, thể bật vương vin; ngược đó càng gần, cao đó càng lắm.

Ngày xưa ông Tịnh Danh qua khỏi thế giới Thượng phương cách với Ta Bà 42 hằng sa thế giới để lấy com thơm (đem về làm Phật sự). Nay Kinh này nói: lại còn qua khỏi thế giới Thượng phương bất khả thuyết hằng sa thế giới mà tìm nơi tự tánh. Ví như nổi tre thọc trời, muốn tọt trên đánh kia rớt cuộc chẳng thể được.

HIỆN TƯỢNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, ngài nào ở nước này hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật: “Các ông và chúng sanh phải tin Kinh Xung Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhưt Thế Chư Phật Sở Hộ Niệm này.

Sớ: Nhẫn trên 6 phương Phật mà sở dĩ tán thán và hộ niệm đó cũng là do vì sức bản nguyện Phật A Di Đà.

Sao: “Bản nguyện” là: Kinh Đại Bôn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, danh đồn khắp cả mười phương vô ương số thế giới, các Phật mỗi ngày đều ở trong đại chúng khen công đức ta với cùng cõi nước” v.v...

Nên nay Ngài thành Phật được y như lời sở nguyện kia.

Sớ: Có người chấp Kinh Lăng Nghiêm nói: “Pháp Nhĩ Căn của đức Quán Âm hợp với giáo thể phương này, còn pháp niệm Phật của đức Thế Chí chẳng dựa vào bực Viên Thông. Vì sao ngày nay khắp xa gần đều dạy pháp niệm Phật?”

Do đây mà nghi, chính bởi không hiểu 6 phương Phật đồng khen

pháp môn niệm Phật.

Sao: Người nghi cho rằng: Pháp môn niệm Phật đã chẳng hợp với cơ người phương này, lại chẳng dự vào hội chọn lựa Viên Thông, đã ở cõi này hà tất niệm Phật làm chi? Nay xem 6 phương các đức Phật đều khen Kinh này; còn pháp niệm Phật thời hợp cả các căn cơ trong 10 phương thế giới vậy. Kinh Đại Bản nói: “Mười phương chúng sanh, hễ xưng danh hiệu ta, ắt sanh về nước ta”, phải vậy.

Pháp Nhĩ Căn là riêng hợp với trình độ nhơn loại mà thôi, còn pháp niệm Phật thời đều hợp cơ cả 6 đường chúng sanh.

Kinh Đại Bản nói: “Địa ngục, qui, súc sinh cũng sanh về trong cõi của ta”, thật thế. Thế thời pháp Nhĩ Căn chẳng gồm pháp niệm Phật mà pháp niệm Phật hay gồm pháp Nhĩ Căn. Cho nên pháp Nhĩ Căn đây chỉ phương này một đức Thích Ca Như Lai khen mà thôi; còn pháp niệm Phật kia cả 10 phương hằng sa các đức Như Lai đều khen ngợi. Nay theo lời khen phần nhiều có vậy.

Và nay khắp cả trong thiên hạ kẻ tăng, người tục, kẻ nam, người nữ, tự nhiên niệm Phật như văn trước đã nói; thế thời pháp niệm Phật hợp cơ rất nhiều, lại còn nghi chi nữa?

Thử lập lời dụ: Như trong nước ta đây có trăm nghìn ấp mà kẻ sĩ tử ở trong đó phân nhau để tập học ngũ Kinh. Hoặc có một ấp kẻ sĩ phân nhiều tập học Kinh Thi, hoặc có một ấp kẻ sĩ phân nhiều học Kinh Lễ; nhưng mà hiệp hội các Kinh (ngũ Kinh) so chung cả nước thời sự tập học nhiều hơn hết là không chi hơn Kinh Dịch.

Nay pháp Nhĩ Căn đây ví như Kinh Thi, Kinh Lễ, còn pháp niệm Phật đây ví như Châu Dịch vậy.

Sớ: Hỏi: Đã sáu phương các đức Phật đồng khâm khen cõi Tây phương. Vì lẽ gì đức Lục Tổ chẳng tùy theo các đức Phật để khâm khen; trái lại tuồng như chê rằng không có; các cứ ấy tại đâu?

Đáp: Đây có 4 ý: 1. Vì chỗ lập môn chẳng đồng. 2. Vì tuồng như chê, nhưng thiệt ra là khen. 3. Chẳng vì kẻ sơ cơ. 4. Vì người biên chép có sai lầm.

Sao: Trong Lục Tổ Đàn Kinh nói: “Người phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh phương Tây; người phương Tây tạo tội niệm Phật cầu sanh về nước nào?” Lại nói: “Người ngu nguyện Đông, nguyện Tây”, người đời sau chấp theo đây rồi sanh nghi ngờ Lục Tổ nói không có cõi Tây Phương, cho nên làm lời biện đây:

1. Câu ban đầu “vì chỗ lập môn chẳng đồng” lại có hai nghĩa: Một là: Và cứ sự, lý hai môn, lời đức Lục tổ nói là môn dùng lý đoạt sự, nghĩa là chỉ dùng lý tánh; còn về môn dùng sự đoạt lý thì thời trong các pháp môn Phật sự, không bỏ một pháp nào. Vì chỉ dùng sự là hơn lý thì đâu đặng bác bỏ đi mà cho rằng không có cõi Tịnh Độ.

Hai là đời Tấn, đời Tống sắp về sau, người tu Phật đều đua nhau lấy việc Thiên định quán tưởng làm cao thượng hơn làm cho ý “trực chỉ đơn truyền” gần đến mờ lấp. Bây giờ tổ Đạt Ma mới xướng ra cái lý đoạt sự ấy, các Tổ kế tiếp chấn hưng thêm, chỉ muốn đạo lý ấy (trực chỉ thiên) phóng đại quang minh ra mà đạo lý ấy không phân biệt có Phật có chúng sanh gì cả, nghĩa là chỉ một lý tánh mà thôi. Nay pháp môn Tây phương đây chính là vì mở bày cho chúng sanh thú hướng về Phật. Đạo lý ấy tâm và cảnh đều tịch tịnh. Nay pháp môn Tây phương đây chính là vì lấy nước Phật làm cảnh, phát tâm cầu sanh. Thế tuy lý

không hai nẻo nhưng các môn đình thi thiết chẳng đồng. Vì theo thời, theo cơ, phép nó sẽ phải vậy.

Giả sử mới vừa mở pháp Trục Chỉ lại tiếp khen pháp Tây phương, thời ý Trục Chỉ rốt cuộc không do đâu tỏ đặng. Cho nên, biết rằng: đức Lục Tổ bên Thiên tông cùng với các Tổ bên pháp môn Tịnh Độ dù rằng lập môn có khác; chớ nếu đổi lại thì cũng đồng nhau, gọi bằng “dịch địa giai nhiên” (18).

2. “Tuồng như chê, thiết ra khen”: Đức Lục Tổ ngài nói cái thuyết Đông, Tây chỉ là để khuyên người cốt yếu phải thiết tâm làm lành là hơn, đừng nguyện suông vô ích, chớ nào ngài nói không Tây phương?

Dụ như: Đức Không Tử sanh ở nước Đông Lỗ. Người nước Tề làm ác, trong đó có kẻ ngưỡng mộ đức Không Tử nên kẻ ấy cầu tản cư qua nước Lỗ. Còn như người nước Lỗ làm ác trong đó có kẻ mộ đức Không Tử thì cầu tản cư qua nước nào?

Số là nói: “Hễ làm lành là thiết học với đức Không Tử”, chớ nào từng nói không nước Đông Lỗ?

Lời đức Lục Tổ nói đó, lý đó chính như trong Kinh này nói: “Ắt dùng đa thiện căn mới đặng sanh về nước kia”, thế thời đâu đặng nói rằng ngài chê!

3. “Chẳng vì kẻ sơ cơ” là đức Lục Tổ ngài nói: “Giới, Định, Huệ của Ta chỉ tiếp người bậc tối thượng thừa”, mà nay kẻ sơ tâm hạ phạm chỉ tự hào có chút mảy thế trí (trí thế gian) đã coi rẻ pháp Tây phương, quấy bàn lý Bát Nhã chẳng những vô ích mà lại hại thêm.

Cho nên quyền Pháp Bửu Đàn Kinh, dè chớ đưa cho kẻ sơ cơ

xem đọc. Nếu trao cho người không phải căn trí Đại thừa thời họ liền lạc vào loài cuồng ma, thiệt đáng thương tiếc!

4. “Biên chép có sai lầm” là: Trong Đàn Kinh lại nói Tây phương cách đây 10 muôn 8 nghìn dặm; thiệt là nhận lầm lấy cõi Ngũ Thiên Trúc đồng cho là nước Cực Lạc vậy.

Ngũ Thiên Trúc với nước Chấn Đán (Tàu) đồng là cõi Ta Bà uế độ, nào cần phân biệt nguyên Đông nguyên Tây. Mà nước Cực Lạc tự cách xa Ta Bà đây đến 10 muôn ức cõi Phật.

Số là với bốn Đàn Kinh đều là người hậu học biên chép, đâu giữ khỏi sai lầm. Chẳng thế thời Tổ ngài mượn cõi Tây Vực để dụ cõi Tây phương kia vậy thôi. Người xưa nói: “Tận tín thơ, bất như vô thơ” là ý đây vậy. (Mỗi việc gì cũng đều tin theo sách cả thì đừng có sách còn hơn, là cái bệnh cũng như đây vậy).

Huống chi với cõi Tây Phương, nghìn Phật đồng khen. Nay lại nghi lời nghìn Phật mà tin lời của một vị Tổ! Ôi! Với lời Phật còn không đủ tin, huống nữa là lời của Tổ ư!??

Vậy ai là người minh trí, hãy vì người đời giải quyết giùm tâm nghi để cho họ phát khởi tâm chánh tín. Nơi nơi chỗ chỗ tùy ở đến đâu cũng rộng ra khen ngợi khắp truyền tới đó; tức là thay thế cho các đức Phật ra tướng lưỡi rộng dài, tức là trả ơn sâu cho Phật. Bằng ai trái cãi lời Phật, cố làm lời ma thuyết thời mắc tội ngay, đâu thể nói cho hết!!!

Nay dùng một lời dụ cho rõ: Như ở đây có người, mỗi ngày nói ra một vạn lời để chê bai một vạn vị Phật; như thế chứa đủ một nghìn năm, người ấy tội nghiệp thiệt vô lượng vô biên. Lại có người nói ra một lời ác bác rằng không cõi Tịnh Độ, cản trở người niệm Phật,

người đây tội nghiệp quá hơn người trước gấp trăm, gấp nghìn, hàng vạn phần hơn hẳn đến không còn số tính. Vì sao thế? Bởi vì trần chú Phật đều tán thán cõi Tây Phương, chỉ muốn cho mỗi người đều thành Phật. Nay riêng một mình người ấy sanh tâm phi báng, tức là phi báng tất cả vi trần các đức Như Lai, hãm hại cho tất cả chúng sanh thường chìm trong bể khổ chẳng đặng thành Phật. Cho nên mắc tội mới nặng như thế! Rất phải cẩn thận lời nói cho lắm!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh khắp soi là nghĩa “6 phương Phật đồng khen”.

Sao: Ánh linh thiêng tự sáng, xa tuyệt chính giữa và hai bên, Phật chiếu không riêng, nào phân đây đó; cho nên đặng một không ngại với nhiều, chủ bạn lẫn thành không ngại thời ngàn sai tuy cách mà chẳng khác nhau, lẫn thành thời muôn pháp chẳng hện mà tự hợp hội. Thế thời 6 phương chẳng lìa nơi gang tấc (tâm niệm); các Đức Phật đều hiện trong đầu mày lông. Thế thời, nay Kinh này đây sẽ ở chỗ nào?

THÍCH KINH ỪNG TÁN (phân ra làm hai phần)

1. Trung Danh (gạn danh đề)
2. Thích Nghĩa (giải thích nghĩa)

TRUNG DANH

Này Xá Lợi Phát! Trong ý ông nghĩ sao? Có gì tên là "Kinh Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm"?

Sớ: Có tên ắt có nghĩa. Nay tỏ bày nghĩa đó mới đáng xưng làm, không chỗ nghi vậ.

Sao: Đề mục 16 chữ nay chỉ gạn 8 chữ sau là do 4 chữ "bất khả tư

nghe", Phật Thích Ca Ngài khen, nghĩa kia đã rõ.

Phật phương khác khen, thêm 8 chữ này nên gạn nghĩa đó: Thế nào là Phật hộ? Và Phật niệm bằng cách nào? Bởi vì văn trước dạy phải tin Kinh này. Văn đây rằng: Với nghĩa đã rõ rồi vậy sau mới tin chắc được.

THÍCH NGHĨA (phân ra làm ba phần)

1. Văn Trì (nghe rồi giữ)
2. Lợi Ích (được lợi ích)
3. Miễn Tín (gắng sức tin)

VĂN TRÌ

Này Xá lợi Phát! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nơn nào nghe Kinh này và nghe danh hiệu các Đức Phật rồi, đều phải thụ trì.

Sớ: “Nghe Kinh này” là: Lặp lại văn trước nói y, chánh, tín, nguyện và trì danh được vãng sanh v.v... “Người nghe thọ trì” tức văn trước nói pháp tam huệ và pháp tam tư lương, cố vậy.

Sao: “Nghe” tức Văn Huệ; Thọ tức Tư Huệ; Trì tức Tu Huệ. Văn tức nghĩa Tín; Thọ tức nghĩa Nguyện; Trì tức nghĩa Hành. Rõ thấy văn trước đã giải.

Sớ: Nghe danh hiệu chư Phật tức là lặp lại trên: “Nghe danh hiệu chư Phật ở 6 phương”. Vì nghe Kinh đã thọ trì thì nghe danh hiệu Phật cũng phải thọ trì.

Sao: Hỏi: Kinh này “nghe danh hiệu Phật A Di Đà làm cái nơn vãng sanh” cũng đủ rồi, nào lại gồm nghe danh hiệu chư Phật làm chi

nữa?

Đáp: Công đức của Phật A Di Đà được Hằng sa chư Phật đồng khen thời nghe danh hiệu chư Phật, biết chư Phật khen mới tin thọ Kinh này càng thêm thân thiết; cho nên đều nêu vậy.

Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ 6 bài văn Hội Hương nói: “Lại ở chỗ Phật, được nghe danh hiệu Phật, càng thêm gặp gỡ vô số chư Phật” tức là ý nghe Kinh này và nghe danh hiệu của chư Phật vậy.

Sớ: Kinh Đại Bồn nói: “Có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe Kinh này, mà không được nghe”.

Lại trong Kinh nói: “Thà ở dưới địa ngục mà được nghe danh hiệu Phật” thời biết nghe Kinh này và nghe danh hiệu chư Phật rất chẳng phải là sự dễ.

Sao: Vị Bồ Tát muốn nghe mà chẳng được nghe thời với bực nhị thừa kẻ phàm phu ta khá biết vậy.

Lời kệ Kinh Đại Bồn: “Nếu đời trước chẳng tu Phước Huệ thời đối với chánh pháp đây không đặng nghe”. Đã từng vâng thờ các đức Như Lai nên mới có nhơn duyên được nghe nghĩa Kinh này.

“Ở dưới địa ngục được nghe danh hiệu Phật” là: Kinh Hoa Nghiêm lời kệ nói: “Thà chịu khổ trong Địa ngục mà được nghe danh hiệu chư Phật; chớ chẳng muốn sanh trong cõi trời mà chẳng đặng nghe danh hiệu Phật”.

Nên biết Kinh này, với danh hiệu Phật chẳng dễ gì nghe vậy.

Nay được nghe đó, khá chẳng tin thọ hay sao?

Sớ: Xứng lý thời tự tánh tự giữ lấy kiểu mẫu là nghĩa nghe Kinh

này. Tự tánh tự giác Bồn Phật, Thi Phật là nghĩa nghe danh hiệu chư Phật.

Sao: Tự tánh tự giữ gìn lấy qui tắc của nó thời “đức tôn giả (Tu Bồ Đề) không thuyết pháp, ta (Đế Thích) cũng không nghe”; thế thiết là lý Bát Nhã. Tự tánh tự giác chiếu lấy bồn thi của nó thời không danh, không tự, không thể, không tướng thế gọi là Như Lai. Vậy thời với pháp mâu khó tin giữa thế gian đây dù không nghe mà được đành rành tỏ rõ; với hồng danh của hằng sa chư Phật bật thính mà vẫn âm âm bên tai. Nên nói: Với những Kinh chưa nghe, tin đó không nghi; vung thờ chư Phật không bỏ qua vậy.

LỢI ÍCH

Các thiện nam tử, thiện nữ nơn đều được tất cả các đức Phật đồng hộ niệm, đều đặn bực bất thối chuyển nơi quả a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Sớ: Vì chư Phật hộ niệm nên đăng bực bất thối chuyển bồ đề. Nghĩa bất thối đã thấy giải văn trước.

Sao: Văn trước gạn hỏi: “Thế nào là hộ niệm?”, văn đây chỉ ra căn do ấy. Ý nghĩa là người nào thụ trì Kinh này và được nghe danh hiệu chư Phật thời được chư Phật hộ niệm cho khiến không thối tâm.

Lại bản Kinh của nhà Đường dịch nói: “Ắt được 10 phương 10 số Cãng Già hà sa các đức Phật đồng nhau thâm nhận”, thời chẳng phải chẳng những 6 phương mà cũng chẳng những một số hằng sa mà thôi.

Sớ: Chữ A, dịch: Vô. Nâu-đa-la, dịch: Thượng. Tam-miêu dịch: Chánh Đẳng; Tam-Bồ-đề, dịch: Chánh Giác, tức là bực Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác; nghĩa là bực đã giác ngộ chân chánh, bình đẳng không còn bực nào hơn nữa.

Sao: Với quả vị cứu cánh cực điểm gọi là “vô thượng”, vì đối với bực hạ nên nói không còn bực nào cao hơn nữa. Chính xét được chân lý chắc thật nên gọi là Chánh; vì đối với tà. Xem xét Tục đế bằng tâm bình đẳng nên gọi là Đẳng; cũng gọi là Biến Mãn vì không thiên lệch không phân biệt giai cấp. Chữ Giác là sáng tỏ trong tâm mình. Chánh Giác là gồm có hai nghĩa: Vô Thượng và Chánh Đẳng. Nói chữ Giác đây là bực Chánh Giác Vô Thượng Chánh Đẳng vậy.

Bởi loài xuẩn động hàm linh đều có tánh Phật thời quả Bồ Đề đây Phật cùng chúng sanh xưa nay không hai. Nhưng bị vô minh là nghiệp chướng che phủ mới thành mê vọng chấp trước phân biệt ngã, nhơn. Đó là tà giác, chẳng kêu là Chánh. Tất cả lục phàm đều như thế. Hàng Thanh Văn, Bích Chi chỉ phá được kiến hoặc, tư hoặc; tuy cũng đặng đạo quả Bồ Đề nhưng Đạo kia chưa được trung chánh vì chỉ tự giác. Ấy là thiện giác, không kêu là Đẳng. Tất cả Bồ Tát đã hết trần sa hoặc, nhưng chưa hết vô minh hoặc; tuy đặng bực chánh đẳng bồ đề, nhưng đối với bực Phật còn kém xa, không gọi là vô thượng!

Duy một mình Phật vọng hết giác mẫn như mặt trăng đêm rằm, không còn có bực Giác nào hơn nữa nên gọi là bực Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy. Nay chỉ trì danh hiệu Phật, nhờ Phật hộ niệm, đối với bực Giác như thế tức đặng bất thối chuyển, nghĩa là thẳng đến đạo tràng, trọn không còn đọa trong 3 cõi và lưng chừng nơi hóa thành, quyết định thành Phật.

Kinh Đại Bản ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Nghe danh hiệu ta

rồi, với quả a nậu đa la tam miệu tam bồ đề mà có thối chuyển ấy thời ta không thủ ngôi chánh giác”.

Lại nói: “Do vì đối với pháp đây, không chịu nghe nên có một ức Bồ Tát thối chuyển nơi quả a nậu đa la tam miệu tam bồ đề”.

Sớ: Văn trước nói: “A Bệ Bạt Trí”, chính là văn đây nói nghĩa bất thối Bồ Đề vậy. Nhưng trước khi vãng sanh và sau vãng sanh, ý có hơi sai khác.

Sao: A Bệ Bạt Trí mà gọi rằng Bất Thối đó, chính là nói đối với quả Vô Thượng Bồ Đề không thối chuyển vậy.

Song văn trước nói: “Người sanh nước kia đều đặng bực bất thối”.

Văn đây nói: “Nghe Kinh này và nghe danh hiệu Phật, thế đều đặng bực bất thối” thời chẳng đợi sanh về nước kia mà trước khi chưa sanh về, tức đã đặng thành tựu, thiện căn Bồ Đề không thể hư hoại; huống lại sanh về kia rồi mà có thối chuyển hay sao!

Lại có hai nghĩa: 1. Hiện thời không thối như trên đã nói. 2. Dầu người kia ít tuổi thọ, nhiều nghiệp chướng, chẳng đặng vãng sanh, nhưng nhờ sức chấp trì của mình đây và sức Phật hộ niệm, ắt qua đời sau với thiện căn Bồ Đề cũng chẳng tan mất, rốt ráo đặng sanh về cõi Phật kia.

Người xưa nói: “Đời nay đã gieo các hạt giống Bát Nhã này, dầu nay chưa tỏ ngộ, nhưng qua đời sau vừa ló đầu ra, mặc dầu ở trong tánh Bát Nhã sẵn sàng thọ dụng”, chính là nghĩa đây vậy.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh thường giác là nghĩa Bất Thối Bồ Đề.

Sao: Tánh khôn thiêng riêng chiếu, rõ rõ thường tri, không giảm không tăng, không đặc, không thất, Bồ Đề tức ta, ta tức Bồ Đề, tấn còn không có làm gì có thôi?

MIỄN TÍN (phân ra làm ba phần)

1. Nhơn văn tín thọ (nhơn nghe tin chịu)
2. Tùy nguyện đặc sanh (theo nguyện sanh về)
3. Tổng kết tín nguyện (gồm kết nguyện tin)

NHÂN VĂN TÍN THỌ

Thế cho nên, này Xá Lợi Phát! Các ông đều phải tin chịu lời của ta và lời nói của chư Phật.

Sớ: “Đều phải tin thọ”: ấy là lời khuyên lần thứ ba. Có người phân cho đoạn văn đây thuộc về phần lưu thông, nhưng nay cũng để thuộc về phần Chánh Tông vì do nương văn trên, chính khuyên người tín thọ khiến đặng vãng sanh. Hai văn trước đều khuyên phát nguyện. Văn đây lại khuyên tín thọ.

Sao: “Khuyên lần thứ ba” là: Văn trên nói: “Nghe lời nói ta đây, chỉ phải trì danh thời đặng sanh”, nhưng chưa rõ: thôi hay là không thôi. Văn đây nói: “Chẳng những đặng vãng sanh mà với quả Vô Thượng Bồ Đề ắt hằng không thôi chuyền”.

Như thế thời nguyện càng thêm thiết, cho nên nói ba lần khuyên chưa thuộc phần lưu thông là do Tín, Nguyện, Vãng Sanh là cang yếu trong bộ Kinh này. Văn sau trùng trùng khuyên tín, khuyên nguyện, phân thuộc phần Chánh Tông đối với nghĩa là đúng.

“Các ông” là chính chỉ ông Thân Tử nhần đến đại chúng hiện tiền

và gồm tất cả các chúng sanh đời vị lai v.v..

Bởi vì với một vị Phật ngài nói đã tin chắc, huống chi chư Phật đồng khen, lại còn nghi chi. Tín, Hạnh, Nguyện ba món, không đặng thiếu một, cho nên văn trước khuyên nguyện, văn đây lại khuyên tín.

Lại khuyên là gì? Văn trước, trong văn 6 phương Phật đã khuyên phải tin Kinh này.

Văn đây lại nói rành: “Phải tin lời ta”. Bởi vì không nguyện là do trong tâm không tin. Không tin thời không do đâu khởi hạnh tu. Cho nên đối với trong Kinh này, Phật Ngài trùng trùng khuyên tín.

Như Kinh Đại Bản nói: “Người không tin lời Phật nói chính người đó trong ác đạo mới tiến hóa ra, tội thừa chưa hết, ngu si, bất tín, chưa đặng giải thoát”.

Lại ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Hết lòng tin mến muốn được về cõi của ta, 10 tiếng niệm Phật ắt được sanh về, duy trừ tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp”. Báng chánh pháp là nghĩa “bất tín” vậy.

Lại Kinh Văn Thù Bát Nhã như văn trước đã dẫn, rốt sau cũng nói rằng: “Duy trừ người bất tín”. Lại Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tin là gốc của Đạo, tin là mẹ sanh ra công đức” mà Phật lại nói mãi không thôi, đâu lường vậy ư?

Ngài Thanh Lương Đại Sư nói: “Ông Cao Tề Đại Hạnh Hòa thượng tôn sùng pháp niệm Phật dùng 4 chữ dạy bảo, nghĩa là: hai chữ “tin nhớ” không lìa trong tâm, hai chữ “kính niệm” không lìa nơi miệng. Sanh về Tịnh Độ cần yếu phải có tâm tin. Nghìn người tin thời

nghìn người được sanh về, muôn người tin thời muôn người được sanh về. Tin danh hiệu Phật thời chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ niệm. Tâm thường nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật mới gọi là thâm tín. Mặc ý sớm hay muộn gì quyết không có phép nào lại trụ trong cõi Diêm Phù Đề này”. Văn đây khuyên người đời phát tín tâm rất là thiết yếu.

Sớ: Tín là nghĩa “không nghi”, Thọ là nghĩa “tin rồi lãnh nạp không quên”. Tín mà không Thọ cũng như không Tín vậy.

Sao: “Tín mà không thọ lãnh”: Ví như có người đem cho vật báu rất tin không nghi, song mà cứ cự mãi không nhận lấy, dầu tin cũng chẳng ích gì! Cho nên nói “cũng như không tin” vậy.

Sớ: Lại chữ tín tức là tâm thanh tịnh như trong bộ Duy Thức đã nói.

Sao: Trong Thành Duy Thức Luận nói: “Đức Tín tánh cách nó là tâm tịnh”, nghĩa là đối với chỗ thật đức hay thâm nhẫn ưa muốn (bởi có trí huệ tin hiểu thấy được lý chân đế, nên gọi chỗ thật đức). Thế nào là tâm tịnh? Vì tâm thù thắng vậy. Như ngọc Thủy Thanh hay làm cho nước đục được trong.

Lại trong các món nhiễm, mỗi món đều có hình tướng; chỉ có tâm bất tín tướng nó vẫn đục, lại hay khuấy đục đến các tâm vương, tâm sở. Tỷ như vật rất nhơ vì nó đã làm nhơ mình lại nhơ lây người khác. Nếu tâm tín chính là đối được cái tướng nhơ kia, nên lấy tâm tịnh làm tướng.

Nay người tu Tịnh Độ chủ về tâm tịnh; tâm tín là việc gấp cũng rõ lắm rồi.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh bản lai vẫn là Phật là nghĩa “tín thọ”.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bực Thập Tín toàn dùng quả Phật làm tín tâm của mình” (mỗi bực giữ 10 tín).

Bởi do Phật tức là tâm, cho nên trong tâm chúng sanh, mỗi niệm mỗi niệm thường có tánh Phật thành ngôi chánh giác. Nên người mà dấy lòng tin như vậy thì đối với ý mâu chôn Kỳ Viên, lời nhiệm của nghìn vị Phật, chỉ một thời người ấy đã thụ trì tất cả.

TÙY NGUYỆN ĐẮC SANH

Này Xá Lợi Phát! Nếu có người trước đã phát nguyện, nay đương phát nguyện, hoặc sau sẽ phát nguyện để muốn sanh về nước Phật A Di Đà kia thì các người đó đều đặng bực bất thối chuyển đối với quả a nậu đa la tam miệu tam bồ đề nơi cõi nước kia, hoặc đã vãng sanh, hoặc nay vãng sanh, hoặc về sau sẽ vãng sanh.

Sớ: Văn trước nói: “Tín, Thọ”, văn đây nói: “Tin rồi phát nguyện vãng sanh” vậy. Đã nguyện, nay nguyện và sau nguyện là phối với ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Nói ba thời kỳ đó để rõ rằng: Hễ có nguyện, không một người nào mà chang vãng sanh.

Sao: “Đã phát nguyện, đã vãng sanh” là: Thì trước khi Phật nói Kinh này, đã có người cầu nguyện sanh về nước kia, đã được vãng sanh rồi.

“Nay nguyện, nay sanh” là chánh thời kỳ Phật còn tại thế vậy.

“Sau nguyện, sau sanh” là: Nghe Kinh này vừa rồi, mãi cho đến ngày nay, ngày sau và đời sau nữa....

Văn trước nói: “Bất thời Bồ đề”, văn sau nói người đặng vãng sanh đó rõ ràng: “Hễ người phát nguyện thời ngay đương đời đây đã thuận theo đường Chánh Giác rồi, huống đã đặng vãng sanh ư?”

“Không một người nào chẳng được sanh” là: Rõ nói những người vãng sanh rất nhiều đến vô lượng.

Hỏi: Người được sanh đã nhiều vô lượng, nay sao tình cờ mới thấy có một người?

Đáp: 10 phương thế giới đông như số vi trần, những người vãng sanh kia nào ai biết được số hạn. Nay người chỉ thấy cõi Ta Bà chớ không thấy nhiều cõi như số vi trần trong 10 phương.

Lại hỏi: Người sanh đã nhiều vô lượng; cõi kia làm sao mà chứa cho hết?

Đáp: Biển cả chứa trăm sông mà chẳng tràn, gương sáng trùm muôn tượng còn có dư, huống cõi Tịnh Độ ư? Túc tâm là tịnh độ, tức độ là tâm vì lẽ lấy qui về tâm thì nào lại chẳng chứa hết?

Sớ: Xứng lý thời tự tánh nó chẳng phải quá khứ, vị lai và hiện tại là nghĩa “đã sanh, nay sanh và sau sanh”.

Sao: Muôn năm thâm vào trong một niệm thì xưa nào mà chẳng phải nay? Một niệm suốt đến muôn năm thì nay nào chẳng phải xưa? Thế thời mỗi niệm mỗi niệm dạo đi nước Cực Lạc, mỗi giờ mỗi giờ ra mắt Đức Từ Tôn, đâu chẳng phải vãng sanh đấy? Tâm quá khứ không thể đặng. Đã không tâm ấy còn ai nữa mà vãng, mà sanh, nhưng không sanh mà sanh. Đó là cái nghĩa “đã sanh, nay sanh và sau sanh”.

TỔNG KẾT TÍN NGUYỆN

Thế nên này Xá lợi Phát! Các gã thiện nam tử, thiện nữ nhơn, nếu có người tin cần phải phát nguyện để nguyện sanh về cõi nước kia.

Sớ: Văn trước nói: “Có nguyện thời ắt có sanh” thời Nhân quả rõ ràng, chỉ e người không tin cùng người tin mà không nguyện sanh, cho nên tổng kết tâm tín và nguyện, nghĩa là nếu ai không tin thì thôi, còn nếu có người tin thì nên phát nguyện sanh về nước kia. Đây là lần khuyên thứ tư.

Sao: “Lần khuyên thứ tư” là: Từ lần khuyên ban đầu đến lần khuyên thứ hai đều nói: “ Phát nguyện cầu sanh”, đến trong lần khuyên thứ ba lại nói rõ ràng: “Nguyện là từ tâm tín mà khởi”. Như trên ba lần nói chỉ là khuyên nói cần phải phát nguyện, nhưng chưa nói rõ công đức phát nguyện.

Văn đây nói: “Đời quá khứ, đời vị lai và đời hiện tại, hễ có người nguyện, không một người nào mà chẳng được sanh”, mới biết cái nguyện lực rộng lớn như thế, đâu đặng không tin, đâu đặng không nguyện? Nên nói bốn lần khuyên và nói lời tổng kết.

Ngài Trí Giả nói: “Ngục Hỏa xa hiện tướng còn đặng vãng sanh”. Huống chi giới, định ròng tu, công chẳng luống uổng. Đây là lòng tin rất tốt vậy.

Ngài Vĩnh Minh nói: “Kiếp đá còn có thể mòn, chớ nguyện ta không bao giờ thay đổi”; đây là lời nguyện rất rộng vậy.

Sớ: Xưng lý thời tự tánh Như và Trí thâm hiệp, ấy là nghĩa “trí và nguyện đều thành”.

Sao: Thuận nhiên chơn thật mà không luống là nghĩa “tự tánh

chơn như” vậy. Thế nên gọi là Tín. Xí nhiên tung bưng sanh ra mà không cùng tận ấy là nghĩa “tự tánh trí huệ” vậy; thế gọi là Nguyên.

Như hiệp với Trí; Trí hiệp với Như. Ngoài Trí không Như, ngoài Như không Trí. Văn Thù là bực Tín Thủ sẵn đủ trong nhứt tâm, Phổ Hiền là bực Nguyên Vương, cũng không rời trong nhứt niệm.

QUYỂN 4D

D. HỒ CHƯƠNG NAN SỰ LINH THIẾT CẢM PHÁT

(Phân ra làm ba)

1. KỶ TÁN CHƯ PHẬT (Thích Ca khen Chư Phật)
2. CHƯ PHẬT TÁN KỶ (Chư Phật khen Thích Ca)
3. TỔNG KẾT NAN SỰ (Chung kết việc khó)

KỶ TÁN CHƯ PHẬT

Này Xá Lợi Phất! Như ta nay đây khâm khen công đức chư Phật bất khả tư nghì.

Sớ: Bồn Kinh của đời nhà Đường dịch đã nói: “Như ta đây rao bày khâm khen đức Vô Lượng Thọ Phật”. Kinh này nói: “Khâm khen các đức Phật”. Nư lời Cổ Nhai nói: “Do vì đức Phật Di Đà với chư Phật đồng một pháp thân”.

Sao: “Đồng một pháp thân” là như Kinh Hoa Nghiêm lời tụng nói: “Mười phương các đức Phật Như Lai, đồng chung một pháp thân; một thân một trí huệ, Thập lực, Tứ vô úy cũng thế”.

Thời đức Phật Di Đà tức là các đức Phật, các đức Phật tức là Phật Di Đà; cho nên chẳng nói đức Di Đà mà nói các đức Phật. Sớ là gồm

đức Di Đà cùng các đức Phật đồng khâm khen đức Thích Ca vậy.

Sớ: Bản dịch đời nhà Đường do đức Di Đà gồm các đức Phật; nay Kinh này: Do các đức Phật gồm đức Di Đà. Nếu cả hai thuyết gồm nói đủ thời với văn đã thuận mà nghĩa lại cũng cụ túc.

Sao: “Đủ hai thuyết” là nói: Như ta nay đây khâm khen đức Phật A Di Đà, cùng với các đức Phật đều có công đức bất khả tư nghì; thế thời văn Kinh đã thuận mà với nghĩa đồng một Pháp thân cũng ở trong đó, văn nghĩa đều tốt. Nên biết ngài La Thập vốn có ý đây, nhưng vì ngài muốn bớt văn cho dễ, ngài Huyền Tráng dịch sau chỉ vì riêng nói; ấy là muốn cho người đối trong hai Kinh khéo hiểu nói ý kia mà không chấp nơi văn tự vậy. Lại các đức Phật với Phật Di Đà đồng nhau cũng là bất khả tư nghì.

CHƯ PHẬT TÁN KỶ (Phân ra làm 2 phần)

1. ĐẮC ĐẠO NAN (Chứng đạo là khó)
2. THUYẾT PHÁP NAN (Nói pháp là khó)

ĐẮC ĐẠO NAN

Hết thấy các đức Phật kia cũng khâm khen công đức của ta bất khả tư nghì mà nói lời như vậy: “Thích Ca Mưu Ni Phật hay làm những việc ít có rất khó, lại hay ở trong cõi nước Ta Bà nhằm đời dữ năm trước: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước mà được chứng quả a nậu đa la tam miệu tam bồ đề”.

Sớ: Mỗi vị Phật khâm khen lẫn nhau là vì đề tiêu biểu pháp môn Tịnh Độ này, quyết phải tín thọ.

Sao: “Mỗi vị Phật lẫn nhau khen” là: Vì với pháp môn niệm Phật

cầu sanh Tịnh Độ đây, dầu một vị Phật riêng khen cũng phải tín thọ không nghi; huống nay chẳng những một đức Thích Ca khen nơi hội Kỳ Viên mà thôi, cho đến chư Phật ở sáu phương cũng vẫn đồng khen ngợi. Lại Phật đây, Phật kia lẫn nhau tán thán, há chẳng phải pháp môn tối yếu siêu sanh thoát tử hay sao? Thế nên nhắc lại bốn phen dặn dò, nhiều phương dạy bảo, ơn hơn mẹ đẻ, hơn quá trời cao, dầu cho có làm hạnh chi đến tan xương nát thịt đi nữa cũng khó mà đền đáp cho vừa.

Sớ: “Các Đức Phật kia” tức là Phật Di Đà cùng 6 phương chư Phật vậy. Thích Ca, dịch: Năng Nhon; Muu Ni, dịch: Tịch Mặc.

Sao: Năng Nhon Tịch Mặc, đủ có hai nghĩa: 1. Theo đối đãi mà nói thời chữ Năng là pháp phương tiện quyền khéo chiu theo cơ ưa hợp. Chữ Nhon là trí, đức hồng ân khắp nhuần muôn loại, là lòng đại bi lợi vật. Chữ Tịch là lặng vậy bất động, bất dứt muôn điều. Chữ Mặc là vắng vậy, quên lời, hằng lìa sự hý luận, ấy là cái đại trí hiệp với chơn lý. 2. Với viên dung mà nói: Do vì bi tức là trí nên trọn ngày độ sanh mà không có tướng chúng sanh nào khá độ; đây là tức Động mà Tịnh vậy.

Do vì Trí tức Bi nên chẳng khởi lên một mảy niệm mà thường độ chúng sanh; đây tức là Tịnh mà Động vậy. Cho nên biết rằng chỉ nói hai chữ Bi, Trí hẳn đến một lời thì toàn đức của Phật đều gồm được hết.

Sớ: Câu “Ít có rất khó” là lời nói chung cả hai việc khó ở dưới, Làm đủ hai việc khó đây nên gọi công đức bất tư nghi.

Sao: “Nói hai việc khó” là: Ở trong đời ngũ trược mà tu chứng

đặng quả Bồ Đề, đó là một việc khó. Lại ở trong đời ngũ trước mà nói ra pháp môn Tịnh Độ này, đó là việc khó thứ hai. Gồm cả hai việc đây thật là cái việc rất khó làm mà duy có Phật làm được. Với việc ít có, khó thấy ấy cũng chỉ một mình Phật có đó.

Lại việc khó làm mà làm được cũng chưa phải là điều ít có. Nay việc rất khó làm mà được đó, đây mới là tốt xưa suốt nay, siêu nhiên vượt thánh, trên trời dưới trời đồ sộ đặc biệt riêng một mình mà không ai so sánh cho bằng bậc ấy nên nói là “ít có”.

Sớ: Chữ Ta Bà dịch là Kham Nhẫn, cũng dịch là: Nhẫn Giới, tức là cõi Đại Thiên Thế Giới của đức Phật Thích Ca Thế Tôn làm Pháp chủ. Chữ “ngũ trước” là gì? Do năm việc uế trước nó đánh lẫn lộn nhau làm như đục chơn tánh của chúng sanh nên gọi là đời ác trước. Thời kỳ nào không năm món trước đây thì gọi là đời thiện tịnh vậy.

Sao: Kham Nhẫn là do vì chúng sanh ở đây kham xiết đành chịu ba điều độc hại phiền não, xoay vần trong đường sanh tử mà không nhàm lìa. Nhẫn Giới là vì đức Như Lai ở trong cõi này, riêng một mình ngài chứng đặng bậc Tự Thệ tam muội (19).

Lại thời kỳ sơ kiếp có vị Phạm Vương tên là Nhẫn (20). “Ngũ trước quấy lộn lẫn nhau” là bản tánh vốn vắng lặng, do kiếp trước v.v... cả năm trước xáo lẫn nổi lên cát bụi bặm, cặn cáu. Như Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ví như nước đang trong, lấy đất cát quăng vô, đất rã làm cho nước mất tánh trong sạch, vì lộn lạo đục ngầu”.

Chữ Thế là nghĩa “dời đổi không ngừng”. Thời đời trước, đời này và sau đời này, phải có một đời gọi là thiện thế vì bấy giờ không ngũ trước. Nay nói đời ác thế (21) là căn cứ vào thời kỳ Phật Thích Ca

đương hiện thể mà nói.

Sớ: Chữ “kiếp” đọc đủ tiếng Phạm là Kiếp Ba, dịch là Thời Phận. Chữ Kiếp trước là nó không có cái thể riêng; do có 4 trước kia mà đặt cái tên cho nó (là kiếp trước); các điều trước cấu cận lẫn với nhau tức là tướng hiện thật của nó (kiếp trước).

Sao: “Kiếp trước” là trong một đại kiếp có bốn trung kiếp là: Thành, Trụ, Hoại, và Không. Mỗi một Trung kiếp đều có 20 tiểu kiếp, xây vòng tăng, giảm.

Thuở mà loài người tuổi sống tăng đến khi mỗi người sống được 8 muôn (80.000) tuổi là số tăng đã tột. Lại một trăm năm giảm xuống một tuổi, cứ giảm như vậy cho đến khi còn người còn sống được hai muôn (20.000) tuổi, tức là vào thời kỳ kiếp trước rồi.

“Không có cái thể riêng” là do bốn trước sau đều ở trong kiếp trước đây, nhọn đó mà đặt tên là "Kiếp trước". Phần của kiếp đây, nội dung hiện tượng của nó là các trước đưa nhóm lẫn nhau, toi bời xen lộn, cho nên nói là “trước”.

Trái lại đề thêm rõ trong nước Cực Lạc, đương thời là Phật A Di Đà hiện tại thuyết pháp, là vì thời gian thanh tịnh không phải kiếp trước... Ngày nay chúng ta vì sao đành ở trong đời kiếp trước này mà chẳng cầu sanh về nước kia ư? Bốn trước sau cũng nương theo đây.

Nên ngài Trí Giả nói: “Cõi Tịnh Độ kia vì không có ba độc và năm trước nên gọi là cõi ngũ thanh” là ý đây vậy.

Sớ: Kiến trước là lấy năm món lợi sử làm thể, chia ra thì thành 62 cái v.v... Các tà kiến lừng lẫy tức là tướng của nó (kiến trước).

Sao: Năm món lợi sử là: 1. Thân kiến: Nghĩa là chấp ngã và ngã sở mà khởi ra tà kiến chấp có thân ta. 2. Biên kiến: Nghĩa là chấp đoạn, chấp thường, mất lý trung đạo mà khởi ra tà kiến, chấp một bên. 3. Giới thủ: Nghĩa là chẳng phải chánh nhơn mà chấp cho là nhơn, đề tu theo lối khổ hạnh của tà đạo mà khởi ra tà kiến, chấp trước rằng ta hãy giữ giới (giới của tà đạo). 4. Kiến thủ: Nghĩa là chấp quấy làm phải, như chuyện gánh gai bỏ vàng mà khởi ra tà kiến, tự phụ chỗ sở kiến của mình. 5. Tà kiến: Nghĩa là bác đi nói không có Nhân quả, mắc về cái tội chấp không, trống rỗng (ngoan không) gây ra cái thấy biết không chánh đáng của bọn tà ngoại.

Năm điều ấy nó hay khiến chúng sanh đi vào con đường sanh tử cho nên gọi là "Sử". Nhưng mà cái thể nó mảy mún, nhậm lệ làm hại chẳng phải nhỏ. Vì đối với năm Độn sử để nói nên kêu là Lợi sử, nghĩa là nó sai khiến rất nhanh chóng.

“Chia ra thời thành 62 Sử” là: Dùng hai cái chấp đoạn và chấp thường làm gốc mà sắc ấm v.v... năm ấm, mỗi ấm có đủ bốn câu, nhơn cho ba đời thành 60, thêm hai gốc Đoạn và Thường kia cộng thành 62 sử (sai khiến).

Các cái tà kiến đấy cũng như rừng rậm quấn buộc quanh co, người đời không thể ra khỏi, khuấy rối chơn tánh, cho nên nói là “trược”.

Trái lại với trên là để rõ trong nước Cực Lạc, mỗi người đều đủ sức chánh kiến vì chẳng mắc cái kiến trược như chúng sanh ở cõi này.

Sớ: Phiền não trược là lấy năm món Độn sử làm thể, nhơn rộng ra thì nhiều đến thành 10 món, 108 món, tám vạn bốn ngàn (84.000)

món, và hằng sa đặng món v.v... để vời mắc lấy tam tai, tức là cái hiện tượng của phiền não trước.

Sao: Năm món Độn sử là: 1. Tham: Nghĩa là gặp các cảnh thuận tình thì khởi ra tâm yêu đắm, vì không thể bỏ lia 2. Sân: Nghĩa là gặp những cảnh trái tình thì khởi tâm hờn giận, vì không thể dung nhẫn. 3. Si: Nghĩa là đối với cảnh không phải trái, chẳng phải thuận thì khởi ra tâm ngu ám, vì không thể xét biết. 4. Mạn: Nghĩa là: Đối với tất cả. Chúng sanh khởi tâm kiêu ngạo trên lẫn, dưới lướt, vì không hay kính nhường. 5. Nghi: Nghĩa là đối với các pháp lành khởi ra tâm nghi nan, khi muốn tấn, lúc muốn thôi, vì chẳng hay tự quyết định được.

Năm cái đây cũng hay khiến người thặng vào trong đường sanh tử, cho nên gọi là "Sử"; sánh với năm sử trước thì nặng nề chậm chạp hơn nên gọi nó là "Độn sử", nghĩa là cũng sai khiến mà chậm lụt lắm!

"Nhơn rộng ra" là đem năm độn sử hiệp cộng với năm lợi sử trước, làm thành 10 món phiền não. Lại chia ra thời làm thành 98 món phiền não, thêm món thập triền thời thành 108 món phiền não. Lại chín chấn suy ra nữa thời tới tám vạn bốn nghìn (84.000) phiền não, nhẫn đến hằng sa và đa đa vô lượng. Bởi nó làm nhọc nhằn tâm ta, không đặng an ổn, nóng nảy tâm ta không đặng mát mẻ!

Lại các món rộn ràng, nó ép ngặt tâm thần làm cho tánh chơn minh chẳng xán lạn; cho nên gọi nó là "phiền não".

Với "mắc tam tai" là do lòng tham nên cảm chịu lấy tai cơ cấn (đói kém, mất mùa), lòng sân cảm chịu lấy tai đao binh; lòng si cảm thụ ra tai tật dịch; nhẫn đến tai nước, tai lửa, tai gió các tai nạn lớn, cũng đều do theo một loại của phiền não nó sai khiến cho nên nói nó là

“trước” vậy.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực Lạc, mỗi người đều trí huệ trong sạch vì chẳng phải phiền não trước như cõi này.

Sớ: Chúng sanh trước là: Một chỗ nói: Lấy ba nghĩa của Kinh A Hàm để làm thể. Lại chỗ thì nói trộn lẫn với năm âm: Âm, kiến thức, mạn khinh; quả báo để làm thể. Tên xấu tiếng như tức là tướng của nó vậy.

Sao: “Ba nghĩa” là Kinh A Hàm nói: 1. Ban đầu kiếp trụ do chúng sanh cõi trời Quang Âm bị đọa xuống ở mặt đất này. 2. Hòa hợp với 5 âm để lẫn sanh ra. 3. Tùy theo mỗi chỗ (6 đường) để thụ sanh theo mỗi trường hợp; cho nên nói “chúng sanh trước”.

“Năm âm” tức là sắc âm, thọ âm v.v... Chữ “kiến” là không thật có chủ thể mà chấp bướng rằng thân này thật có chủ thể, thế là “ngã kiến” (chấp ta, tự ái, bản ngã: tự nhận thấy có làm chủ thân này, vật nọ).

Chữ Mạn là chấp cu sanh chủ thể (“cu sanh” là cái chấp đời trước, còn thừa lại đều theo sanh ra với thân đời này) gọi là “ngã mạn” (trọng mình khinh người).

“Quả báo” là đời trước đã tạo nơn, đời này phải chịu quả báo, cũng là nghĩa thọ sanh như trên.

“Tên xấu, tiếng như” là: Đối với Phật thì “chúng sanh” là cái tên tuổi tiếng tăm rất hèn hạ xấu xa bởi luân hồi trong sáu đường, chịu đủ các việc thống khổ cho nên nói là Trước.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực Lạc, người người toàn là

bực thượng thiện đồng hội hợp một xứ, vì chẳng phải như chúng sanh mang những danh xưng ác trược như cõi này!

Sớ: Mạng trược là: Lấy sắc và tâm chuyên luôn, nối giữ làm thể, thâm thúc năm, tuổi, giảm ngắn số thọ tức là tướng của nó vậy.

Sao: “Chuyên luôn nối giữ” là: Y theo nghiệp lực nó dẫn dắt hột giống thức thứ tám; ngoài sắc thân, trong thời tâm thức, liên thuộc lẫn nhau. Tức là do "hơi thở", "chất ấm" và "thần thức", ba cái nó cùng giữ gìn nhau, như hồ keo không cho tan rã (sống trong một thời kỳ) đó gọi là Mạng căn. Nếu rui ro một cái không luôn giữ cho nhau tức thì cái Mạng căn liền đoạn, như chất keo hết dính (chết), nên lấy ba cái đây làm thể của Mạng căn.

“Thâm năm, giảm thọ” là đương trong kiếp giảm đây, mạng căn con người sống không đến trăm năm mà lại dường như bọt, bóng, như đèn giữa gió, trong giây phút chẳng dừng, rất là ngắn ngủi, cho nên nói là “trược” vậy.

Trái lại với trên là để rõ trong nước Cự Lạc: Nhơn dân thọ mạng đồng với Phật vô lượng vì chẳng phải mạng căn ô trược như cõi này.

Sớ: Với ngũ trược mà giải nói như thế là căn cứ theo phân quả; còn như Kinh Lăng Nghiêm nói, hoặc phối với tam tế, lục thô; hoặc phối với ngũ ấm thì nghĩa nó cũng chẳng khác.

Sao: “Phối với tam tế, lục thô” v.v... là: Lấy cái kiếp trược phối với nghiệp tướng, nghĩa là: Cái vô minh khi ban đầu khởi ra vì tánh nó liền như trược vậy; kế lấy mạng trược phối với nghiệp hệ khổ tướng.

“Phối với ngũ ấm” là: Lấy kiếp trược phối với sắc ấm, nghĩa là

với điều không, điều thấy chẳng rành, cái thấy bậy vốn không, cả hai đều không thật thể vì tánh nó vẫn trực vậy. Kế lấy Kiến trực phối với Thụ âm; kế lấy phiền não trực phối với Tướng âm; kế lấy chúng sanh trực phối với hành âm; kế lấy mạng trực phối với thức âm.

Nói “không khác” là: Một thuyết trước nói: Tâm không có cái tướng ban đầu là vô minh thì vượt khỏi kiếp trực, nhần đến không có cái tướng nghiệp hệ khổ thì vượt khỏi mạng trực; thế là đoạn được cái vô minh v.v... Nên gọi Phật Ngài ở cõi ngũ trực mà chứng quả Bồ Đề.

Một thuyết sau nói: Phá được sắc âm thì vượt khỏi kiếp trực, nhần đến phá được thức âm v.v... nên gọi là Phật Ngài ở trong cõi đời ngũ trực mà chứng đặng quả Bồ Đề. Vì hai thuyết nói có chút khác, nhưng nghĩa rất đồng nhau.

Sớ: Trong Quán Kinh nói: “Tạo cái nhờn trực ác, bất thiện nên bị cái quả năm món khổ ép ngặt”. Nay ở đây không nói năm món khổ là văn bót.

Sao: “Năm món khổ” là: Lời Sớ nói: “Sự khổ giữa ngũ đạo (năm loài) là hoặc cái khổ ngũ thông, cái khổ ngũ thiêu, cái khổ ngũ ác (23) v.v... rõ đủ như trong Kinh Đại Bản, đây chẳng chép nhiều”. Do trực át có khổ, nói trực thì gồm khổ nên nói “bớt văn”.

Sớ: Ở trong cõi đời ngũ trực đây, những người có thể tự lập (làm nên mình) cũng đã ít lắm rồi; huống đặng thành bực chánh giác, đâu chẳng khó ư? Thế là việc khó lần thứ nhứt, thế là rõ công đức tự lợi thiệt không thể nghĩ bàn.

Sao: “Tự lập” là: Cái thời kỳ đủ năm điều ác trực mà loài người

sanh ra nhằm trong đời ấy với hoàn cảnh ngoài thời bị thời thế ép ngặt; với trong thân tâm thì bị mê hoặc nghiệp chướng nó buộc ràng. Huống hồ cái thân thể buộc giữa bốn loài, mạng còn trong hơi thở. Bởi thế nên muốn sạch mà nó cứ như, cầu lên mà lại rớt trở xuống. Thế mà có năng lực ở trong cõi này, khéo phân biệt điều thiện ác là tri giới tu phước để lập được cái địa vị chốn nhơn thiên. Kẻ mà được như thế cũng rất ít có lắm rồi! Huống nữa hay ở trong cõi ngũ trược này có một số người rất sợ con vô thường, biết tu pháp Tứ Đế, pháp Thập Nhị Nhơn Duyên để tự lập cái địa vị các thánh Thanh Văn, Duyên Giác, lại càng ít có hơn nữa. Phương chi cũng ở giữa cõi này mà đoạn hẳn màn Vô Minh, vượt cao ngoài ba cõi để chứng đặng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề; thiệt là chẳng khác nào đồng ở trong đám nhà cháy mà riêng một mình được ngồi trên chiếc xe báu đi ra; đồng chìm đắm trong sông mê mà riêng lên bờ giác. Thế đâu chẳng phải là kẻ nhẫn được những cái mà đại đa số người không thể nhẫn; làm được những cái mà đại đa số không thể làm! Vậy mới gọi là khó, thế mới là công đức tự lợi không thể nghĩ bàn.

Sớ: Xưng lý thời tự tánh Thi Giác hiệp với Bốn Giác là nghĩa “ta khen chư Phật”. Bốn Giác ngàm hợp với Thi Giác là nghĩa “chư Phật khen ta”. Tự tánh tịch mà thường chiếu; chiếu mà thường tịch là nghĩa Thích Ca Mưu Ni. Tự tánh không nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà không nhiễm là nghĩa “ở trong cõi ngũ trược mà chứng quả Bồ Đề”.

Sao: Nhơn trùm biển quả, quả suốt nguồn nhơn thời Thi, Bốn chẳng hai; dụng chẳng lìa thể, thể chẳng lìa dụng thời tịch và chiếu đồng thời, không nhiễm mà nhiễm, khó đặng tỏ biết, là quả Bồ Đề

chìm ngập trong cõi ngũ trược. Nhiễm mà không nhiễm, khó đặng tỏ biết, là đồng ở trong cõi ngũ trược mà riêng chứng quả Bồ Đề.

Nên biết rằng Phật đây, Phật kia cũng đồng qui về một cái tự tâm tịch vẫn chiếu; phiền não hay Bồ Đề cũng chẳng ra ngoài một niệm Ngô với Mê thế thì Bản Sư tức là ta, ta tức là Bồ Đề và chúng đặng Bồ Đề thiệt không chỗ đặng.

THUYẾT PHÁP NAN

Vì các chúng sanh mà ta nói ra pháp này, tất cả thế gian lấy làm khó tin.

Sớ: Văn trước là nói việc khó giữa loài người; văn đây là nói việc khó nhứt trong các việc khó vậy.

Bởi vì với pháp môn Tịnh Độ, tất cả thế gian đều khó tin. Phật ở giữa đời ác trược mà chúng đặng đạo quả, lại ngay trong đời ác trược nói trắng ra pháp này để độ chúng sanh lại là việc khó rất tột bực trong các việc khó vậy. Thế là việc gấp hai lần khó để rõ rằng công đức lợi tha của ngài thật không thể nghĩ bàn.

Sao: “Nói điều khó tin” lược kể có mười nghĩa. Nay ở trong cõi uế ác đây, chúng sanh an tâm chịu đã lâu đời rồi, bỗng nghe nước kia trang nghiêm thanh tịnh, tất là nghi không có sự thật đó. Ấy là một điều khó tin vậy.

Dầu tin có nước kia, nhưng lại nghi rằng 10 phương cõi Phật đều có thể tùy ý muốn sanh về cõi nào cũng được, hà tất quyết định sanh về Cực Lạc? Là hai điều khó tin vậy.

Dầu tin sẽ được sanh về, nhưng lại nghi rằng cõi Ta Bà đây cách

xa nước Cực Lạc, đến 10 muôn ức cõi, thế làm sao rất xa mà đặng sanh về nước phước đức kia, là ba điều khó tin vậy.

Dầu tin là không xa, nhưng lại nghi rằng tất cả phàm phu tội chướng sâu nặng, làm sao mau đặng sanh về nước kia? Là bốn điều khó tin vậy.

Dầu tin đặng sanh về, nhưng lại nghi rằng sanh về cõi Tịnh Độ đó quyết phải có tu pháp môn kỳ diệu gì và nhiều món công hạnh mới được; làm sao chỉ tu trì danh hiệu Phật mà liền đặng sanh về? Là năm điều khó tin vậy.

Dầu tin tu pháp trì danh, nhưng lại nghi rằng tu trì danh hiệu này ắt phải cho nhiều năm, nhiều kiếp mới đặng thành tựu, làm gì chỉ niệm một ngày hoặc bảy ngày mà liền đặng sanh về nước kia? Là sáu điều khó tin vậy.

Dầu tin bảy ngày đặng sanh về, nhưng lại nghi rằng trong bảy thú thọ sanh, chẳng lia noãn, thai, thấp, hóa, làm sao sanh về, vì nước kia, đều là chỉ sanh bằng hoa sen hóa sanh? Là bảy điều khó tin vậy.

Dầu tin gá nơi hoa sen để hóa sanh, nhưng lại nghi rằng kẻ sơ tâm vào đạo gặp nhiều chướng duyên phải thôi lui, làm sao một phen sanh về nước kia liền đặng bực Bất thối? Là tám điều khó tin vậy.

Dầu tin không thối, nhưng lại nghi rằng: Pháp môn đây là để dẫn dắt những chúng sanh tối dốt, chớ bực thượng trí sáng suốt, không cần sanh về nước kia? Là chín điều khó tin vậy,

Dầu tin người sáng suốt cũng sanh về, nhưng lại nghi rằng: Trong Kinh khác hoặc nói có Phật, hoặc nói không Phật, hoặc có cõi Tịnh

Độ, hoặc không cõi Tịnh Độ, rồi trong tâm hồ nghi chẳng quyết; là mười điều khó tin vậy.

Cho nên nói pháp khó tin mà nói rằng “tất cả thế gian” đó là chẳng những chúng sanh trong ba đường ác nó khó tin mà là chúng sanh cõi nhơn, thiên hoặc còn nghi đó; chẳng những kẻ ngu mê khó tin mà bực hiền trí hoặc còn nghi đó; chẳng những kẻ sơ cơ khó tin mà đến những bực tu lâu hoặc còn nghi đó; chẳng những kẻ phàm phu khó tin mà đến hàng Nhị Thừa hoặc còn nghi đó; cho nên nói là cái pháp mà “tất cả thế gian khó tin” là vậy.

Nay ở trong đời ác trước này, diễn nói ra pháp đây thiệt là chẳng khác nào như vào trong nước lửa hình mà trao bày việc oai nghi; đối với người mù quáng mà chỉ cho màu mè đen, trắng; thế mới gọi là khó, thế mới gọi là công đức lợi tha không thể nghĩ bàn vậy.

Sớ: Lại Kinh Pháp Hoa, Kinh Kim Cang đều nói nghĩa khó tin đó cũng đồng với ý đây.

Sao: Kinh Pháp Hoa nói: “Muốn cho chúng sanh đều đặn nghe biết cái pháp mà tất cả thế gian khó tin”.

Lại nói: “Kinh này khó nghe, mà tín thọ cũng khó”.

Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Nghe nói Kinh này tâm bèn cuồng loạn, hồ nghi không tin”. Nay nói kẻ nghe rồi không Kinh, không hã, không sợ là ít có.

Không Kinh sợ v.v... tức là tin đặn. Nay Kinh này (Di Đà) nói cái điều khó tin của Kinh thời đồng với hai Kinh (Kim Cang, Pháp Hoa) đâu nên khinh vậy (Kinh này cũng như Kinh Kim Cang, Kinh

Pháp Hoa là pháp tối thượng thừa chỉ ngay tự tánh thành Phật). Chúng sanh cõi này mê nhiều ngộ ít, khó nhận, nên gọi "nan tín".

Sớ: Hỏi: Đã nói rằng khó thời nói ra thêm rầy rà, vậy nói làm chi?

Đáp: Nhưng vì Phật nói cũng có người tin.

Sao: Nhon Phật nói có người tin là cái pháp nhiệm mầu đây. Nếu đức Như Lai chẳng từng nói ra thời muôn đời hằng đồng như đêm tối, trọn không có một người niệm Phật cầu sanh. Cho nên ngài than là pháp nan tín! Đó là để cho hiểu rằng: Nếu như người thấy mà không tin là tại người bỏ, còn người nào có thể tin là người có duyên, khiến cho tất cả chúng sanh tự biết thương tui, e mất phần mà hân hạnh được nghe. Cho nên nay những người tin Tịnh Độ đều là nhơn nhờ Phật nói mà phát khởi lòng tin vậy.

Mặc dầu nay không tin, nhưng một phen nghe lọt vào tai, hằng làm hột giống đạo muôn đời.

Sớ: Xứng lý thời với tự tánh không thể đo lường là nghĩa “pháp khó tin”.

Sao: Phải biết với tự tánh đây không thể lấy cái hữu tâm mà tìm, không thể lấy cái vô tâm mà đặng, không thể lấy lời để tạo, và không thể lấy cái vắng lặng mà thông, lia bốn câu, dứt trăm lỗi, trồng hoa giữa hư không, đập mặt trăng trong lặn sóng, không chỗ để cho nhà người đặt tay chun; cho nên trên hội Linh Sơn, bực thượng đức trọn thành cái hại bại Bắc. Đất Hớn Địa, Kinh Kim Cang mới có cái tướng diệt Nam (24) hay tín pháp này, há chẳng khó ư?

TỔNG KẾT NAN SỰ

Này Xá Lợi Phất! Phải biết ta ở cõi đời ngũ trược ác thế làm những việc khó đây mới đặng quả a nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Lại vì tất cả thế gian nói pháp khó tin đây, thiệt là rất khó!...

Sớ: Nhắc lời của chư Phật lặp lại tỏ bày ra để cho chúng sanh nhìn thấy rõ hai việc khó đây đặng hiểu rằng: Phật xưa chẳng luống làm lời khen, Phật nay chẳng lằm chịu tiếng ngợi tốt, thật nói thật làm, cả hai đều phù hợp với nhau, muôn đời chúng sanh phải tin chắc mà chớ nghi, cảm ơn mãi không thôi. Ấy vậy khá gọi rằng căn kẽ dặn dò, ba tâm rất thiết.

Sao: Đắc Đạo là khó, cái khó kia có hai nghĩa:

Một là tu ở trong đời thiện thế đắc đạo, chưa đủ là khó vì hoàn cảnh thuận tiện. Nay Phật tu ở trong đời ác thế đắc đạo mới thiệt là khó (vì cảnh trái ngược).

Hai là ở trong đời ác thế thuyết pháp, mà thuyết những pháp dễ tin ấy cũng chưa lấy làm khó vì chúng dễ hiểu. Nay thuyết pháp khó tin thế thiệt là khó vậy (vì mặc dầu có Phật quốc, nhưng ở rất xa bởi chưa từng nghe thấy).

Lược làm bốn lời dụ: Lời dụ thứ nhất:

Ví như có người thân đi vào trong biển lớn, lại ngồi trong chiếc thuyền bẻ, lại nhằm gió ngược, lại đụng sóng to, lại gặp quỷ dữ (La Sát), cá lớn, rồng độc, sự nguy còn chỉ trong giây phút mà có thể ở trong đó an ổn đặng qua thiệt là khó, nhưng chẳng những qua một mình mà lại còn đem nhiều người đều qua, để trên bờ kia. Thế mới thiệt là cái khó trong các cái khó.

Biển lớn, thuyền bẻ, gió ngược, sóng to và quỉ dữ, các điều ấy là dụ ở trong đời ngũ trược. Một mình qua khỏi là dụ Đắc đạo. Cứu các người đều qua là dụ thuyết pháp vậy.

Lời dụ thứ hai:

Ví như có người thân mang bệnh nặng, lại ở chỗ sương gió, lại thiếu đồ ăn uống, lại bị trặc chơn gãy giò, lại gặp thầy dở cho uống lầm thuốc, sự nguy hiểm chỉ còn trong giây phút mà hay ở trong đó điều trị mạnh lành, thiết gọi là khó; nhưng chẳng những mạnh khỏe một mình mà lại còn cứu luôn bệnh các người khác đều được bình phục. Thế mới thiết là cái khó trong các cái khó!

Lời dụ thứ ba:

Ví như có người thân ở trong tù giam, lại bị tra tấn, lại gông cùm, lại nhiễm bệnh dịch, lại bị cấm cố, sắp đến kỳ giết, sự nguy chỉ còn trong giây phút mà hay ở trong đó, bỗng nhiên thoát khỏi, thiết gọi là khó; nhưng chẳng những khỏi một mình, mà lại cứu luôn các người tội đều đặn lìa khỏi. Thế mới thiết là cái khó ở trong các cái khó!

Lời dụ thứ tư:

Ví như có người thân té xuống giếng, lại gặp rắn độc, lại bị chông gai, lại dầm nước lạnh, lại trúng kẻ ác nhọn quăng liệng đất đá, sự nguy còn trong giây phút mà hay ở trong đó, vượt nhảy lên khỏi, thiết gọi là khó. Chẳng những ra một mình mình mà lại đem luôn các người đồng té đều lên một lượt. Thế mới thiết là khó trong các cái khó.

Các lời đây đều dụ trong đời ngũ trược, nghĩa đã nói đồng văn trên: Trong bốn lời dụ đây, lần lượt dụ đức Thích Ca với hai việc khó.

Nói cặn dễ hiểu. Cho biết rằng: Đức Như Lai chẳng sợ nhọc nhằn, từng trải cực khổ, là vì bọn chúng ta làm việc khó trong các việc khó làm, đến đổi như thế này! Người nghe cái khó đây đều phải mừng thương, khắp khởi, cảm tột kêu la, tiếng vang cả ba nghìn đại thiên thế giới, rồi chăm hãm sấn suốt, lo làm sao để trả ơn Phật.

Song muốn trả ơn cho Phật, chẳng ngoài hai việc: 1. Lợi mình. 2. Lợi người khác.

“Lợi mình” là: Ở trong đời ác thế này, gắng sức tu pháp môn này, nhen được vãng sanh, cũng đã gọi rằng khó.

“Lợi cho người khác” là: Ở trong đời ác thế này, lại khuyên mọi người chung tu pháp môn này, đồng được vãng sanh, thế mới thiệt là khó trong các cái khó.

Sớ: Lại trong Kinh Pháp Hoa rất khen các Kinh, cũng đồng ý đây.

Sao: Kinh Pháp Hoa rất khen là: “Nói hết các Kinh... tay quăng hòn núi Tu Di, chun đá sập cõi Đại Thiên đều chưa phải là khó, hay ở trong đời ác thế này, nói Kinh Pháp Hoa thế mới thiệt là khó”. Nay nói Kinh này (Di Đà) sự khó nói lại cũng như vậy.

Sớ: Lại có hai nghĩa: Văn trước nói “rất khó” ấy để rõ lại rằng: Bên nước Cực Lạc tu đắc đạo rất dễ. Văn sau nói “rất khó” đó là để cho chúng ta nghe được rõ lại rằng bên nước Cực Lạc thuyết pháp rất dễ.

Sao: Vói điều đắc đạo rất dễ là: Trong luận Bà Sa nói: “Niệm Phật được vãng sanh, nhờ nguyện lực của Phật là cái đạo rất dễ làm. Còn ở trong đời ngũ trược ác thế này, tu các pháp khó tấn vì là cái đạo

rất khó làm”, cứ vậy.

Thuyết pháp rất dễ là: Trong nước kia chúng nhơn toàn là người bực thượng thiện, huệ nhiều chương ít, chí ý hòa dịu, tiếng gió, cây, chim đều giúp cho mình tỏ ngộ. Vì chẳng phải như cõi này chúng cang cường khó dạy. Nói điều khó là dễ rõ dễ, chính là dễ chỉ rõ ràng với nước Cự Lạc chúng ta quyết định phải cầu về đó.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh nó vừa lẫn với tâm vừa lẫn với cảnh là nghĩa làm được hai việc khó đây.

Sao: Tâm niệm dù theo cảnh để sanh nhưng tâm thể nguyên thường vắng lặng, thời tâm tánh nó là "vô sở đắc". Thế đắc cái "vô sở đắc" đó gọi là đắc vô thượng Bồ Đề. Cảnh tùy tâm hiện. Tự thể của cảnh vốn không, thời với cái mà không pháp nào khá thuyết đó mới gọi là thuyết đó. Vì ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không có tâm. Thế mới gọi là Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh Viên Mãn.

LƯU THÔNG PHẦN (phân ra làm hai phần)

1. TRỪNG CỬ THÍNH CHÚNG (Lặp lại chúng nghe)
2. MINH TẮT PHỤNG HÀNH (Rõ rồi vưng tu)

TRỪNG CỬ THÍNH CHÚNG

Phật thuyết Kinh này rồi, ông Xá Lợi Phất và các bực tùy theo tất cả thế gian, các vì chư Thiên và chúng nhơn, thần A tu la v.v... đồng nghe thọ lãnh.

Sớ: Pháp ắt phải lưu thông vì Phật thuyết pháp để phổ độ chúng sanh. Lại kể bày chúng thính giả là: Đầu Kinh nói số chúng nghe pháp, cuối Kinh lại nói chúng thọ pháp.

Riêng nói một mình ông Thân tử là vì ông đương cơ Kinh này. Đây không nói Bồ Tát là vì gồm thâu trong hàng tỳ kheo. A tu la dịch: Phi Thiên. Chử Đẳng: Gồm luôn cả bát bộ và chúng sanh trong sáu đường.

Sao: “Lưu thông” là: Kinh Quang Minh lời sớ nói: “Chử Lưu cũng như nước chảy xuống, chử Thông là nghĩa không ngăn trệ”.

Lại ngài Khuê Phong nói: “Pháp nếu không có người đi tuyên truyền thời chẳng lưu động”. Lưu là không dừng, truyền mà gặp sự ngăn ngại thời chẳng thông. Thông là không phải ngăn; nghĩa là suốt thể lan rộng phổ cập vậy.

Phổ độ là gì? Lưu thông khắp cả 10 phương, nhĩn đến ba đời chẳng những chỉ vì chúng sanh trong một xứ một thời mà thôi.

“Đương cơ” là chi? Do pháp khó tin đây, duy người trí mới tin nổi không nghi; cho nên từ đầu chí cuối đều gọi bảo nói ông Xá Lợi Phất vậy.

“Nhiếp thuộc trong hàng tỳ kheo” là: Các Bồ Tát mặc dầu không thường theo đức Như Lai, song vì cùng với các hàng tỳ kheo đồng làm bạn lữ giữa hiền thánh.

Lại các vị Bồ Tát đều có lẫn giữa Chơn đế và Tục đế. Vì tùy loại ứng cơ cũng có thể nói nhiếp thuộc trong cả thế gian cũng được.

Tất cả trong thế gian chỗ bao gồm thì đông (nhiều) mà nay đây riêng nói về 3 đường lành là Thiên đạo, Nhơn đạo, A tu la đạo đó là để cho rõ biết rằng đối với "pháp trì danh niệm Phật" đây, tất cả chúng sanh trong sáu đường, so sánh ra thì phần nhiều hơn hết là chúng sanh

trong đường lành đều tu pháp niệm Phật. “Phi Thiên” là: cõi thân a tu la sự giàu có vui sướng cũng đồng như cõi trời, nhưng vì cái đức hạnh không bằng trời; rõ có bốn loài (25), đây chẳng kể nhiều.

Trong bài kể tên chúng hội trước kia không nói đến tên Tu La là vì nhiếp thuộc trong hàng Thiên Nhơn và Đại chúng.

Hỏi: Loại thần Tu La rất là hung hăng, làm gì chấp trì thánh hiệu là để tu niệm Phật?

Đáp: Loài quỷ, súc sanh còn biết qui y, thần Tu La đâu không tín thọ ư? Há chẳng nghe trong phẩm Thế Chúa Diệu Nghiêm nó các thần Tu La v.v... đều đặng pháp môn giải thoát hay sao? Nay ở giữa loài người đây mấy kẻ ngơ lửng không biết tin niệm đó mới đáng trách a!!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh nó cứu cánh viên mãn là nghĩa “Phật nói Kinh rồi”. Tự tánh châu biến hàm dung là nghĩa “tất cả thế gian”.

Sao: “Cứu cánh” thời trước sau viên chiếu, không thiếu không đủ. “Châu biến” thời phạm thánh bao gồm, nghìn đủ, muôn đủ. Với bốn Kinh như thế thì trước khi Phật chưa kêu ông Thân Tử đã nói hết toàn văn, lại nào đợi ngài Diệu Thủ (Văn Thù) bạch chùy, ông Song Lâm (Di Lặc) phủ xích sau rồi mới bảo là thuyết pháp hay sao?

Cho nên nói: Khi thẳng đường nhập thất đại chúng không thêm, lúc trống lặng chuông ngưng các Nhơn Thiên cùng chẳng giảm.

MINH TẮT PHỤNG HÀNH

Nghe Phật nói rồi hoan hỉ tín thọ, làm lễ mà lui.

Sớ: “Hoan hỉ” là vì mừng chỗ được nghe. “Tín thọ” là vì lãnh thọ chỗ đã được nghe. “Làm lễ” là vì trọng chỗ đã được nghe. Chữ Khứ là

nghe rồi thời lui về giữ tu vậy. Cũng là ba món tư lương và ba huệ, như văn trước đã nói.

Sao: “Mừng chỗ được nghe” là: Nhiều kiếp phiêu linh là chính do chưa nghe pháp này. Nay biết pháp trì danh được vãng sanh, khá gọi như chứng bệnh mê man nơi chiếu gối, bỗng gặp phương hay thần diệu. Ví như khách ngụ lâu xứ lạ quê người, thoát nghe tin nhà hôn hạnh chi xiết, nên nói là “mừng”.

“Lãnh chỗ đã được nghe” là: Tin rồi không còn nghi. Thọ rồi chẳng dám sai như vâng lời của quốc hội, tuân mạng lệnh của đảng gia thân (cha lành) cho nên nói là lãnh vậy.

“Trọng chỗ đã được nghe” là: Trong lòng cảm kích, năm vóc kiêu cần, như nhớ ơn rất tốt, lay tạ không thôi, cho nên nói là “trọng”.

“Giữ tu” là: người xưa nói: “Tới mà nghe Đạo nơi Thầy, lui về làm Đạo nơi mình”, chẳng phải như đời bây giờ: nghe vào lỗ tai, nói ra lỗ miệng (năng thuyết bất năng hành).

“Ba món tư lương” là như văn trước nói: Nghe mà tin là Tín tư lương; Tín mà chịu là Nguyện tư lương, chịu rồi đi là Hành tư lương.

“Ba huệ” là: Văn tức thuộc văn huệ, hoan hỉ tín thọ đó tức thuộc Tín huệ, đi về giữ tu đó tức là thuộc tu huệ.

Sớ: Lại chữ hoan hỉ đây cũng đủ ba nghĩa thanh tịnh như lời sớ trong Quán Kinh nói.

Sao: Ba nghĩa là: Lời sớ trong Quán Kinh nói: 1. Người năng thuyết được thanh tịnh. 2. Pháp bị thuyết được thanh tịnh. 3. Y theo pháp tu đạo quả, được Thanh tịnh. Đủ ba nghĩa đây, cho nên nói “hoan

hỉ”.

Nay nói pháp trì danh được vãng sanh chính là đức Phật ngài thuyết. Phật là người bực Nhứt Thế Trí, chẳng phải như cái pháp của bốn hạng người kia thuyết vậy; thế là người được thanh tịnh. Gặp người như vậy đâu chẳng hoan hỉ?

Trì danh được vãng sanh liền chứng pháp tam muội, thế là thật giáo Đốn và Viên, chớ chẳng phải pháp quyền thừa vậy; thế là pháp được thanh tịnh. Nay nghe pháp như vậy đâu chẳng hoan hỉ.

Trì danh được vãng sanh liền chứng đặng bực bất thối chuyển, thẳng đến thành Phật, chớ chẳng phải bực tiểu quả vậy; thế là quả được thanh tịnh. Chứng quả như vậy đâu chẳng hoan hỉ.

Sớ: Lại chữ “hoan hỉ” đây cũng gồm có cao có thấp, là mỗi mỗi đều tùy theo sở đắc của mỗi người tu.

Sao: “Cao và thấp” là như Kinh Hoa Nghiêm bực sơ địa, gọi là bực Hoan Hỉ địa. Lại trong văn Kinh nói: Đủ hai mươi món hoan hỉ.

1. Đòi sau được 10 câu: Như chỗ nói: Vì niệm được danh các vị Phật, nên sanh tâm hoan hỉ. Vì niệm được các pháp môn nên sanh tâm hoan hỉ v.v...

Nay người nghe được Kinh này tự mừng rằng: Ta đòi sau cũng được như Phật A Di Đà, ta đòi sau cũng được các pháp môn như thế của Phật A Di Đà vậy.

2. Hiện đòi được 10 câu: Như chỗ nói: Đã xa lìa tất cả cảnh giới thế gian nên sanh tâm hoan hỉ. Vì được thân cận tất cả vị Phật nên sanh tâm hoan hỉ v.v... Nay người nghe được Kinh này, hiện đòi được

xa lìa cảnh giới Ta Bà ngũ trược. Hiện đời được sanh về Tịnh Độ cửu liên được gần gũi Phật A Di Đà và chư Phật vậy.

Hai mươi hoan hỷ đây thuộc về trong địa vị (ngôi thập địa). Cứ theo Kinh Hoa nghiêm thì điều hoan hỷ của Kinh này thuộc về trong ngôi thập địa Bồ Tát. Ngoài ra thì ngôi thập hạnh, về sơ hạnh cũng tên là Hoan Hỷ; trong văn Thập trụ về ngôi sơ trụ cũng nói: “Được vô biên việc hoan hỷ” v.v... Cho nên nói: “Có cao có thấp”. Nếu thấp lại còn thấp nữa thì tùy theo phân lượng tu nhơn của mỗi người kia thì cũng được phần vui về pháp hỷ mà thôi.

Sớ: Lại kết qui về chữ Tín Thọ là do vì từ ban đầu cho đến cuối sau đều dùng chữ Tín làm căn bản.

Sao: “Ban đầu, cuối sau” là: Đầu Kinh nêu hai chữ Như thị, là lời Tín Thuận. Nay cuối Kinh lại nói Tín Thọ thời biết nhơn Tín mới sanh ra nguyện, nhơn nguyện mới khởi ra hạnh. Từ đầu phát tâm, kế cuối được vãng sanh, rốt ráo thành Phật đều nhờ sức Tín; cho nên nói: “Từ đầu chí cuối lấy chữ Tín làm căn bản”.

Sớ: Kinh Đại Bản lời kết Kinh có nói đủ các chúng sanh đều được lợi ích được Long Thiên Hộ pháp xuống phước lành. Nay Kinh này, không nói là bớt văn vậy.

Sao: Kinh Đại Bản nói: “Phật nói Kinh này rồi, có vô lượng chúng sanh phát tâm để tu chứng bậc vô thượng chánh giác. Một vạn hai nghìn số na do tha người chứng pháp Nhãn Tịnh; 22 ức vị chư Thiên, kẻ Nhơn dân đắc quả A Na Hàm. 80 vạn tỷ kheo đặng bậc Lưu Tận Ý Giải; 40 ức Bồ Tát đặng bậc bất thối chuyển. Ba nghìn Đại thiên thể giới sáu món rúng động, hào quang sáng lớn, tỏa chiếu khắp

10 phương các quốc độ, trăm nghìn tiếng âm nhạc tự nhiên nổi lên. Vô lượng thứ hoa màu, lãng xăng rải xuống, nhả đến trời A Ca Ny Tra đều sắm đủ món vi diệu cúng dường”.

Lại nói: “Có 25 ức chúng sanh đặng bực bất thời chuyển nhả đến bốn vạn ức số na do tha chúng sanh đối với quả Vô Thượng Bồ Đề chưa từng phát tâm, nay mới bắt đầu phát khởi, trồng các thiện căn, nguyện sanh về Cực Lạc thế giới, đồng sẽ sanh về, đều ở các phương khác theo thứ lớp thành Phật, đồng một danh hiệu là Diệu Âm. Lại có 80 vạn ức số na do tha chúng sanh được thọ ký pháp nhả”.

Sớ: Lại Kinh Đại Bản có dặn dò công đức trì Kinh, nay trì Kinh này cũng phải có công đức như vậy.

Sao: Kinh Đại Bản Phật bảo Ngài Di Lặc: “Nay đem pháp môn này giao phó lại cho ông. Ở trong đại chúng, ông cũng khai thị cho chúng phải dạy viết tả, giữ gìn đôi trong Kinh này, sanh lòng tưởng như vị Đạo Sư”.

Lại nói có vô lượng ức các vị Bồ Tát cũng đều cầu pháp môn vi diệu này: “Các ông chớ trái lời ta (Phật) mà bỏ qua, sẽ khiến cho các ông mê man trong đêm dài, chịu đủ muôn điều nguy khổ. Thế cho nên ta nay nói lời đại chúc lụy”. Nay Kinh này không nói, đều là bớt văn vậy.

Sớ: Lại Kinh Đại Bản và Kinh Pháp Diệt đều nói: “Đến ngày Pháp của Phật tiêu diệt, riêng còn để lại Kinh này”. Cho nên biết Kinh này có cái năng lực tổng trì cho đời mạt pháp như trong luận Hoa Nghiêm nói.

Sao: Kinh Đại Bản nói: “Qua đời đương lai (26) trong buổi khởi

lửa, Kinh điển và đạo lý đều bị diệt hết. Ta do tâm từ bi riêng để lại Kinh này một trăm năm. Chúng sanh được gặp, không có một người nào mà chẳng đắc độ”.

Nếu có chúng sanh đối với quyển Kinh này, viết tả cúng dường thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói, đến khi mạng chung Phật cùng các vị thánh chúng hiện ra trước mặt người ấy trong giây lát liền sanh về cõi kia vậy.

Kinh Pháp Diệt nói: “Chừng đó, Kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt trước (27), kể đến các Kinh thầy đều diệt hết; riêng còn Kinh Vô Lượng Thọ độ các chúng sanh” (Kinh này có tên là Vô Lượng Thọ).

Trong Hoa Nghiêm Luận nói đến cái thời chánh pháp đã diệt (28) do nhờ sức tổng trì (29) Kinh này (Kinh Hoa Nghiêm) gìn giữ các tông pháp khác, làm cái nơ cho giáo lý được hoạt động lưu chuyển.

Nay đây nói các Kinh đều lần lượt tiêu diệt, riêng còn Kinh A Di Đà tức Kinh Vô Lượng Thọ này là một môn niệm Phật, rộng độ chúng sanh. Thời ra các Kinh đã diệt mà Kinh Tiểu Bản tức Đại Bản này không diệt, tức là còn để lại một món trì danh niệm Phật này lưu chuyển vô tận. Thế thì biết rằng: chính cái pháp trì danh niệm Phật của Kinh này nó cũng có cái sức tổng trì như Kinh Hoa Nghiêm kia.

Tất cả chúng sanh phải nên tôn trọng cung kính, tín thọ phụng hành Kinh này vì Kinh này ở chỗ nào cũng như Phật ở chỗ đó.

Hỏi: Câu “riêng để Kinh này một trăm năm”, hai chữ “Kinh này” số là chỉ cho Kinh Đại Bản, này sao lại đem chỉ cho Kinh Tiểu Bản này?

Đáp: Vãn trước đã chẳng nói rồi hay sao? Vãn có nhiều và ít, nhưng nghĩa không hơn kém. Nghĩa là nói rộng thời là Kinh Vô Lượng Thọ, còn nói hẹp thời là Kinh Tiểu Bản Di Đà này, chớ chẳng phải có hai vậy. Vì A Di Đà dịch là "Vô Lượng Thọ"; thế thì Vô Lượng Thọ Kinh tức A Di Đà Kinh.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh không phiền não là nghĩa "hoan hỉ tín thọ". Tự tánh không trụ trước là nghĩa "tác lễ nhi khứ".

Sao: Tâm phiền não vốn vắng lặng, tánh hoan hỉ cũng không thời cõi khổ đâu chẳng phải là cõi vui. Đến, thiết không biết từ đâu mà đến, đi cũng chẳng biết sẽ đi về đâu.

Thế thời vắng sanh mà rốt ráo vô sanh, dùng vô sanh đây để mà sanh về cõi kia. Đúng ra chẳng phải sanh về cõi kia mà thiết là sanh nơi tự tâm của mình vậy.

Vậy sau không ai hỏi tự nói: Đức Thế Tôn khởi phụ lời không đàm; riêng lãnh đương cơ, ông Thân Tử khởi phụ lời trọng thác (lời giao phó). Đây thiết là hoan hỉ, đây thiết là tín thọ, mới gọi là đúng phép làm lễ đức Như Lai. Nếu ngoài cõi Cực Lạc Cửu Liên kia mà riêng nói là duy tâm; bỏ tên Di Đà vạn đức mà riêng tìm tự tánh, nên gọi rằng: "Đang qua sông mà hỏi bến đò, đối trước đèn mà đi tìm lửa" đó vậy.

KẾT THÍCH CHÚ Ý

(Kết giải ý nghĩa chú vãng sanh)

Bài thần chú Đà-la-ni Nhỏ Tất Cả Cội Góc Nghiệp Chương, Đặng Sanh Về Cõi Tịnh Độ".

Sớ: Giải thích đại ý của bài thần chú này: Do chú để giúp với Kinh, Kinh có thần chú thì Kinh càng rõ. Do Kinh trước chú, chú có Kinh vẫn thì chú càng linh, xen nhau mà dùng nên cần phải kết giải. Chú này rõ thấy trong truyện Bát Tư Nghi Thần Lực.

Người trì chú này, hết tội được vãng sanh. Nên dùng danh nghĩa là “nhỏ hết nghiệp chướng được sanh về Tịnh Độ”.

Chữ Đà La Ni dịch là Tổng Trì vậy.

Sao: Nghiệp chướng là: kể chướng có ba nghĩa: 1. Phiền não chướng. 2. Nghiệp chướng. 3. Báo chướng.

Nay nói nghiệp chướng là nói cái giữa thì đã gồm luôn cái trước và cái sau. Bởi sao? Vì phiền não là cái Nhơn của nghiệp; vì báo chướng là Quả của nghiệp. Nghiệp ắt có Nhơn; nghiệp ắt chịu Quả; nên nói nghiệp chướng thì đã gồm hai chướng kia. Nay chúng ta muốn trừ chướng, quý nhứt là trừ cội gốc của nó. Như gốc tuyệt thì không đâm chồi; chồi không nảy thì cành lá hoa trái đều không sống vậy.

Nay trì chú này thì phiền não không khởi là nghĩa “nhỏ trừc gốc nghiệp chướng”

Như trong truyện nói: Ngày đêm đều trì ba hoặc bảy hay là 21 biến diệt được tội ngũ nghịch, tội báng pháp v.v... các tội; phải vậy.

“Đặng sanh về Tịnh Độ” là: Chúng sanh luân hồi trong cõi Ta Bà đều là do nghiệp chướng, nghiệp chướng đã không thì hột giống cõi uế độ liền diệt, tùy nguyện vãng sanh, nên được sanh về cõi nước Cực Lạc Phật A Di Đà.

“Tổng trì” là tổng thống, nhiếp trì lại không sót và mất; tức là tên

riêng của chú này.

Truyện tên "Bất Tư Nghi Thần Lục Chú", tức Kinh này tên là "Bất Tư Nghi Công Đức Kinh".

Trì thần chú hay trì danh hiệu Phật cũng đều được vãng sanh một cách nên đồng tên là "Bất Tư Nghi".

Đời nhà Tống, niên hiệu Nguyên Gia (30), nước Thiên Trúc, ngài Tam Tạng tên Cầu Na Bạt Đà La dịch ra thần chú này.

Sớ: Chữ Tống là tên nước thuộc về đời Nam Bắc triều (31), Nguyên Gia là niên hiệu. Chữ Thiên Trúc là nước Tây Vực, Cầu Na Bạt Đà La dịch Công Đức Hiền.

Sao: Đời Tống mà nói là đời Nam Bắc đây, là đương thời đời đó Nam Bắc phân chia làm vua. Vua nhà Tống ở miền Giang Nam thì gọi là Lưu Tống (32).

Chữ Nguyên Gia là vua Văn Đế niên hiệu Nguyên Gia năm rôt vậ (453). Nước Thiên Trúc có chỗ khác nói: Nước Thân Độc, Thiên Trúc có năm nước đều chung gọi là cõi Tây Vực.

Ngài Bạt Đà là người rộng thông ba tạng, rất chuyên pháp Đại thừa nên hiệu ngài là Ma Ha Diễn. Nhưng cái thần dị đặc sắc của ngài chẳng phải một, chép đủ trong bộ truyện ký; đây sợ nhiều không dẫn. Có một bản dịch hai chữ Đà La, mà dưới chữ Đà không có chữ La. Hoặc có người nghi là ngài Cầu Na Bạt Ma. Do vì hai Ngài đồng thời đó, chưa rõ thần chú này là của ngài nào dịch (mà đầu của Ngài nào dịch cũng đều đúng cả).

Tụng chú như đây:

Nam mô A Di Đà Bà Dạ, đa tha dà đa dạ đa điệt dạ tha: A di rị đô bà tỳ, a di rị đa tất đam bà tỳ, a di rị đa tỳ ca lan đế, a di rị đa tỳ ca lan đa, già di ni, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào hay tụng chú này thời Phật A Di Đà thường đứng trên đỉnh đầu người đó, ngày đêm ủng hộ không cho kẻ oán thù làm hại, đương đời thường đặng an ổn, đến khi mạng chung, được tự tại vãng sanh.

Sớ: Các bản kia nghe phân câu cách có hơi khác; nay y theo bản xưa, với thần chú không phiên dịch bất tất gì cưỡng giải.

Sao: “Các bản chẳng đồng” là: Như câu: Nam mô A Di Đà bà dạ, một bản khác viết: “Nam mô a di đa bà da đa”, lấy chữ Đa ở đầu câu kể đem liên thuộc với câu trên, cho nên nói là “có hơi khác”. Nay bắt tất gì nhọc nhằn tìm xét phải quấy, miễn y theo một bản, chí tâm tụng trì tự thành lợi ích.

Lại có chỗ nói: câu "Nam mô a di đa bà dạ, dịch: “Kính lạy đức Vô Lượng Thọ Phật”; câu "đa tha dà đa dạ" tức là câu "đa đà a dà độ" dịch Như Lai. Câu "Đa điệt dạ tha", bản tân dịch: "Tha đích giả thát", bản cựu dịch: "Đát điệt tha".

Chữ “điệt” bộ Mịch, âm chữ Điệt bộ Xước, tức hai chữ "địa dạ" nói nhập lại làm một tiếng, dịch: „tức thuyết chú viết”. Từ đây sắp sau mới thiết là lời mật ngữ:

Song câu thần chú từ xưa dịch để nguyên âm chứ không dịch nghĩa, lược nói có năm ý:

1. Như lời mật chỉ của vị quốc chủ, chớ quấy rao truyền, vì chỉ

phải kính vưng.

2. Hoặc một danh từ hàm có nhiều nghĩa, ví như chữ Tiên Đà Bà (33).

3. Hoặc phương này không có ví như cây Diêm Phù Đề (34).

4. Hoặc thuận theo văn xưa ví như chữ A Nậu Bồ Đề.

5. Hoặc tôn trọng, chẳng phải tiếng nói của người Tàu đối chiếu đặng, ví như chữ "Bát Nhã" (dịch "Trí Huệ" cũng chưa hết nghĩa).

Có một chỗ nói: “Cũng có thể cưỡng giải”, nhưng đã nói rằng “cưỡng” chi bằng nín là hơn.

Sớ: Kinh và chú tương liên với nhau, chính là nghĩa Hiển và Mật viên thông.

Sao: Rõ bày nước kia, y chánh trang nghiêm và môn Tín, Hạnh, Nguyện như trong Kinh đã giải rõ đó gọi là Hiển.

Tuân theo lời kín nhiệm của Phật, chỉ tụng chú này thời liền đặng vãng sanh, đó gọi là Mật.

Hiển là bày rõ chỗ Mật ấy ra. Mật là giấu kín chỗ Hiển vậy. Gồm tụng cả hai thời đều tốt cả. Riêng tụng trì chừng một cũng tóm thâu không sót, nên nói rằng Viên Thông.

Sớ: Tuy nói rằng tóm thâu không sót, nhưng mà pháp chuyên trì danh hiệu còn hơn trì chú, cũng hơn thần chú khác và cũng hơn tất cả công đức khác.

Sao: Riêng khen pháp trì danh niệm Phật là:

1. Hơn thần chú Vãng Sanh này.

Vì lời giải của thần chú nói: “Tụng 30 vạn biến thời mới được thấy Phật A Di Đà”, mà pháp trì danh niệm Phật này thời chỉ một ngày được nhưt tâm liền có Phật hiện trước mặt.

Lại chú nói: “Ngày đêm 6 thời đều 3 hoặc 7 biến, hay là 21 biến diệt được tội ngũ nghịch cùng các tội khác”, mà pháp trì danh thời chỉ chí tâm niệm Phật một tiếng liền diệt được 80 ức kiếp đường sanh tử tội nặng.

2. Hơn các thần chú khác là: Chuyên niệm danh hiệu Phật tức là chú Đại Thần, chú Đại Minh, chú Vô Thượng và chú Vô Đẳng Đẳng.

Vì do 10 tiếng niệm Phật liền đặng vãng sanh, một phen sanh liền đặng bất thối, oai linh chẳng lường, thế gọi là Đại Thần; còn mấy nghĩa khác so đó để biết vậy.

Hỏi: Công đức của Chuẩn Đề rất rộng, rất lớn mà thế nào chỉ niệm danh hiệu Phật lại đặng hơn kia?

Đáp: Vì phẩm và lượng của Chuẩn Đề là còn ở nơi Nhơn Địa Bồ Tát, còn Di Đà là quả vị Như Lai. Vậy hơn đó để so mà biết được rằng:

Trì chú Chuẩn Đề đã có thần lực rất rộng rất lớn như thế thì niệm Phật A Di Đà há chẳng linh ứng nhiều hơn chú Chuẩn Đề à?

Cho nên trong Kinh nói: “Niệm 62 ức số hằng hà sa danh hiệu các vị Bồ Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát, phước kia bằng nhau”.

Lại nói: “Niệm vô lượng vô số danh hiệu đức Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát, phước kia

bằng nhau”. Đó, niệm Bồ Tát còn được như thế, huông chi là niệm Phật?!

3. Cũng hơn các công đức khác là: Lục Độ vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhưng chuyên niệm một danh hiệu A Di Đà thì gồm thâu được tất cả công đức của mỗi mỗi pháp môn khác do vì không ngoài một lý Nhất Tâm như trong văn trước đã nói rộng.

Vậy xin các bạn giữa "Tịnh nghiệp đệ tử" nên chuyên một đức tin, chuyên một tâm niệm Phật mà thôi, chớ đừng lưỡng lự gì nữa. Như trong Kinh nói: “Dầu có một pháp nào cao hơn cõi Niết Bàn đi nữa, cũng là chẳng đoái đến”.

Trong Thiên tông các vị tri thức có dạy người chỉ giữ một câu thoại đầu (một câu niệm Phật) không cần tu các pháp nào khác.

Nên biết rằng: Nguyên những người đã tu học các pháp môn khác, còn phải bỏ đi để tu theo pháp niệm thay, huông chi những người vốn đã tu pháp môn niệm Phật lại đổi chỗ sở thú của mình mà chuộng về môn khác ư?

Thế là tâm muốn hàng hai, chí chẳng qui nhất, làm sao để đặng thành tựu pháp Tam Muội?

Rủi tới con vô thường, luống không đặng chi, chẳng xét nhớ lỗi mình, trở đem phao lời hủy báng. Than ôi! Làm lắm!!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh nó không thì vẫn là không là nghĩa “nhỏ trốc hết nghiệp chướng”.

Tự tánh nó có thì cũng vẫn có nó là nghĩa Đà La Ni. Tự tánh nó chẳng có chẳng không là nghĩa “sinh về Tịnh Độ”.

Sao: Tìm tâm rốt không thể đặng thời là nghĩa tất cả nghiệp chướng ai làm cội gốc? Tức là tâm nó không chỗ nào mà chẳng đủ tất cả công đức, không đức nào nó chẳng tổng trì!

Đương khi nó tổng trì mà chẳng dính một mảy trần thì cái có đó là có bằng "tức không".

Thể nó không có cội gốc mà sanh ra cả muôn pháp thì cái không đó là không bằng cái "tức có".

Tức có thời chẳng phải thật không, tức không thời chẳng phải thật có. Chẳng không chẳng có, chỉ có nhứt Tâm, chẳng vượt ngoài nhứt tâm, ấy gọi là Tịnh Độ.

QUYỀN 4E

1. "Tứ chúng": 1. Tỳ Kheo (Bhiksu). 2. Tỳ Kheo Ni (Bhiksuni) 3. Ưu Bà Tắc (Upasaka). 4. Ưu Bà Di (Upasika).

2. "Thời hơn tự chẳng biết": Xưa nói: "Di Lặc thật Di Lặc, hóa thân nghìn trăm ức, mỗi giờ hiện trước người, mà tự người không biết".

3. "Hơi ấm": Cái thân của người ta lúc chết, chỉ có nơi trái tim là còn hơi ấm rớt sau, vì cái thức A Lại Da nó còn ở tại đó. Đến chừng mà nơi đó lạnh là thức ấy lìa khỏi xác, gọi bằng "khứ hậu, lai tiên" lúc chết thì nó đi rớt sau; lúc đầu thai thời nó đến trước (trong luận Duy Thức có nói rõ).

4. "Ghét thương cha mẹ": Sau khi thở hơi cuối cùng, thần thức nó bỏ cái thân tiền ấm (tử thi), lìa ra, nó hóa sanh làm cái thân trung ấm ở giữa không gian. Bây giờ, đối với nó, cả vũ trụ toàn là đen tối, chỉ chỗ

nào có nhọn duyên với nó là nó thấy ánh sáng: Lửa dâm dục của cha mẹ đương hành dâm thì nó đến liền nhanh hơn chớp; hoặc thương cha ghét mẹ nếu nó sắp đầu thai để sanh làm con gái; hoặc thương mẹ ghét cha nếu nó sẽ là con trai; vì tình thân ái khiến nó phải như thế; gọi là "nhơn ái tình làm giống". Kế đó, nó sanh tâm niệm vọng tưởng: Chính nó hành dâm với giống đực nếu nó là giống cái. Với vọng tưởng ấy, gọi là "tối sơ nhứt niệm điên đảo", vì nó tưởng chính nó hành dâm, chớ không còn thấy có cha mẹ nữa, nên nói là điên đảo. Bây giờ nó đã đầu thai rồi gọi là "nạp tướng thành thai" (xem bài tựa thứ nhứt của bộ Duy Thức Tam Tụ Kinh thấy rõ).

5. "Tiểu thánh sơ tâm": 1. Đối với Đại thừa thì 4 quả Thánh Thinh Văn gọi là Tiểu Thánh; 2. Đối với Phật thừa thì các Bồ Tát trong Đại thừa, gọi là Tiểu thánh vì chỗ chứng ngộ còn cạn thập Sơ tâm: Hoặc mới phát tâm cầu học đạo Bồ Đề, hoặc mới phát tâm học đạo Đại thừa Bồ Tát. Tiểu thánh sơ tâm đây cũng chưa biết được chỗ "sanh lai tử khứ" của mình vì lòng vọng hoặc còn nhiều, đương dứt hoặc, chứng chơn chưa được mây, nên có chỗ bảo: "Sanh bất tri tùng hà xứ lai, tử bất tri tùng hà xứ khứ", gọi là "Bồ Tát cách âm hôn mê": Cái thân ngũ âm hiện nay cách biệt với thân ngũ âm đời trước nên nói là hôn mê, không nhớ được quá khứ bởi còn vô minh (trừ bậc Đăng Giác Bồ Tát).

6. "Chưa biết chỗ xuất nhập": Các Hiền Thánh trong pháp xuất thế gian cũng nhiều vị chưa tự biết sự luân hồi của mình nếu chưa chứng ngộ pháp "thập nhị nhơn duyên" và chưa chứng pháp tức mạng thông. Huống chi là các Hiền Thánh trong thế gian thì làm gì biết được? Như các ngài: Nghiêu, Thuần, Vũ, Thang, Châu Công, Khổng Tử... đều

được thiên hạ từ xưa nay tôn sùng là bực Thánh; thế mà các Ngài cũng đều chưa tự biết kiếp trước là gì. Các ngài Trần Nhơn Tôn, Trần Hưng Đạo trở về già đều có đi tu cả mà cũng chưa chứng "túc mạng thông". Chí như đức Thánh Tổ Hoàng Đế là vua Khang Hy đã từng than rằng: "Ngã bồn Tây thiên nhứt nạp tử, vân hà đọa lạc đế vương gia"? (Ta vốn là một nhà sư của đạo Phật, thế sao sa vào nhà đế vương?) Cũng có hơi biết nhưng mập mờ! Vì chưa được tự sáng suốt. Trừ các ngài và những bực đã có chứng túc mạng thông và cả lục thông, từ bực La Hớn sắp lên.

7. "Nên gọi là điên đảo": Khi trung âm đến để đầu thai, với giữa cha mẹ nó, nó tư tưởng là nó làm sự ái ân, chớ nó không còn nhận thấy sẽ là cha mẹ của nó. Đó là với cái thân ngày nay đây, gọi cái tương tự làm ái ân hồi đầu thai đó, là tối sơ nhứt niệm đảo điên (xem ở số 4 trên).

8. "Bảy thú": Bảy chỗ để đến (thú) đầu thai: 1. Địa ngục thú (narakagati); 2. Ngạ quỷ thú (preta); 3. Súc sanh thú (tirayoni); 4. Nhơn thú (manusya); 5. Thần tiên thú (bsi); 6. Thiên thú (deva); 7. A Tu La thú (Asura). Kinh Lăng nghiêm cuốn 9 nói: "Các thú: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn loại, thần tiên, thiên loại và tu la, xét ra các thú ấy đều bị khổ tối tăm trầm nịch! Về với các cái thân tướng hữu vi, chúng vọng tưởng để thụ sanh, chúng vọng tưởng để theo nghiệp". Bảy thú ấy đều ở trong ba giới, đều chịu cái công lệ luân hồi sanh tử mà không tự biết được cái kiếp đời sống thác của mình, gọi là "túy sanh mộng tử" (sống say chết mộng).

9. "Ngài Tứ Minh": Đời Tống, ngài Trí Lễ pháp sư ở núi Tứ

Minh (núi này ở phía Nam phủ Khánh Nguơn, Ninh Ba tỉnh Chiết Giang) để chân hưng chánh nghĩa của tông Thiên Thai, nên gọi Tứ Minh tôn giả. Ngài Pháp Trí tôn giả, húy Trí Lễ, tự ước ngôn; người đời sau nhơn chỗ ngài ở nên xưng là Tứ Minh đại sư. Ngài xuất gia từ hồi 7 tuổi; 15 tuổi thụ Cụ Túc giới, chuyên tinh học bộ luật Thiên Thai Tông, hậu học đa sùng tôn trọng.

10. "Trí đức, đoạn đức": Soi rõ được chơn lý là Trí đức, dứt hết phiền não là Đoạn đức, tức là Bồ Đề và Niết bàn. Luận Vãng Sanh lời Chú Giải rằng: "Luận về Trí thì không nghĩa nào không thông; nói về đoạn thì bao tập khí cũng không còn. Với Trí Đoạn đều đủ mới có thể làm ích lợi cho đời".

11. "Việt, Ngôn, Yên, Tần": Việt: Nước Việt, tức là giống U Việt, nay là tỉnh Chiết Giang. Nước Ngô nay là địa phận đất huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô. Nước Yên, nay là đất các tỉnh Phụng Thiên, Trục Lệ và Bắc bộ của nước Triều Tiên. Nước Tần nay là các tỉnh Cam Túc, Thiểm Tây.

12. "Dao giết trâu": Sách Luận Ngữ nói: "Đức Khổng Tử qua ấp Vũ Thành nghe tiếng cầm, sắt và ca xướng, ngài chúm chím mỉm cười rằng: "Với việc cắt cổ gà đâu lại dùng đến cái dao thọc cổ trâu"! Lời chú Vũ Thành là cái ấp nhỏ, hà tất dùng đến cái dao lớn? "Cát kê": Cắt cổ gà, tỷ dụ: Với cái tài năng lớn lại đem sử dụng vào việc nhỏ, nên nói: "Cát kê yên dụng ngu dao".

13. "Nước Ngô thành ao": Người xưa là ông Ngũ Tử Tư, tổ quán nước Sở, đời Xuân Thu. Ông nói: "Nước Việt nó sanh nở, sống chung chừng 10 năm, giáo dục huấn luyện lối 10 năm, sau 20 năm đó, nó sẽ

đánh nước Ngô thành ao vũng mà chớ". Lời chú: Cả cung thất thành lũy của nước Ngô đều thành ao nước như đục!

14. "Sáu thù": 24 thù là 1 lượng, 16 lượng là 1 cân. Phía Nam nước Ân Độ, có hòn núi tên là Nguu Đầu vì hình núi giống cái đầu trâu. Núi ấy nó sản xuất thứ cây Chiên Đàn đỏ có kết tinh hương quý giá ấy.

15. "Tổ pháp thân": Pháp thân suông. Chữ Tổ nghĩa là không tron. Như không thật sự làm việc mà có ăn lương bổng gọi là "tổ xan". Không chức tước phẩm vị gì cả mà giàu có gọi là "tổ phong". Đời Tấn, ông Đỗ Dự xưng tụng đức Khổng Tử là "Tổ Vương" do vì kẻ thất phu mà làm thầy cả muôn đời, bởi không nương cậy nơi uy quyền mà thể lực cũng đồng bực với Đế Vương. Tổ pháp thân chỉ có cái hiện thể của pháp thân mà chẳng đủ những công đức của pháp thân. Ngài Thiên Thai bảo là "Lý tức Phật" chính là cả chúng sanh giữa 3 ác đạo. Sách Tứ Giáo Nghi nói: "Nay dù rằng Tức Phật; đây là "Phật bằng lý" cũng là „Tổ pháp thân’ thì Phật ấy có quan hệ gì với công tu chứng đâu, vì chưa có phước đức công hạnh để trang nghiêm thân thể”. Lời chú giải rằng: Không việc rõ công đức trang nghiêm, thể pháp thân trống không, là chỗ bị Thiên Long Bát bộ khinh hèn.

16. "Cây thụ vương": Lớn nhất giữa các loại cây trên thế giới nên gọi Thụ vương (cây chúa). Tụ phẩm Kinh Pháp Hoa nói: "Cõi nước tự nhiên xinh đẹp lạ lùng, như bông nở rộ của cây chúa trên trời". Cây lớn nhất thế giới đây tức là cây Ba Lợi Chất Đa ở trên cung trời Đao Lợi mà trong Kinh Khởi Thế cuốn thứ 6 và Kinh Trường A Hàm cuốn 20 đều có nói.

17. "Nhứt Thế Nghĩa Thành": Gọi đủ là "Nhứt Thế Nghĩa Thành Tụ" tức tên hội còn làm Thái Tử của Phật, mà dịch nghĩa bởi danh "Tát Bà Hạng Thích Ca Tất Đạt" (đời Đường dịch Nhứt Thế Nghĩa Thành Tụ), cựu dịch Tất Đạt là sai. Với nghĩa trên, thấy trong cuốn 7 bộ Tây Vực Ký. Kinh Hoa Nghiêm cuốn 12 nói: "Với giữa 4 châu thiên hạ, đức Như Lai hoặc là "Nhứt thế nghĩa thành tụ" hoặc tên là "Thích Ca Mưu Ni". Vì "Nhứt thế nghĩa thành tụ" là: "Trọn nên tất cả nghĩa".

18. "Dịch địa giai nhiên": Đương thuở thái bình mà ông Vũ, ông Tắc đã 3 lần đi ngang qua cửa ngõ đều chẳng vào nhà mình, vì cần với bốn phận đương làm việc nên được đức Không Tử khen ngợi. Đương thời loạn lạc mà thầy Nhan Uyên ở nơi xóm hẻm nhỏ, trong lều tranh chỉ có một đày com, một bầu nước mà thôi. Theo người ta thì chẳng xiết nỗi âu lo mà thầy Nhan vẫn không đổi chí vui nên cũng được đức Không Tử khen ngợi. Thầy Mạnh nói: "Hạ Vũ, Hậu Tắc và Nhan Uyên đồng một đạo thể". Lại nói: "Các ngài: Vũ Tắc, Nhan Tử, đổi địa vị thì đều thể". Vì vẫn vui với bốn phận dù cảnh ngộ, trường hợp có khác, chứ tâm địa vẫn đồng.

19. "Tự thệ tam muội": Như tiền thân của Phật Thích Ca là ngài đại thần Bửu Hải phát nguyện tương lai ở cõi Kham Nhẫn uế độ thành Phật để tế độ chúng sanh; mà nay lời thệ nguyện đó Ngài đã chứng đặng rồi nên nói: "Riêng một mình Ngài chứng đặng tự thệ tam muội", đủ thấy trong Như Lai Độc Chứng Tự Thệ Tam Muội Kinh".

20. "Phạm vương tên Nhẫn": Kiếp sơ là ban đầu. "Kiếp thành" nghĩa là bắt đầu mới thành cái thế giới Kham Nhẫn này. Trước nhưt

Trời Phạm vương đọa xuống làm người, do lấy tên người đặt tên cho cõi nên nói là Kham Nhẫn thế giới. Vì người tên Nhẫn, cõi phải tên Nhẫn, người, cõi Kham chịu với nhau nên gọi Kham Nhẫn. Sách Huyền Tán cuốn 2 nói: "Các khổ khôn ngặt mà chúng sanh vẫn kham chịu nhọc nhằn; các Bồ Tát ra làm lợi lạc cho, lại bị nhiều ganh ghét mà Bồ Tát cũng kham chịu được, nên chung lập thành tên cho cõi này là Kham Nhẫn".

21. "Đời ác thế" là cái thời kỳ mà loài người làm việc ác rất thanh hơn hết. Sách Tán Thiện Nghĩa gọi là ngũ trược ác thế. Trong kiếp "Trụ" từ cái thời kỳ mà loài người mỗi người còn sống được 2 vạn tuổi (kiếp giảm) là bắt đầu sanh 5 điều ác trược. Kiếp trược là phần chung, 4 trược kia là phần riêng vì giữa kiếp trược nó có 4 trược ấy. Bởi có 4 trược đó nên gọi là kiếp trược. Trong kiếp trược, từ mỗi người sống còn được 2 muôn tuổi thì cả thế giới đã bắt đầu xảy ra 5 trược nhưng còn nhẹ ít; dần dần theo thời đại biến giảm xuống thì cái trình độ 5 trược càng tăng kịch lên cao. Mà đức Thích Ca ra đời nhằm cái thời mỗi người chỉ sống còn có trăm tuổi thì trược nó lại quá ư kịch liệt! Huống nữa lại giảm xuống đến thời mà mỗi người chỉ còn 10 tuổi là kiếp giảm đã cực điểm thì trược nó lại càng không thể tưởng tượng được! Hiện nay mỗi người còn sống được trong ngoài 70 tuổi, trược nó đã quá với thời Phật ở đời (100 tuổi), vậy từ nay bắt một kẻ đi... thì còn 9.000 năm nữa mới đến cái thời mà con người chỉ còn có 10 tuổi là một đời (hết tiểu kiếp thứ 9). Thế thì giữa thời kỳ "chín ngàn năm" đó, ở thế giới này, chúng sanh làm gì có những đại đồng, tự do, hạnh phúc? Vì ngũ trược còn kịch liệt kia mà!

22. "Ngũ thanh": Năm điều thanh tịnh: 1. Kiếp thanh là bên cõi nước Thanh Thái chẳng có cái kiếp giảm, xảy ra 4 trước như cõi uế độ nên gọi Kiếp thanh; 2. Kiến thanh: Nhận thấy không mê lầm như Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến của cõi này; 3. Ý thanh: Ý thức không tham, sân, si.... phiền não mê tín tu lầm luyện sai như cõi này; 4. Mạng thanh: Thọ mạng vô lượng, không tăng lên 8 vạn 4 nghìn tuổi, không giảm xuống còn chỉ 10 tuổi, mà phải chịu cái khổ thọ mạng rút ngắn bằng sanh, lão, bệnh, tử; 5. Chúng sanh thanh: toàn chư thiện như cư hội nhưt xứ, đều là bực Thánh; chứ chẳng phải như nhưn gian này: cái thân quả báo sút kém, cái tâm tối dốt khiếp nhược; khổ nhiều phước ít như chúng sanh cõi này. Vì đều được kết quả bởi đa thiện căn phước đức nhưn duyên bằng cái tu nhưn trì danh niệm Phật đã thanh tịnh.

23. "5 thống, 5 thiêu, 5 ác": Tạo tác 5 điều ác là: Sát sanh, thâu đạo, tà dâm, vọng ngữ và ầm tửu đó thì khi còn sống bị lấy pháp luật của nước nhà làm hại. Lúc chết sa vào ác đạo gọi là 5 điều thống khổ làm cho thân tâm bị đau khổ như lửa cháy nên dụ là "5 điều thiêu đốt". Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Ta nay làm Phật giữa thế giới này ở trong 5 thống 5 thiêu rất là kịch khổ để giáo hóa chúng sanh khiến chúng sanh bỏ 5 ác, trừ 5 thống, lìa 5 thiêu. Thế mà chúng sanh không bỏ, cứ say sưa trong biển hồ sanh tử, Phật rất đau lòng khác nào người con bất hiếu không nghe lời, cứ tạo nghiệp, cha mẹ lòng thương lo lắng!"

24. "Tuởng diệt Nam": Trên hội Linh sơn, Phật thuyết Kinh Pháp Hoa, bảy giờ bực thượng đức Thịnh Văn nghe chẳng nổi pháp Nhưt Thừa thật tướng, đứng dậy lay Phật rồi lui về, kể có 5.000 người, gọi bằng "Ngũ thiên thối tịch". Và trên hội Hoa Nghiêm, những chúng

chẳng thấy được cái thân tốt của Phật Xá Na cũng là đồng một hạng nghe pháp không hiểu nổi, đành chịu thua lui về, như quân sĩ bại trận nên bảo là “bại Bắc”. Ngài Đức Sơn, hiệu là Châu Kim Cang, chẳng tin cái thuyết đơn truyền trực chỉ của Nam Tông, ngài chép ra bộ "Thanh Long Sao" để làm tài liệu đem qua phương Nam, đặng đánh đổ Nam Tông. Đến gần biên cảnh, ghé vào quán nước để dùng điếm tâm. Mụ quán hỏi: “Ngài mang thứ chi đó?” “Kim Cang Thanh Long Sao”. “Kinh Kim Cang nói 3 tâm chẳng thể có, vậy ngài điếm tâm nào?” Đức Sơn Ngài không trả lời được! Sau đến nơi ngài Long Đàm gạn hỏi đôi phen, bỗng đặng giác ngộ, bèn than rằng: “Lẽ mầu đã biện tột rồi, bộ Thanh Long Sao như mảy lông để giữa không; cả lý do của thế gian dường như một nhều nước thả xuống biển thẳm, có ăn nhập vào đâu?” Rồi ngài đốt luôn bộ Kim Cang Thanh Long Sao. Ba tâm: Quá Khứ tâm, Hiện Tại tâm và Vị Lai tâm.

25. "A Tu La có 4 loại": Kinh Pháp Hoa, phẩm Tụ kể 4 loại A Tu La: 1. Bà Trĩ A Tu La vương ; 2. Khư La Khiên Đà A Tu La vương; 3. Tỳ Ma Chất Đa La Vương; 4. La Hầu A Tu La vương đều có hàng trăm hàng ngàn quyến thuộc. Kinh Khi Thế chép rằng: “Giữa loài A Tu La có một nhóm rất liệt nhược ở trong chốn núi sâu cõi nhơn gian, tức giữa núi phương Tây có một cái hang đá rất sâu, ở đó có rất nhiều cung điện A Tu La”. Kinh Pháp Hoa Văn Cú cuốn năm nói: “Thứ A Tu La thuộc về quỷ đạo thì ở bên đại hải, thứ A Tu La thuộc về súc sanh đạo thì ở dưới đáy biển”.

26. "Qua đời tương lai" là nói về khoản: Cuối tiểu kiếp thứ 9 và đầu tiểu kiếp thứ 10. Kinh La Hán Hộ Pháp chép rằng: “Cuối tiểu kiếp

thứ 9 này, lúc mà cả nhơn loại mỗi người chỉ sống còn có 10 tuổi là mãn đời đó, bấy giờ cả thế giới đều nổi lên cái tai đao binh. Chỉ trong 7 ngày, toàn cả loài người tàn sát lẫn nhau. Lúc đó (hết tiểu kiếp thứ chín) giáo pháp của đức Thích Ca phải tiêu diệt lần. Sau cái tai đao binh 10 ngày, bắt đầu qua cái tiểu kiếp thứ 10” v.v...

27. "Kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt trước": Vì nghĩa lý quá ư sâu xa cao thượng mà tâm trí của nhơn loại bấy giờ lại cực kỳ đơn giản tối tăm nên không tu học nổi Kinh pháp ấy! Đã chẳng học nổi thì còn ai đâu hoảng truyền pháp Thủ Lăng Nghiêm tam muội nữa, thành thử nó phải tiêu diệt trước là vậy.

28. "Thời chánh pháp đã diệt": Kể từ ngày mà Phật nhập diệt về sau đủ một ngàn năm là cái thời kỳ chánh pháp. Trong đời chánh pháp đó, hễ người xuất gia thụ giới đức hoàn toàn, thuộc lòng cả 3 tạng, nhứt là tạng Luật nên giới hạnh dễ ấn tâm truyền khẩu với nhau về cái quan điểm "giải thoát kiên cố", nên gọi là chánh pháp; nghĩa là chánh thức giữ đúng phép của Phật. Mà ở đây nói đời "chánh pháp đã diệt" là đã qua khỏi một ngàn năm nói trên rồi, tức là thuộc về đời Tượng pháp: nó tương tự chớ không được chánh thức. Vì kẻ xuất gia phần nhiều không thuộc lòng tam tạng, chẳng giữ trọn hạnh giới, chỉ chuyên về văn tự ngữ ngôn hơn tu chứng.

29. "Sức Tổng Trì": Đà La Ni (Dharani) dịch là Tổng Trì gồm giữ nghĩa là: Với việc lành giữ không cho mất, với việc ác giữ chẳng cho gây. Thể nó là Niệm, Định và Huệ, là chỗ của Bồ Tát tu đủ công đức. Tổng trì có bốn: 1. Pháp tổng trì cũng gọi là Văn tổng trì: Với giáo pháp của Phật, nghe nhớ giữ không quên. 2. Nghĩa tổng trì: Với nghĩa

lý của Pháp gồm giữ không cho mất. 3. Chú tổng trì: Bồ Tát y nơi tâm định rồi khởi niệm để trì tụng thần chú, trì chú đã được thần lực linh nghiệm, trừ được tai nạn bệnh hoạn cho nhân dân. 4. Nhẫn tổng trì: Trí chơn thật của Bồ Tát nhẫn chịu giữ được thật tướng của Pháp mà không cho mất. Trong Chơn Ngôn tông, Đà La Ni đây tức là Chú tổng trì đây vậy.

(A) "Riêng để Kinh này một trăm năm": Tức là Kinh Vô Lượng Thọ cũng là Kinh A Di Đà: Về tiêu kiếp thứ 10, trong thời kỳ tăng, bảy giờ từ 10 tuổi đó, tăng lên, đến chừng mà mỗi người sống được 8 vạn tuổi thì Kinh pháp của đức Thích Ca đều diệt hết, chỉ còn lại A Di Đà cũng như pháp "trì danh niệm Phật" còn lại một trăm năm độ sanh, vì chỉ có 6 tiếng dễ học dễ tu với trình độ của chúng sanh. Trong thời gian đó tăng đến mỗi người sống đủ 8 vạn 4 nghìn tuổi là thời tăng đã mãn, trở lại giảm xuống đến lúc mà mỗi người sống còn 8 vạn tuổi. Bảy giờ đức Di Lạc ra đời v.v...

30. "Nguon gia": Niên hiệu của Văn Đế (dương lịch 424, trước Dân quốc 1488 năm) đời Lưu Tống miền Nam bên Tàu bảy giờ (theo dương lịch thì trong khoảng: 420 - 476).

31. "Nam Bắc Triều": Từ đời Đông Tấn Nguon Đế (317) về sau, gọi là Nam Bắc triều: Chiếm cứ về khu vực phương Nam gọi là Nam triều, có 4 triều là: Tống, Tề, Lương, Trần đều là Hán tộc; chiếm cứ về miền Bắc là Bắc Ngụy, Bắc Tề, Bắc Châu. Cả Nam Bắc triều khởi từ năm Canh Thân (420) đến năm Ất Dậu (589) là hết vì Tùy văn Đế thống nhất nước Tàu, lên ngôi năm ấy kỷ hiệu là Khai Hoàng nguyên niên.

32. "Luu Tống": Gọi riêng về Tống Nam triều, bởi ông Lưu Dũ làm vua xưng Tống, nên gọi Lưu Tống, để cho riêng biệt với triều Tống là ông Triệu Khuông Dẫn làm vua sau này cũng xưng Tống.

33. "Tiên đà bà": Với danh từ "Tiên đà bà" đủ có bốn nghĩa là: 1. Muối. 2. Nước. 3. Ngựa. 4. Đồ vật dụng. Chỉ có một bề tôi đủ trí thức mới có thể hiểu được. Nghĩa là: Như lúc mà nhà vua dùng bữa, Ngài gọi rằng: Tiên đà bà thì vị trí thần hiểu ngay là vua cần dùng muối. Lúc nhà vua tắm gội, gọi "Tiên đà bà!", trí thần biết liền là hoàng thượng cần dùng nước. Khi nhà vua làm công chuyện, bảo: "Tiên đà bà!", vị trí thần ấy rõ ngay là thánh thượng ngài cần dùng đồ đạc gì đó. Lúc nhà vua, ngài muốn ra dạo chơi, gọi rằng: "Tiên đà bà!" thì quan trí thần ấy tức hiểu là Thiên Tử Ngài cần dùng ngựa.

34. "Diêm Phù Đề": Đọc đủ là Diêm Phù Đề Bộ Ba (Jampudvipa): châu Diêm Phù, nghĩa là giữa trung tim châu này có rừng cây Diêm Phù, dùng tên cây để đặt tên cho châu này; lại ở về phía Nam núi Tu Di nên gọi là Nam Diêm Phù Đề bộ ba, tức là cái châu mà loài người chúng ta ở đây. Luận Cu Xá cuốn 11 chép rằng: "Phía Bắc núi Đại Tuyết có núi Hương Túy, khoảng giữa 2 núi ấy, có cái ao nước lớn, tên là Vô Nhiệt. Bên ao ấy có rừng cây Thiệm Bộ tức Diêm Phù, hình cây rất cao lớn, trái rất ngon ngọt. Nhon danh rừng cây ấy nên đặt tên cho châu này là Thiệm Bộ Châu, cũng như Diêm Phù Châu".

HẾT